

ISSN 1859-4212

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

ĐẶC SẢN

Khoa học và Công nghệ

SỐ 1

2020

Chúc Mừng
Năm Mới



DẤU ẤN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG TRỊ
NĂM 2019

Trần Cảnh Thơ



TRUNG TÂM KHOA HỌC LÂM NGHIỆP BẮC TRUNG BỘ

Địa chỉ: 273 Lê Duẩn - Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3852.225; Fax: 0233.3852.998



Trụ sở chính Trung tâm KHLN Bắc Trung Bộ

Chúc Mừng
Năm Mới

2020



Phòng nuôi cấy mô



Mô hình khảo nghiệm các giống Keo lai cung cấp gỗ lớn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG

THỊ TRẤN KRÔNG KLANG - HUYỆN ĐAKRÔNG - TỈNH QUẢNG TRỊ

Chúc Mừng Năm Mới



Trụ sở UBND huyện Đakrông

Năm 2019, với sự chỉ đạo, lãnh đạo sâu sát, quyết liệt và tích cực của tập thể lãnh đạo huyện; sự quyết tâm của các cấp, các ngành địa phương, các tầng lớp nhân dân tình hình thực hiện các nhiệm vụ về phát triển KT-XH của huyện tiếp tục có nhiều chuyển biến quan trọng. Tổng giá trị sản xuất năm 2019 ước đạt 1.149,927 tỷ đồng, tăng 16,02% so với năm 2018; đạt 117,33% kế hoạch đề ra. Trong đó: Giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp ước đạt 302,987 tỷ đồng, tăng 8,48% so với năm 2018; Công nghiệp - TTCN, xây dựng ước đạt 374,54 tỷ

đồng, tăng 17,11% so với năm 2018; Thương mại - Dịch vụ ước đạt 472,4 tỷ đồng, tăng 20,51%. Trong năm 2019, huyện đã triển khai, xây dựng các mô hình sản xuất, ứng dụng tiên bộ KH&CN có hiệu quả vào thực tiễn. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai trồng thực nghiệm mô hình "Trồng giống cây Keo tai tượng Úc" tại xã Triệu Nguyên; hoàn thành Hỗ trợ xây dựng Nhãn hiệu tập thể "Đậu xanh Ba Lòng"; hướng dẫn UBND xã Tà Rụt xây dựng Nhãn hiệu tập thể "Chuối lùn Tà Rụt". Tổ chức kiểm tra đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa; tập huấn nghiệp vụ Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng sản phẩm hàng hóa; sở hữu trí tuệ; tập huấn hướng dẫn xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001...

Năm 2020, phát huy những thành tựu đã đạt được UBND huyện Đakrông bám sát Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V và Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm (giai đoạn 2016-2020), UBND huyện tập trung huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân./.



SIÊU THỊ CO.OPMART ĐÔNG HÀ

Chúc Mừng Năm Mới



2020



*Xuân
Đanh
Tý*





2020
HAPPY NEW YEAR
CANH TÝ

Chúc Mừng Năm Mới
Happy New Year



*Công ty Cổ Phần Khoáng sản Quảng Trị
là bạn đồng hành tin cậy của các đối tác và khách hàng*



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUẢNG TRỊ

QUANG TRI MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Add: Vinh Linh - Quang Tri * Tel: 02333.820028 * Fax: 02333.621848 * Web: www.qmc-titanium.com

PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG HUYỆN HƯỚNG HOÁ

Địa chỉ: Thị trấn Khe Sanh - Huyện Hướng Hoá - Tỉnh Quảng Trị

Chúc Mừng Năm Mới



Trụ sở Phòng Kinh tế - Hạ tầng Huyện Hướng Hóa

Được sự lãnh đạo sâu sát của Huyện ủy, sự chỉ đạo tích cực quyết liệt của UBND huyện, năm 2019, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hướng Hóa đã triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao góp phần tăng cường việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trên địa bàn. Từ đó, thúc đẩy hoạt động KH&CN cấp huyện có những bước chuyển mình, bắt nhịp, phục vụ đắc lực, kịp thời cho phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) huyện.

Về công tác tham mưu: Phòng đã tham mưu UBND huyện đề xuất sản phẩm “*Bơ Hương Hóa*” đăng ký nhãn hiệu tập thể gắn liền với địa danh; tham mưu kế hoạch chuyển đổi từ hệ thống QLCL ISO 9001: 2008 sang hệ thống QLCL ISO 9001:2015; ...

Về hoạt động ứng dụng KH&CN: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ về nhân rộng các mô hình khoa học công nghệ; xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương; triển khai nhiều đề tài/dự án nghiên cứu

mang lại hiệu quả như dự án: “*Xây dựng vùng trồng và tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu ba kích tại xã Tân Hợp*”; dự án “*Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây xoài ghép Đài Loan (ĐL4), cây sầu riêng Monthong (Thái Lan) và cây chôm chôm tại xã Hướng Phùng*”; Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở, HTX trên địa bàn huyện đầu tư ứng dụng đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, tăng giá trị sản phẩm,

Về quản lý TC-ĐL-CL trên địa bàn huyện: Trong năm 2019, Phòng đã tổ chức và phối hợp tham gia các đoàn kiểm tra về chất lượng, định lượng, nhãn mác hàng hóa hàng đóng gói sẵn và kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại 32 cơ sở kinh doanh tiêu dùng và sản xuất ở các chợ và các hộ kinh doanh trên địa bàn huyện. Từ đó, tăng cường quản lý việc chấp hành tốt các quy định của pháp luật về TC-ĐL-CL, đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

Năm 2020, cùng với các phòng, ban, địa phương, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hướng Hóa tiếp tục quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ, phương hướng đã đặt ra như: Thúc đẩy hoạt động của Hội đồng KH&CN cấp huyện; Tham mưu tổ chức các kỳ họp Hội đồng KH&CN cấp huyện xét duyệt đề tài/dự án năm 2020; Đề xuất danh mục dự án thuộc chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm triển khai mạnh mẽ và phát huy hiệu quả các tiến bộ KHCN trong thực tiễn tại địa phương. Từ đó, góp phần đưa các sản phẩm đặc sản, các cây, con có giá trị trở thành sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập, đời sống của nhân dân./.

Các mô hình thí điểm:



Mô hình thí điểm chanh leo Nafood



Mô hình sấy nghệ vàng ở Hướng Phùng

TRONG SỔ NÀY

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Dấu ấn khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị năm 2019 6
Ban biên tập
- Khoa học và công nghệ ngày càng gắn hơn với thực tiễn sản xuất và đời sống, phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội địa phương 12
Trần Ngọc Lân
- Truy xuất nguồn gốc hàng hóa - bước tiến trong hội nhập, tạo niềm tin cho người tiêu dùng và sự cạnh tranh bình đẳng 18
Trần Thiêm
- Hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện: Tạo động lực phát triển bền vững ở địa phương 23
Trần Phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Hoàn thiện sản phẩm du lịch tại các di tích lịch sử cách mạng - Giải pháp củng cố thương hiệu du lịch Tỉnh Quảng Trị 30
Bùi Thị Tám
- Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập 37
Nguyễn Trí Ánh
- Đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay 41
Lê Thị Hương và cộng sự

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

- Khảo sát khả năng sinh trưởng và phát triển 2 giống tỏi tía Ba Đồn và tỏi Lý Sơn vụ Đông Xuân 2018 - 2019 tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị 54
Phạm Thúy Hoài và Nhóm tác giả
- Giải pháp đẩy mạnh hoạt động truy xuất nguồn gốc nông sản tại Quảng Trị 60
Lê Thị Ngọc Diệp
- Quản trị thương hiệu trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 từ góc độ sở hữu trí tuệ 64
Hà Nguyệt Thu

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

- Đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: Thực trạng và giải pháp 70
Đinh Thị Thu Hoài, Trần Văn Toàn
- Hát sắc bùa - Mỹ tục ngày xuân 78
Cái Thị Vượng
- Những thành tố văn hóa tạo nên diện mạo đặc trưng của làng người Việt Quảng Trị 83
Nguyễn Thị Nường

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG SÁNG HỌC TẬP VÀ LÀM THEO LỜI BÁC

- Lan tỏa những việc hay, tấm gương sáng học tập và làm theo lời Bác 87
Nguyễn Trí Ánh

TRANG XUÂN

90



CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Trần Ngọc Lân
Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

CƠ QUAN THỰC HIỆN

Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị
Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ - Đông Lương
Đông Hà - Quảng Trị.
Điện thoại: (0233) 2211643.
Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 30/GP-XBĐS ngày 06/12/2019 của Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông. In 300 cuốn, khổ 20x28 tại Công ty TNHH Song Lam, 47 Lê Thế Hiếu - Đông Hà - Quảng Trị. In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2020



Nhân dịp năm mới Xuân Canh Tý 2020, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị trân trọng gửi đến các đồng chí Lãnh đạo, các nhà quản lý, các nhà khoa học, cộng tác viên và bạn đọc gần xa lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRẦN NGỌC LÂN**

Chúc Mừng Năm Mới
2020



DẤU ẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2019

BAN BIÊN TẬP

Năm 2019 được xem là năm bứt phá ngoạn mục của nền kinh tế, trong điều kiện phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức do dịch bệnh, thiên tai nhưng bức tranh kinh tế tỉnh Quảng Trị đã có nhiều gam màu sáng hơn. Lần đầu tiên sau 7 năm tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,72%. Thu ngân sách đạt trên 3.100 tỷ đồng. Đồng hành với sự phát triển của tỉnh nhà, Ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) cũng đã có những đóng góp mạnh mẽ cho sự phát triển của các ngành chủ chốt trong bối cảnh tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4, khoa học và công nghệ có những vai trò to lớn trong chuyển đổi kinh tế sang nền kinh tế dựa trên công nghệ thông qua việc ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong Đặc san Khoa học và Công nghệ số đặc biệt chào xuân Canh Tý - 2020, chúng ta sẽ cùng nhìn lại về những điểm nhấn nổi bật của hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh nhà trong năm 2019.

1 Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ 4 của ngành KH&CN Quảng Trị. Nhiều nhiệm vụ KH&CN đạt được kết quả cao nhờ ứng dụng có hiệu quả các công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0 như: “Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản

xuất hoa Lan hồ điệp, hoa Lily tại Quảng Trị; “Nghiên cứu ứng dụng Hệ thống cảm biến trong điều khiển, theo dõi, giám sát từ xa quá trình chăm sóc cây nông nghiệp”; “Nghiên cứu xây dựng mô hình nhà kính hiện đại phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất một số loại cây trồng có giá trị cao phù hợp với điều kiện



Ứng dụng thành công công nghệ cao vào sản xuất Lan Hồ điệp tại Sa Mù, Hướng Hóa.

Ảnh: Sỹ Tiến.

tỉnh Quảng Trị”... Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa được xem là mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đầu tiên của tỉnh Quảng Trị, đã thành công trong ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất các loại hoa cao cấp như: Lan Hồ Điệp, Tulip, Hoa Lily; Trồng thử nghiệm các mô hoa Đồng tiền lùn, hoa Hồng môn, hoa Cẩm Tú cầu; Hoàn thiện quy trình ra ngôi và chăm sóc cây con Lan Hồ điệp và Nghinh xuân; Thử nghiệm các loại quả có giá trị cao như cây Dâu tây, Cà chua Cherry siêu ngọt. Năm 2019, tiếp tục nghiên cứu dược liệu

Đồng trùng hạ thảo và tập trung nghiên cứu thử nghiệm thành công bước đầu các loại dược liệu quý hiếm như: Lan Kim tuyến, Sâm Ngọc Linh.

Đẩy mạnh ứng dụng KH&CN trong trồng, sản xuất, chế biến và thương mại hóa các loại cây dược liệu quý, sản phẩm hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình chế biến thương mại hóa một số sản phẩm như: Trà thảo dược hòa tan Giảo Cổ Lam, Trà hòa tan Dây thìa canh, Sâm Bồ chính.



Trà hòa tan Dây Thìa canh, Trà thảo dược hòa tan Giảo Cổ Lam Cần Cỏ, Trà hòa tan Đinh Lăng. Ảnh: Sỹ Tiến.

2 Nghiên cứu khoa học đi sâu, ngày càng gắn với thực tiễn, phục vụ đời sống kinh tế - xã hội, gắn với địa chỉ ứng dụng cụ thể, kể cả đề tài lĩnh vực KH&CN, đặc biệt Đề tài cấp tỉnh “Địa chỉ Quảng Trị” do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì được Hội đồng KH&CN nghiệm thu, xếp loại xuất sắc. Với mục tiêu KH&CN hướng về cơ sở, năm 2019 đã tập trung thực hiện nhiều đề tài, dự án từ cấp quốc gia đến cơ sở mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Với 05 dự án cấp quốc gia đã hỗ trợ cho người dân vùng ven biển phát triển sản xuất, tập trung phát triển các cây, con chủ lực, tiềm năng của tỉnh; 8 nhiệm vụ cấp tỉnh được phê duyệt, được điều chỉnh tổ chức theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm, định hướng liên kết “4 nhà” để

tạo tiền đề nhân rộng; 8 nhiệm vụ cấp cơ sở đã hỗ trợ tích cực cho các đơn vị/địa phương hoàn thiện, chuyển giao các công nghệ, các mô hình mới gắn với thực tiễn sản xuất của các đơn vị/địa phương trên địa bàn tỉnh.



“Địa chỉ Quảng Trị” do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì được Hội đồng KH&CN nghiệm thu, xếp loại xuất sắc. Ảnh: Hải Yến.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

3 Phát huy thế mạnh trong lĩnh vực công nghệ sinh học, đặc biệt là trong sản xuất chế phẩm sinh học, Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tuyển chọn các chủng vi sinh vật bản địa, sản xuất, thử nghiệm và từng bước thương mại hóa 6 loại chế phẩm sinh học. Đặc biệt, chế phẩm sinh học Nitro-QTMIC và Perfect-QTMIC được ứng dụng trong nuôi tôm thẻ chân

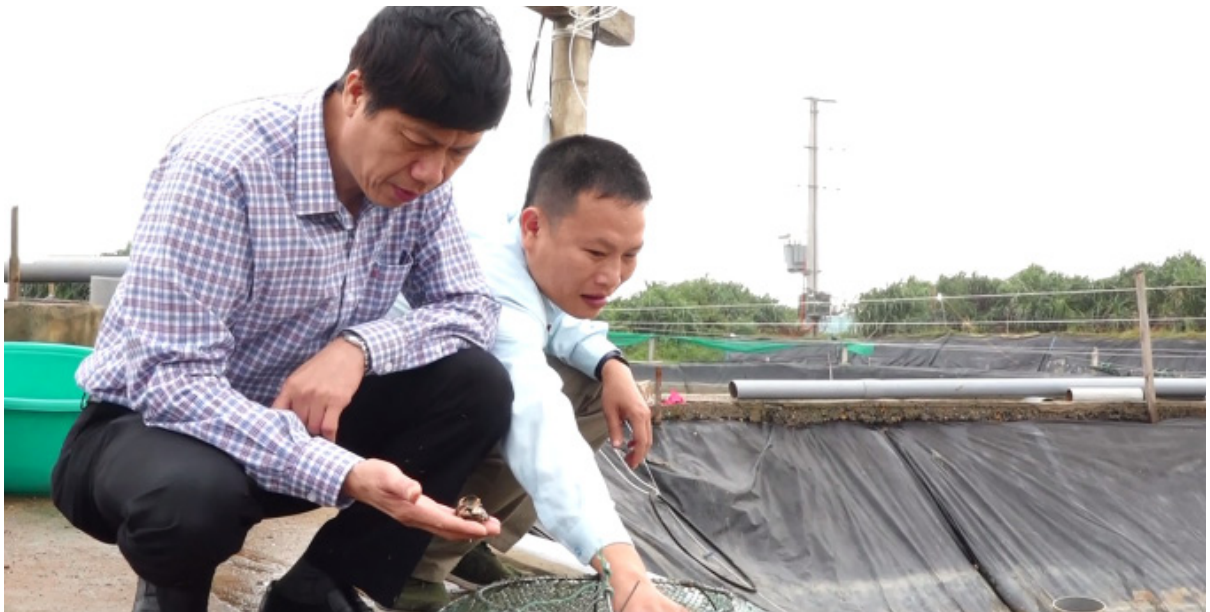
trắng tại các xã Hải Khê, Hải An - Hải Lăng; Triệu Vân - Triệu Phong và Vĩnh Lâm - Vĩnh Linh đã có hiệu quả rõ rệt đối với sức khỏe của tôm như tăng sức đề kháng, giảm bệnh tật, rủi ro, giảm thiểu sự gia tăng số lượng cũng như ức chế sự phát triển của các vi sinh vật gây hại, thúc đẩy sự phát triển của tôm như tăng khả năng ăn vào và tiêu hóa thức ăn và tăng kích cỡ trưởng thành của tôm, cá.



Chế phẩm sinh học Nitro-QTMIC và Perfect-QTMIC được ứng dụng trong nuôi tôm thẻ chân trắng tại Triệu Phong. Ảnh Sỹ Tiến.

4 Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh tiếp tục hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025. Năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 về việc cấp kinh phí thực hiện

Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh cho 12 dự án với tổng kinh phí là gần 500 triệu đồng, góp phần hỗ trợ quan trọng trong ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ phát triển kinh tế xã hội.



Khảo sát mô hình nuôi ốc Hương thương phẩm tại Vĩnh Linh. Ảnh: Sỹ Tiến.

5 Nhiều sản phẩm đặc sản, sản phẩm khảo nghiệm, tuyển chọn thành công các giống lúa chủ lực của tỉnh và phục tráng giống lúa HC95 thông qua đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu, khảo nghiệm tập đoàn giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao và phục tráng giống lúa HC95”. Sau các vụ triển khai cho thấy chất lượng giống HC95 được nâng lên rõ rệt, giống tốt, năng suất cao, chất lượng gạo tốt, giảm thiểu sâu bệnh,... Ngoài ra,

đã phục tráng thành công các giống lúa như Khang Dân 18, Bắc Thơm số 7 (BT7), Hương thơm số 1 (HT1). Việc phục tráng thành công giống lúa HC95, Khang Dân 18, Bắc Thơm số 7, Hương thơm số 1 với các đặc tính về năng suất, chất lượng và các tính trạng đặc trưng khác của giống gốc để đưa ra sản xuất đại trà sẽ góp phần đặc lực trong lĩnh vực trồng trọt nói riêng và nông nghiệp tỉnh nhà nói chung.



Mô hình “Nghiên cứu, khảo nghiệm tập đoàn giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao và phục tráng giống lúa HC95”. Ảnh: Sỹ Tiến.

6 Công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu đạt kết quả nổi bật, góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng của các sản phẩm nổi tiếng, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh, các sản phẩm nằm trong chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Trị năm 2019-2020. Năm 2019, đề xuất Cục Sở hữu trí tuệ cho phép sử dụng tên địa danh để xác lập 16 nhãn hiệu tập thể: Nón lá Bồ Liêu, Dưa hấu Long Quang, Bột sắn dây Vĩnh Linh; Mứt gừng Mỹ Chánh; Bánh lọc Mỹ Chánh; Nước mắm Cửa Tùng; Chối đốt

Văn Phong; Rượu làng truyền thống Kim Long; Tinh bột sắn dây Cam Lộ; Đậu xanh Ba Lòng; Dưa Hấu Mò Ó; Cá khô Cửa Việt; Bơ Gio Linh; Mướp đắng Lại An; Gà sạch Triệu Thượng; Bơ Hương Hóa. Triển khai đề tài KH&CN cấp tỉnh “Xác lập quyền chỉ dẫn địa lý “Chè vàng Quảng Trị” cho các sản phẩm chè vàng của tỉnh Quảng Trị; Dự án “Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Gạo và Chuối các huyện Hải Lăng và Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị” thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, kịp thời phối hợp với UBND huyện Gio Linh xây

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

dựng thương hiệu cho sản phẩm Cá khô Cửa Việt, góp phần giải quyết vấn đề tồn đọng hơn 1.000 tấn cá nục hấp sấy khô

và phát triển thương hiệu bền vững cho sản phẩm.



7 Kế hoạch Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 số 3690/KH-UBND được ban hành ngày 14/8/2019 là cơ sở quan trọng thúc đẩy tinh thần KNĐMST trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân có ý tưởng, dự án KNĐMST được hỗ trợ, tư vấn để khởi nghiệp thành công. Với mục tiêu truyền thông, phổ biến, đào tạo

nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng KNĐMST; Tổ chức bình xét, đánh giá và công bố ý tưởng KNST cấp tỉnh hàng năm; Hỗ trợ trực tiếp thông qua đặt hàng nhiệm vụ KH&CN; Hỗ trợ đầu tư về cơ sở hạ tầng, hình thành Vườn ươm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị.



Tập huấn Chương trình “Bệ phóng VietNam Digital 4.0”. Ảnh: Hải Yến

8 Năm 2019, hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã có nhiều đột phá rõ rệt, đặc biệt thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả trong chống thất thu thuế kinh doanh xăng dầu, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng và công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đăng ký sử dụng mã số mã vạch

và ghi nhãn hàng hóa. Hoạt động thanh tra KH&CN có nhiều đổi mới, đóng góp tích cực trong việc từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, chống gian lận trong thương mại, hạn chế việc sản xuất và tiêu thụ hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

9 Năm 2019 là năm hoạt động thông tin tuyên truyền KH&CN trên địa bàn tỉnh có những bước phá nhất định, bước đầu đổi mới theo hướng tuyên truyền chuyên sâu. Chuyên mục KH&CN trên Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị, Đặc san Khoa học và Công nghệ đã tăng cường tuyên truyền,

phổ biến kiến thức một cách bài bản, cụ thể về các chính sách pháp luật KH&CN cũng như các mô hình ứng dụng KH&CN hiệu quả và có khả năng nhân rộng. Đồng thời đẩy mạnh kết hợp với các Báo, Đài Trung ương tuyên truyền các kết quả nghiên cứu KH&CN nổi bật của địa phương.



Đẩy mạnh kết hợp với các Báo, Đài Trung ương tuyên truyền các kết quả nghiên cứu KH&CN nổi bật của địa phương. Ảnh: Sỹ Tiến.

10 Tại cấp huyện, hoạt động ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các kết quả KH&CN được đẩy mạnh. Nhiều huyện như Cam Lộ, Vĩnh Linh, Triệu Phong,... đã đi trước đón đầu trong triển khai ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất, khai

thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế của địa phương, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Với các mô hình như: nuôi tôm thâm canh hai giai đoạn, mô hình trồng cây dược liệu, mô hình sản xuất lúa hữu cơ.



Hội nghị Sơ kết KH&CN cấp huyện 9 tháng năm 2019. Ảnh: Sỹ Tiến.

B.B.T



KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NGÀY CÀNG GẮN HƠN VỚI THỰC TIỄN SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG, PHỤC VỤ CÓ HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

TRẦN NGỌC LÂN
TUV, Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

Với nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế theo Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, được sự quan tâm của Lãnh đạo tỉnh và Bộ KH&CN, sự phối hợp của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ KH&CN trong toàn tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đổi mới hoạt động KH&CN trên các lĩnh vực, đưa KH&CN ngày càng gắn với thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội và phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Năm 2019, trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, KH&CN tỉnh Quảng Trị tiếp tục có những bước tiến quan trọng về mọi mặt, hành lang pháp lý, cơ chế và chính sách quản lý khoa học và công nghệ được chú trọng đổi mới, tạo môi trường ngày càng thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Triển khai tốt những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp/sản phẩm chủ lực của doanh nghiệp tiếp cận được với thị trường trong nước và thế giới tốt hơn. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH&CN, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao. Nâng

cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập... Thông qua đó, công tác sử dụng ngân sách dành cho KH&CN thực sự hiệu quả, hoạt động KH&CN tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng gắn hơn với thực tiễn sản xuất và đời sống, phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đổi mới cơ chế, chính sách và hoạt động KH&CN, trọng tâm là đổi mới cơ chế xác định nhiệm vụ KH&CN và cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhằm nâng cao chất lượng và tính ứng

dụng của các đề tài, dự án. Ngành KH&CN tỉnh đã thực hiện đổi mới cơ chế xác định các nhiệm vụ KH&CN, đổi mới cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN, tạo được hành lang pháp lý vừa thông thoáng vừa chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Năm 2019, ngành tiếp tục thực hiện cơ chế đặt hàng, phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực

Công nghệ. Vì vậy, năm 2019, số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu thành công được ứng dụng, tạo ra sản phẩm, kể cả nhân rộng phục vụ sản xuất và đời sống đã tăng lên.

Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ 4 của ngành KH&CN Quảng Trị. Nhờ ứng dụng có hiệu quả các công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0 nhiều nhiệm vụ KH&CN



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bí Thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Hùng trao Huân chương Lao động hạng Ba cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Trần Ngọc Lâm và nguyên Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Nguyễn Bình. Ảnh: Hải Yến.

hiện đối với một số nhiệm vụ KH&CN thực sự bài bản; thực hiện tốt việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước thông qua Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh. Qua đó đã từng bước nâng cao chất lượng các đề tài, dự án, nâng cao tính ứng dụng và khả năng nhân rộng kết quả sau nghiệm thu. Các nhiệm vụ KH&CN được điều chỉnh theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm. Các nội dung trên không chỉ áp dụng đối với các đề tài, dự án cấp tỉnh và cấp cơ sở mà còn áp dụng đối với các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và

đạt được kết quả cao như: “Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa Lan Hồ Điệp, hoa Lily tại Quảng Trị; “Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”; “Nghiên cứu ứng dụng Hệ thống cảm biến trong điều khiển, theo dõi, giám sát từ xa quá trình chăm sóc cây nông nghiệp”; “Nghiên cứu xây dựng mô hình nhà kính hiện đại phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất một số loại cây trồng có giá trị cao phù hợp với điều kiện tỉnh Quảng Trị”. Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa được xem là mô hình nông nghiệp ứng dụng công

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

nghệ cao đầu tiên của tỉnh Quảng Trị, đã thành công trong ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất các loại hoa cao cấp như: Lan Hồ Điệp, Tulip, Hoa Lily; Trồng thử nghiệm các mô hoa Đồng tiền lùn, hoa Hồng môn, hoa Cẩm Tú cầu; Hoàn thiện quy trình ra ngôi và chăm sóc cây con Lan Hồ điệp và Nghinh xuân; Thử nghiệm các loại quả có giá trị cao như cây Dâu tây, Cà chua Cherry siêu ngọt. Năm 2019, tiếp tục nghiên cứu dược liệu Đông trùng hạ thảo và tập trung nghiên cứu thử nghiệm thành công bước đầu các loại dược liệu quý hiếm như: Lan Kim tuyến, Sâm Ngọc Linh.

nhiệm vụ cấp tỉnh được phê duyệt, được điều chỉnh tổ chức theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm, định hướng liên kết “4 nhà” để tạo tiền đề nhân rộng; 8 nhiệm vụ cấp cơ sở đã hỗ trợ tích cực cho các đơn vị/địa phương hoàn thiện, chuyển giao các công nghệ, các mô hình mới gắn với thực tiễn sản xuất của các đơn vị/địa phương trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng KH&CN trong trồng, sản xuất, chế biến và thương mại hóa các loại cây dược liệu quý, sản phẩm hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình chế



Đồng chí Trần Ngọc Lâm - Giám đốc Sở KH&CN kiểm tra đề tài ứng dụng các tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình phát triển cây cam sạch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Ảnh: Sỹ Tiến.

Công tác nghiên cứu khoa học đi sâu, ngày càng gắn với thực tiễn, phục vụ đời sống kinh tế-xã hội, gắn với địa chỉ ứng dụng cụ thể, kể cả đề tài lĩnh vực KH&HN. Với mục tiêu KH&CN hướng về cơ sở, năm 2019 đã tập trung thực hiện nhiều đề tài, dự án từ cấp quốc gia đến cơ sở mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Với 05 dự án cấp quốc gia đã hỗ trợ cho người dân vùng ven biển phát triển sản xuất, tập trung phát triển các cây, con chủ lực, tiềm năng của tỉnh; 8

biến thương mại hóa một số sản phẩm như: Trà thảo dược hòa tan Giảo Cổ Lam, Trà hòa tan Dây thìa canh, Sâm Bồ chính.

Phát huy thế mạnh trong lĩnh vực công nghệ sinh học, đặc biệt là trong sản xuất chế phẩm sinh học, Sở Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, tuyển chọn các chủng vi sinh vật bản địa, sản xuất, thử nghiệm và từng bước thương mại hóa 6 loại chế phẩm sinh học. Năm 2019, đã sản xuất trên 4 tấn chế phẩm vi

sinh các loại và cung ứng ra thị trường. Hưởng ứng phong trào đồng hành với người dân trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình “Ngày thứ 7 vì nông thôn mới”, “Ngày thứ 7 vì các dự án động lực” do Chủ tịch UBND tỉnh phát động, Sở đã phối hợp với Hội Nông dân xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh tổ chức “Ngày thứ 7 tình nguyện vì môi trường nông thôn bền vững” tại thôn Duy Viên, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh. Xây dựng các mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý rác thải quy mô hộ gia đình tại các huyện Cam Lộ và Vĩnh Linh. Phối hợp với dự án Tầm nhìn thế giới huyện Hướng Hóa hướng dẫn và cung ứng trên 800kg chế phẩm Compo-QTMIC để xử lý vỏ cà phê tại xã Hướng Phùng. Đặc biệt, chế phẩm sinh học Nitro-QTMIC và Perfect-QTMIC được ứng dụng trong nuôi tôm thẻ chân trắng tại các xã Hải Khê, Hải An - Hải Lăng; Triệu Vân - Triệu Phong và Vĩnh Lâm - Vĩnh Linh đã có hiệu quả rõ rệt đối với sức khỏe của tôm như tăng sức đề kháng, giảm bệnh tật, rủi ro, giảm thiểu sự gia tăng số lượng cũng như ức chế sự phát triển của các vi sinh vật gây hại, thúc đẩy sự phát triển của tôm như tăng khả năng ăn vào và tiêu hóa thức ăn và tăng kích cỡ trưởng thành của tôm, cá.

Khắp các sở, ngành, thông qua nhiều kênh vốn và nhiều hình thức thực hiện, các mô hình nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật đem lại hiệu quả cao trong công tác, sản xuất và đời sống. Hoạt động ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các kết quả KH&CN tại cấp huyện diễn ra sinh động. Nhiều huyện, thị, thành phố đã bố trí ngân sách hỗ trợ các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm góp phần phát triển KT-XH ở địa phương. Tiêu biểu như huyện Vĩnh Linh, Gio Linh

Thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về *chính sách hỗ trợ ứng dụng và*

nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 về việc cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh đã phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho 12 dự án/đối tượng với tổng kinh phí là 458.160.000 đồng (kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh là 360.000.000 đồng, kinh phí sự nghiệp khoa học là 98.160.000 đồng). Đã tổ chức 07 lớp tập huấn hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết; thường xuyên khảo sát thực tiễn ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN tại các địa phương để lập danh mục dự án đề xuất hỗ trợ và tổ chức các Hội đồng thẩm định hỗ trợ.

Thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia đến năm 2020*, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/08/2019 về *Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025* với mục tiêu truyền thông, phổ biến, đào tạo nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng KNĐMST; Tổ chức bình xét, đánh giá và công bố ý tưởng KNST cấp tỉnh hàng năm; Hỗ trợ trực tiếp thông qua đặt hàng nhiệm vụ KH&CN; Hỗ trợ đầu tư về cơ sở hạ tầng, hình thành Vườn ươm KNĐMST tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị. Kế hoạch ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân có ý tưởng, dự án KNĐMST được hỗ trợ, tư vấn để khởi nghiệp thành công. Từ đó thúc đẩy tinh thần KNĐMST trên địa bàn tỉnh.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu đạt kết quả nổi bật, góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng của các sản phẩm nổi tiếng, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh, các sản

phẩm nằm trong chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Trị năm 2019-2020.

Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, chống gian lận trong thương mại, hạn chế việc sản xuất và tiêu thụ hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Phần mềm quản lý phương tiện đo nhóm 2 được đưa vào triển khai áp dụng đã tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động quản lý đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả trong chống thất thu thuế kinh doanh xăng dầu. Công tác thanh tra được tăng cường, đã xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng, từng bước chấn chỉnh và đưa hoạt động kinh doanh vào nề nếp.

Hợp tác quốc tế được mở rộng và mang lại hiệu quả kinh tế-xã hội lớn. Tiềm lực, trình độ KH&CN của tỉnh được nâng cao, góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế.

Năm 2019, ngành KH&CN đã quyết liệt triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả các định hướng, mục tiêu nhiệm vụ KH&CN. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, một số nhiệm vụ kết quả thực hiện vẫn chưa cao. Công tác quản lý đo lường tại cấp huyện thời gian qua đã được Sở KH&CN quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện, qua đó đã tăng cường được hiệu lực quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương, cũng như góp phần vào việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tuy nhiên kết quả vẫn còn hạn chế. Công tác hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn về

nguồn kinh phí hỗ trợ.

Với những kết quả đã đạt được, Ngành KH&CN tiếp tục đặt mục tiêu phát triển cao hơn theo tinh thần xem KH&CN là quốc sách hàng đầu, là chìa khóa quan trọng của sự phát triển hiện tại và tương lai. Để đưa hoạt động KH&CN phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hoạt động KH&CN năm 2020 và những năm tiếp theo cần tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển các lĩnh vực KH&CN theo hướng gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, địa phương. Xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Điều chỉnh tổ chức các nhiệm vụ KH&CN theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả những chính sách mang tính đột phá để khuyến khích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp, dịch vụ công; nhất là hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ công; tập trung nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Tập trung thực hiện Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/08/2019 về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025.

3. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Đi sâu nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển “6 cây, 2 con” chủ lực theo hướng bền vững thông qua xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất, nhằm tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm và có giá trị kinh tế cao. Tập trung phát triển sản phẩm có khả năng hoàn thiện nâng cấp, đặc biệt là các sản phẩm có khả năng phát triển thành sản phẩm chủ lực

trong Chương trình OCOP của tỉnh giai đoạn 2018-2020.

4. Thông qua các Chương trình KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ và các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ KH&CN để nâng cao hàm lượng KH&CN cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất và giá trị gia tăng cao; đảm bảo nguyên tắc các đề tài/dự án KH&CN hàng năm thực hiện theo hướng tập trung, chất lượng và có tính ứng dụng cao.

5. Phát triển thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy sự liên thông của thị trường KH&CN với thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn. Kết nối có hiệu quả các sản phẩm công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng với Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN của tỉnh. Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ trung gian môi giới, đánh giá, chuyển giao công nghệ.

6. Đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ (xác lập, quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, thế mạnh của tỉnh), tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Tăng cường quan hệ hợp tác về KH&CN với các cơ quan KH&CN trung ương, các trường đại học, các viện nghiên cứu nhằm tranh thủ nguồn lực KH&CN phục vụ phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội của tỉnh. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về KH&CN với các nước Lào, Thái Lan, Nhật Bản...

8. Xây dựng tiềm lực KH&CN đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng các khu công nghệ, kỹ thuật cao theo mô hình thích hợp với

Quảng Trị để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa. Tập trung huy động nguồn lực, thu hút đầu tư để đưa vào hoạt động có hiệu quả Trạm nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Hướng Hóa. Thu hút nguồn cán bộ khoa học từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; đặc biệt là cán bộ KH&CN có trình độ chuyên môn cao, nhà khoa học đầu ngành.

9. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển KH&CN. Tăng cường nhận thức của cán bộ và người dân về KH&CN nhằm đưa việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trở thành nhu cầu tự thân và phổ biến trong sản xuất và đời sống xã hội, trên tất cả các lĩnh vực.

10. Ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025

Năm 2019, vượt qua khó khăn để vươn lên mạnh mẽ và đạt được những thành tựu quan trọng và có ý nghĩa trên tất cả các lĩnh vực, đồng hành cùng tỉnh nhà phát triển, Ngành Khoa học và Công nghệ tự hào với những nỗ lực không mệt mỏi để góp sức vào sự phát triển của tỉnh bằng những nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn, gắn liền với thực tiễn. Nhìn lại năm 2019, tự hào về những thành tựu đã đạt được, ngành KH&CN Quảng Trị tiếp tục đổi mới và phát triển, góp phần phát triển tiềm lực và đưa KH&CN thực sự trở thành động lực, thành chìa khóa mở ra cánh cửa hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà trong thời đại công nghiệp 4.0./.

T.N.L



Truy xuất nguồn gốc hàng hóa

BƯỚC TIẾN TRONG HỘI NHẬP, TẠO NIỀM TIN CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ SỰ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG

TRẦN THIÊM

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Truy xuất nguồn gốc (TXNG) theo Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Quốc tế (Ủy ban Codex-Codex Alimentarius Commission): “TXNG là khả năng theo dõi sự dịch chuyển của thực phẩm thông qua (các) giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối cụ thể”. Theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG, TXNG là khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, vận chuyển và kinh doanh.

TXNG giúp kiểm soát rủi ro phát sinh khi theo dõi, xác minh toàn bộ đường đi của hàng hóa. Đây không chỉ là bước để các doanh nghiệp tạo sự tin tưởng nơi khách hàng mà còn là “hàng rào” bảo vệ uy tín của sản phẩm và doanh nghiệp, qua đó giúp doanh nghiệp hướng đến chinh phục thị trường quốc tế vốn đòi hỏi rất khắt khe về TXNG hàng hóa trong cả sản xuất lẫn thương mại. Đối với cơ quan quản lý nhà nước thì đây chính là công cụ hữu ích phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thị trường hàng hóa.

TXNG hàng hóa cũng góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Đối với xuất khẩu hàng hóa, truy xuất giống như hàng rào kỹ thuật, nếu không đáp ứng được yêu cầu về TXNG thì sẽ mất đi lợi thế cạnh tranh. Khi áp dụng TXNG vào hàng hóa xuất khẩu tức là đã tiến thêm một bước trong việc hội nhập sâu vào chuỗi giá trị chung. Còn đối với hàng hóa nhập khẩu, thông qua việc truy xuất có thể kiểm soát chất lượng của các mặt hàng nhập khẩu tốt hơn, tạo được niềm tin cho người tiêu dùng và sự cạnh tranh bình đẳng giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước.

Đối với người tiêu dùng có thể trực tiếp tìm hiểu, thu thập thông tin về sản phẩm họ đã mua một cách đầy đủ và chi tiết nhất. Qua đó, hạn chế mua phải hàng kém chất lượng, hàng nhái, đặc biệt là những sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người tiêu dùng như thực phẩm, dược phẩm...

Liên quan đến các hoạt động TXNG hiện tại cũng có rất nhiều doanh nghiệp cung cấp các giải pháp TXNG nhưng chưa có hiệu ứng mạnh, chưa trở thành giải pháp giúp người tiêu dùng phân biệt các sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, minh bạch.

TXNG có vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng, đời sống xã hội toàn dân nói chung. Trong hệ thống TXNG, tem TXNG là yếu tố quan trọng đóng vai trò định danh đối tượng cần truy xuất, giúp liên kết dữ liệu và truy cứu thông tin truy xuất trong suốt chuỗi cung ứng.

Tại Việt Nam, TXNG là một hoạt động còn khá mới, tuy nhiên, hoạt động này đã và đang được triển khai nhanh chóng. Việc sử dụng Tem TXNG trên các sản phẩm, hàng hóa ngày càng trở nên phổ biến, người tiêu dùng và các bên



TXNG hàng hóa góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Ảnh: Sỹ Tiến

Xuất phát từ yêu cầu đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG, trong đó quy định triển khai, áp dụng và thống nhất quản lý hệ thống TXNG toàn quốc. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ và các Ủy ban nhân dân trên 63 tỉnh thành thống nhất hệ thống TXNG trong các sản phẩm quản lý của mình để kết nối với Cổng thông tin truy xuất quốc gia.

liên quan có thể truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác, qua đó nâng cao niềm tin của người tiêu dùng vào các sản phẩm có gắn tem TXNG.

Tuy nhiên, hoạt động TXNG và áp dụng tem TXNG hiện còn tồn tại một số vấn đề khó khăn, bất cập, cụ thể: TXNG mới chỉ tập trung áp dụng ở một số sản phẩm và một số địa phương, thị trường lớn. Hệ thống TXNG mang tính khép kín, không có khả năng mở để các bên tham gia hệ thống TXNG này có thể tham gia

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

với các hệ thống TXNG khác. Việc sử dụng tem TXNG chưa được thực hiện thống nhất, bài bản và có hệ thống; có hiện tượng “không xác định được tem TXNG” trên thị trường.

Bên cạnh đó, suy giảm sự quan tâm và lo ngại chất lượng sản phẩm không đúng như thông tin truy xuất. Người tiêu dùng chưa hiểu đúng giá trị cũng như nguyên lý của Tem TXNG, chưa quen với việc cài đặt, sử dụng ứng dụng thiết bị di động để quét tra cứu thông tin TXNG.

Các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp nhiều khó khăn trong việc tự nghiên cứu, xây dựng triển khai hệ thống TXNG cho từng sản phẩm, nhóm sản phẩm ngành hàng cụ thể. Nhiều doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng hiện chưa hiểu hết ý nghĩa, chưa hiểu đúng bản chất của vấn đề truy xuất, đồng thời phải mất chi phí ban đầu để thực hiện TXNG nên nhiều doanh nghiệp/cơ sở sản xuất còn e ngại.

Hệ thống TXNG ở Việt Nam hiện nay



Việc sử dụng Tem TXNG trên các sản phẩm, hàng hóa giúp người tiêu dùng và các bên liên quan có thể truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác, qua đó nâng cao niềm tin của người tiêu dùng vào các sản phẩm có gắn tem TXNG. Ảnh: Sỹ Tiến.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, nguyên nhân của các bất cập, hạn chế là do việc triển khai hệ thống TXNG mới chỉ triển khai thí điểm ở một số địa phương và thị trường lớn (TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội...), chưa có quy định, hướng dẫn thống nhất của các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan. Tem TXNG áp dụng trên các sản phẩm hiện nay không được chuẩn hóa về nội dung và hình thức, người tiêu dùng không thể phân biệt giữa tem TXNG với các loại dấu hiệu nhãn khác.

thường không có khả năng tham gia vào hệ thống TXNG khác là do các hệ thống TXNG hiện tại thường sử dụng các mã phân định có cấu trúc tự đặt chỉ có giá trị phân định trong phạm vi nội bộ, mà không sử dụng các hệ thống mã phân định toàn cầu. Ngoài ra, do không có sự quản lý và điều phối chung về cấu trúc mã phân định nên rất dễ xảy ra trường hợp trùng mã giữa các hệ thống TXNG khác nhau...

Tuy nhiên, tính trung thực của dữ liệu TXNG hiện tại vẫn chưa được đảm

bảo toàn diện trong quá trình vận hành hệ thống. Nguyên nhân nằm ở thời điểm phát sinh dữ liệu và ghi nhận diễn ra không đồng thời. Bên cạnh đó, cách thức lưu trữ truyền thống bằng hồ sơ nên dễ phát sinh sự nhầm lẫn, thay đổi thông tin. Hệ quả là khách hàng nhập khẩu lẫn doanh nghiệp trong nước phải tốn rất nhiều công sức và tài chính để kiểm soát hệ thống TXNG truyền thống.

Ngoài ra, các loại tem TXNG chưa thống nhất, rất nhiều bên cung cấp, hoặc tự phát khiến người tiêu dùng không hoàn toàn tin tưởng, ủng hộ.

Việc xây dựng hệ thống TXNG (theo Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ) và sử dụng tem TXNG cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống của tỉnh là hết sức cần thiết.

Trong năm 2020, Sở KH&CN Quảng Trị sẽ xây dựng mô hình thí điểm áp dụng hệ thống TXNG đối với sản phẩm Nước mắm Cửa Việt.

Để xây dựng hệ thống TXNG (theo Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ) cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, đăng ký sử dụng mã truy vết

Mã truy vết sản phẩm là dãy số và chữ được dùng để định danh sản phẩm, hàng hóa ở từng công đoạn sản xuất, kinh doanh trong quá trình TXNG. Mã truy vết địa điểm là dãy số và chữ được dùng để định danh địa điểm diễn ra sự kiện ở từng công đoạn sản xuất, kinh doanh trong TXNG.

Tổ chức, cá nhân sử dụng mã truy vết (mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm) để TXNG cho các sản phẩm, hàng hóa phải đăng ký sử dụng mã truy vết tại Trung tâm Mã số, Mã vạch Quốc gia trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Hồ sơ đăng ký được

nộp trực tuyến trên trang đăng ký mã số mã vạch trực tuyến của Trung tâm Mã số, Mã vạch Quốc gia.

Thứ hai, xây dựng hệ thống TXNG sản phẩm, hàng hóa đáp ứng các yêu cầu:

Một bước trước - một bước sau để bảo đảm khả năng nhận diện được cơ sở sản xuất kinh doanh/công đoạn sản xuất trước và cơ sở sản xuất kinh doanh/công đoạn sản xuất tiếp theo sau trong quy trình sản xuất, kinh doanh đối với một sản phẩm, hàng hóa;

(Nguyên tắc truy xuất một bước trước - một bước sau là nguyên tắc mà đơn vị phải lưu giữ thông tin để bảo đảm khả năng nhận diện được cơ sở sản xuất, kinh doanh/công đoạn sản xuất trước và cơ sở sản xuất kinh doanh/công đoạn sản xuất tiếp theo sau trong quá trình sản xuất, kinh doanh đối với một sản phẩm được TXNG).

Dữ liệu TXNG có thể tra cứu được;

Nguồn nhân lực quản lý TXNG sản phẩm, hàng hóa phải được đào tạo và cấp chứng chỉ về TXNG tại Trung tâm Mã số, Mã vạch Quốc gia trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Hệ thống TXNG của tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đầy đủ quy trình TXNG theo các quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng với chủng loại sản phẩm, hàng hóa và được công bố phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống TXNG theo tiêu chuẩn GS1 toàn cầu. Căn cứ để công bố phù hợp dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân hoặc kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, thông qua hệ thống TXNG, mỗi sản phẩm, hàng hóa có dữ liệu TXNG cơ bản gồm các thông tin sau:

Tên sản phẩm, hàng hóa; Hình ảnh sản phẩm, hàng hóa; Tên đơn vị sản xuất; Địa chỉ sản xuất; Quy trình sản

xuất (tối thiểu bao gồm trang thiết bị, nhân sự của từng công đoạn); Thời gian sản xuất; Mã số TXNG sản phẩm, hàng hóa; Mã truy vết địa điểm của cơ sở sản xuất nguyên liệu và cơ sở tiếp nhận sản phẩm trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh (nếu có).

Thứ tư, sản phẩm trong từng sự kiện sau mỗi công đoạn phải được gắn mã số để TXNG. Việc gắn thẻ, tem, nhãn để TXNG phải bảo đảm tuân thủ quy định tại tiêu chuẩn quốc gia về chuẩn hóa vật mang dữ liệu để TXNG.

Thứ năm, thực hiện đăng ký và quản lý dữ liệu về TXNG sản phẩm, hàng hóa.

Dữ liệu TXNG của mỗi sản phẩm, hàng hóa sẽ đưa lên Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa quốc gia. Mã quản lý TXNG sản phẩm, hàng hóa được cập nhật định kỳ theo ngày vào Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa quốc gia. Mã truy vết sản phẩm và mã truy vết địa điểm phải đăng ký và được cấp mã truy vết theo quy định. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải chi trả kinh phí duy trì mã truy vết sản phẩm và mã truy vết địa điểm hàng năm theo thỏa thuận đối với tổ chức quản lý Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

Xây dựng hệ thống TXNG đáp ứng các yêu cầu trên sẽ giúp kiểm soát rủi ro phát sinh khi theo dõi, xác minh toàn bộ đường đi của hàng hóa. Đây không chỉ là bước để các doanh nghiệp tạo sự tin tưởng nơi khách hàng mà còn là “hàng rào” bảo vệ uy tín của dân phẩm và doanh nghiệp, qua đó giúp doanh nghiệp hướng đến chinh phục thị trường quốc tế vốn đòi hỏi rất khắt khe về TXNG hàng hóa trong cả sản xuất lẫn thương mại. Đối với cơ quan quản lý nhà nước thì đây chính là công cụ hữu ích phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thị trường hàng hóa.

TXNG hàng hóa cũng góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Đối

với xuất khẩu hàng hóa, truy xuất giống như hàng rào kỹ thuật, nếu không đáp ứng được yêu cầu về TXNG thì sẽ mất đi lợi thế cạnh tranh. Khi áp dụng TXNG vào hàng hóa xuất khẩu tức là đã tiến thêm một bước trong việc hội nhập sâu vào chuỗi giá trị chung. Còn đối với hàng hóa nhập khẩu, thông qua việc truy xuất có thể kiểm soát chất lượng của các mặt hàng nhập khẩu tốt hơn, tạo được niềm tin cho người tiêu dùng và sự cạnh tranh bình đẳng giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước.

Đối với người tiêu dùng có thể trực tiếp tìm hiểu, thu thập thông tin về sản phẩm họ đã mua một cách đầy đủ và chi tiết nhất. Qua đó, hạn chế mua phải hàng kém chất lượng, hàng nhái, đặc biệt là những sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người tiêu dùng như thực phẩm, dược phẩm...

Tóm lại, TXNG đang là yêu cầu bức thiết đối với các doanh nghiệp hiện nay. Không chỉ các nước nhập khẩu đòi hỏi sự minh bạch của các thông tin do doanh nghiệp cung cấp, mà đây còn là sức ép ngay cả thị trường nội địa. Khái niệm TXNG không chỉ bó hẹp ở truy xuất thông tin về sản phẩm (với cách hiểu thông thường là thành phẩm cuối cùng), mà là thông tin trong toàn bộ quá trình sản xuất từ khi là nguyên liệu thô đến khi tới tay người tiêu dùng. Như vậy nó là một hệ thống thu thập, lưu trữ thông tin liên tục của cả chuỗi sản xuất, và phải có khả năng truy xuất một cách chính xác theo các mục đích khác nhau. Trong năm 2020, thông qua xây dựng mô hình thí điểm áp dụng hệ thống TXNG đối với sản phẩm Nước mắm Cửa Việt, với kết quả đạt được sẽ tạo cơ sở để nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Hy vọng, trong những năm tới, Quảng Trị sẽ có nhiều sản phẩm, hàng hóa thiết lập được hệ thống TXNG theo Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ./.

T.T



HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN:

Tạo động lực phát triển bền vững ở địa phương

Khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp huyện có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo động lực phát triển bền vững của mỗi địa phương. Trong năm qua, hoạt động KH&CN cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, phục vụ đắc lực vào phát triển kinh tế - xã hội. Nhân dịp chào Xuân Canh Tý- 2020, Đặc san KH&CN Quảng Trị ghi lại một số kết quả nổi bật của hoạt động KH&CN tại một số huyện cũng như những trăn trở, dự định của những người làm công tác quản lý KH&CN cấp huyện trong năm mới 2020.

BÀ NGUYỄN THỊ KHÔI - Phó Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh

“Cơ cấu lại các nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Đi sâu nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển “6 cây, 2 con” chủ lực theo chỉ đạo của tỉnh theo hướng bền vững thông qua xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất, nhằm tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm và có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là các sản phẩm có khả năng phát triển thành sản phẩm chủ lực trong Chương trình OCOP”.

Trong năm 2019, được sự quan tâm, phối hợp của các cấp, các ngành và sự nỗ lực của các đơn vị có liên quan, nên hoạt động KH&CN huyện Vĩnh Linh đạt được kết quả đáng ghi nhận. Công tác thông tin KH&CN đã tạo sự chuyển

biến sâu sắc trong nhận thức và năng lực ứng dụng KH&CN vào đời sống sản xuất của người dân; công tác ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống đã góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đặc biệt

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

trong năm trên địa bàn huyện đã xây dựng và nhân rộng được 7 mô hình sản xuất có hiệu quả như: *Mô hình nuôi Tôm theo quy trình sinh học 2 giai đoạn nhằm hạn chế dịch bệnh; Nuôi cá Lóc đồng sinh sản và thương phẩm; Xây dựng nhà màng ứng dụng công nghệ cao sản xuất nấm dược liệu; Nuôi ốc hương thương phẩm...*

Năm 2019, huyện Vĩnh Linh đã phối hợp với các đơn vị lập hồ sơ xây dựng 3 nhãn hiệu tập thể: nước mắm Cửa Tùng; Bột nghệ Vĩnh Linh; Bưởi da xanh, thanh long ruột đỏ Vĩnh Thủy, nâng tổng số sản phẩm được bảo hộ nhãn hiệu tập thể là 9 nhãn hiệu. Phối hợp với cá nhân lập hồ sơ thêm 1 nhãn hiệu thông thường, nâng tổng số sản phẩm được đăng ký là 3 sản phẩm. Công tác tiêu

Năm 2020, KH&CN huyện Vĩnh Linh đề ra một số giải pháp: (1) Tiếp tục khuyến khích các cá nhân và tổ chức xây dựng các mô hình ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN nhằm sản xuất, chế biến các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của từng vùng; Đặc biệt tập trung vào 6 cây, 2 con chủ lực mà H&ND&UBND tỉnh đã lựa chọn. (2) Tăng cường hơn nữa công tác chuyển giao công nghệ - khoa học kỹ thuật cho nông dân một cách đồng bộ; chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp, tăng cường hơn nữa việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương đã được chứng nhận nhãn hiệu tập thể để thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế nông nghiệp của địa phương.



Mô hình nuôi cá Lóc đồng sinh sản và thương phẩm tại huyện Vĩnh Linh. Ảnh: Sỹ Tiến

chuẩn, đo lường, chất lượng được chú trọng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng triển khai tích cực, góp phần ngăn chặn các hiện tượng gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và công tác quản lý, khai thác nhãn hiệu các sản phẩm được bảo hộ đã được các địa phương quan tâm phối hợp với các ngành chức năng trong quá trình tổ chức thực hiện...

(3) Xây dựng vùng sản xuất tập trung, chuyên canh để tạo điều kiện cho việc đầu tư thâm canh và sản xuất chế biến nông sản, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa. (4) Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ưu tiên phát triển các loại cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao của mỗi địa phương, vùng và khu vực theo hướng sản xuất quy mô lớn, gắn với thị trường. Sản xuất áp dụng theo tiêu chuẩn VietGAP và tiêu chuẩn hữu cơ cho các mặt hàng nông sản./.

ÔNG PHAN VĂN NGHI - Phó Chủ tịch UBND huyện Gio Linh

“Cần có cơ chế chính sách hỗ trợ huyện nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN có kết quả tốt. Tăng kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý KH&CN cấp huyện. Việc nhân rộng mô hình cần có cơ chế phù hợp, không bao cấp, tránh ỷ lại, phải khuyến khích được tổ chức, cá nhân hăng hái đầu tư, làm giàu từ sản xuất nông nghiệp thực sự”.

Tại huyện Gio Linh, bằng nguồn ngân sách huyện triển khai đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong năm 2019, huyện đã đầu tư hỗ trợ các mô hình nuôi xen ghép tôm - cua - cá dìa, cá nâu 8 ha tại xã Trung Giang; mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ enzym tại xã Trung Hải và Gio Mai đã đem lại hiệu quả kinh tế cao gấp 2 lần so với nuôi bình thường. Bên cạnh đó đã triển khai các mô hình nuôi chim Yến tại thị trấn Cửa Việt, xã Gio Việt và Gio Mỹ, bước đầu cho thu nhập bình quân 90 triệu đồng/ mô hình; Xây dựng mô hình dưa lưới ứng dụng công nghệ cao tại xã Trung Giang với diện tích 500m²; mô hình trồng ổi lê Đài Loan 2,2 ha tại Gio Bình cho thu hoạch 20 tấn quả, thu nhập gần 300 triệu đồng/ha; mô hình sản xuất mướp đắng trong nhà lưới đơn giản quy mô 2 ha, với 30 hộ tham gia tại HTX Lại An (Gio Mỹ) theo hướng sản xuất an toàn, năng suất đạt 20-30 tấn/ha cho thu nhập bình quân 300- 400 triệu đồng/ha; mô hình trồng rau xà lách xoong tại xã Gio An với quy mô 8 ha, đã xây dựng được thương hiệu sản phẩm; Mô hình trồng cây dược liệu Sâm Bó chính Gio An với diện tích 3 ha dự kiến năng suất 6-7 tấn/ha, cho thu nhập 200 triệu đồng/ha; Hiện nay huyện đang hoàn thiện hồ sơ xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm Bơ Gio Linh và cá Khô Cửa Việt, xây dựng nhãn mác thông thường cho nước mắm Việt Hà, Tiến Hải, Phụng The, Song Hiếu, Hồng Gái, Lợi Nhớ, Quốc Chữ...; sản phẩm ruốc đặc Hoàng Việt và mắm rò Gio Việt... Hoạt động kinh doanh của các trang trại, gia trại ngày càng ứng dụng rộng rãi khoa học công nghệ đem lại hiệu quả kinh tế, giải



quyết việc làm và giảm áp lực ô nhiễm môi trường chăn nuôi trong khu dân cư...

Từ kết quả đạt được, cần có cơ chế chính sách hỗ trợ huyện nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN có kết quả tốt. Tăng kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý KH&CN cấp huyện. Việc nhân rộng mô hình cần có cơ chế phù hợp, không bao cấp, tránh ỷ lại, phải khuyến khích được tổ chức, cá nhân hăng hái đầu tư, làm giàu từ sản xuất nông nghiệp thực sự. Sự hỗ trợ của nhà nước cần tập trung vào việc hỗ trợ giống mới, phân hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật và hỗ trợ liên kết hợp tác từ sản xuất đến tiêu thụ...

Với những kết quả đạt được nổi bật của hoạt động ứng dụng KH&CN trong năm đầu thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp chính là đòn bẩy để huyện Gio Linh tiếp tục triển khai nhiều kế hoạch, giải pháp thiết thực, sáng tạo và hiệu quả, tiếp tục ứng dụng KH&CN để phát triển nền nông nghiệp theo hướng toàn diện, bền vững, làm thay đổi bộ mặt nông thôn và nâng cao hơn nữa đời sống người dân./.

ÔNG NGUYỄN GIÁP- Phó Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng

“Để một mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN thành công thì các yếu tố liên quan phải phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương như nguyên vật liệu, nhu cầu sử dụng, tập quán sản xuất... Đồng thời, phải có sự quan tâm, đồng thuận, tâm huyết từ lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền đến đội ngũ cán bộ quản lý khoa học, cán bộ cơ sở”.



Ứng dụng KH&CN trong mô hình thâm canh Cam K4 theo hướng hữu cơ. Ảnh: Sỹ Tiến

Năm 2019, hoạt động đăng ký nhãn hiệu và phát triển thương hiệu sản phẩm được chú trọng. Hiện đã có 11 sản phẩm đã và đang thực hiện bảo hộ sở hữu trí tuệ (bánh ướt Phương Lang, nón lá Trà Lộc, Cam K4 Hải Phú, Gạo Hải Lăng, ném vùng cát Hải Lăng, chổi đốt Văn Phong, mút gừng Mỹ Chánh, bánh lọc Mỹ Chánh, bánh tét Đại An Khê, nước mắm Mỹ Thủy, rượu Kim Long). Hoạt động quản lý về TC-ĐL-CL trên địa bàn được tăng cường, đem lại hiệu quả. Từ hoạt động kiểm tra về chất lượng hàng hóa, nhãn hàng hóa, kiểm định phương tiện đo và đầu tư bộ cân chuẩn và đầu tư cân đối chứng tại các chợ đã được thực hiện. Hội đồng KH&CN huyện được thành lập theo Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 25/10/2019. Hoạt động Hội đồng KH&CN hỗ trợ tư vấn, thẩm định các nội dung liên quan các chính sách hỗ trợ trên địa bàn huyện như

chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện đến năm 2021. Trong năm 2019 hỗ trợ thực hiện 28 nội dung với tổng kinh phí 700 triệu đồng.

Huyện đã khảo sát một số mô hình đề xuất hỗ trợ theo Nghị quyết 31/NQ-HĐND huyện về chính sách hỗ trợ ứng dụng KH&CN: Mô hình trồng Atiso và măng tây (Hệ thống tưới tiêu tự động, sử dụng phân hữu cơ vi sinh từ bèo lục bình, vỏ lụa sắn); Đề xuất hỗ trợ đăng ký tiêu chuẩn VietGap (Cam K4, Hải Phú; trang trại tổ hợp Khe Mương, Hải Sơn - Trồng bưởi da xanh, cam Nam Đông, cam Vân Du, ổi Nữ Hoàng (xen canh). Hệ thống tưới tự động dùng cần phun;...

Thực tế triển khai cho thấy, để hoạt động KH&CN trên địa bàn huyện hoạt động hiệu quả cần tăng kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý KH&CN cấp huyện, tổ chức tập huấn nâng cao

nghiệp vụ, tham quan học hỏi các mô hình hiệu quả ở địa phương khác cho cán bộ phụ trách KH&CN cấp huyện. Đồng thời để một mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN thành công thì các yếu tố liên quan phải phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương như nguyên vật liệu, nhu cầu sử dụng, tập quán sản xuất... Đồng thời, phải có sự quan tâm, đồng thuận, tâm huyết từ lãnh đạo cấp

ủy đảng, chính quyền đến đội ngũ cán bộ quản lý khoa học, cán bộ cơ sở...

Trong năm 2020, huyện tiếp tục định hướng ứng dụng KH&CN vào phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh theo định hướng thương mại hóa sản phẩm, tăng giá trị sản phẩm, gắn với liên kết chuỗi giá trị./.

ÔNG LÊ CHÍ HỒNG - Phó trưởng phòng Kinh tế thành phố Đông Hà

“Tiếp tục quán triệt Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU của Tỉnh ủy, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn giai đoạn 2017-2025 theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị”.

Kết quả nổi bật trong năm 2019 đó là việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, nhân rộng các kết quả KH&CN trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, nhất là đối với các cây trồng, con nuôi có lợi thế của thành phố. Ngoài việc nhân rộng mô hình cánh đồng lớn với giống lúa mới chất lượng cao, hiện nay thành phố đang phát triển vùng rau an toàn đạt tiêu chuẩn Viet-GAP với diện tích 5 ha, góp phần cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm an toàn, có chất lượng; đồng thời đã xây dựng mô hình trồng rau trong nhà lưới ở phường Đông Thanh, với diện tích 500 m² đem lại hiệu quả cao (giá trị thu nhập trên 100 triệu đồng/500 m²/năm); bằng nhiều nguồn lực, đã đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng và bước đầu triển khai xây dựng được 9 nhà màng đưa vào sản xuất trong năm 2019 với các loại hoa như: Dạ yến thảo, hoa Hồng ngoại, hoa Đồng tiền... tại vùng sản xuất hoa chậu tập trung phường Đông Giang.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ



*Hoa phục vụ tết tại phường Đông Giang, Đông Hà.
Ảnh: Thùy Trang.*

KH&CN vào sản xuất được quan tâm. Năm 2019, bằng nguồn vốn khuyến công tỉnh và thành phố, đã hỗ trợ 8 dự án với kinh phí 355 triệu đồng (ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất may công nghiệp, chế biến các loại dầu thực vật, sản xuất sữa bắp, sản xuất chế tạo mộc mỹ nghệ, cơ kim khí...); phối hợp với Thành Đoàn Đông Hà triển khai cuộc thi sáng tạo trẻ nhằm phát huy những sáng kiến trong cuộc sống; Hội đồng KH&CN thành phố đã xét và nghiệm thu 01 đề tài cấp thành phố; triển khai xét và công nhận các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp công tác theo quy định. Bên cạnh đó, để thực hiện tốt công tác quản

lý chất lượng sản phẩm, nhãn mác hàng hóa, kiểm định các phương tiện đo..., thành phố đã phối hợp với các ngành chức năng như Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng, Trung tâm Đo lường chất lượng sản phẩm, Quản lý thị trường, công an... để thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm; hạn chế tình trạng buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng tại các chợ, cơ sở kinh doanh tạp hóa, bánh kẹo, nước giải khát, đồ chơi trẻ em...

Trong năm 2020, thành phố tiếp tục quán triệt Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU của Tỉnh ủy, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn giai đoạn 2017-2025

theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị; trong đó chú trọng hướng dẫn và hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp, cơ sở trong việc ứng dụng thiết bị, máy móc tiên tiến, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ cao, đưa giống cây trồng, con nuôi mới phù hợp với địa bàn vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Phát động phong trào lao động sáng tạo, triển khai áp dụng các sáng kiến được công nhận vào công tác, sản xuất; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước. Tăng cường quản lý hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhất là chất lượng hàng hoá theo quy định của pháp luật./

ÔNG TRẦN HOÀI LINH - Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Cam Lộ

“Để hoạt động KH&CN địa phương hoạt động hiệu quả thì các mô hình, dự án KH&CN cần phối hợp đồng bộ yếu tố chuyển giao công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và cơ sở hạ tầng đáp ứng. Kinh nghiệm một số mô hình, dự án trước đây thiếu một trong các yếu tố nói trên đều không phát huy được tác dụng; kết quả khi hết dự án bà con lại quay lại theo cách làm cũ, lạc hậu”.

Năm 2019, hoạt động KH&CN trên địa bàn huyện Cam Lộ có nhiều chuyển biến tích cực, nổi bật nhất là công tác hỗ trợ đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư các dự án sản xuất, thử nghiệm đối với cây trồng, vật nuôi; đưa máy móc thiết bị hiện đại vào hoạt động ở các cơ sở sản xuất thay cho sản xuất theo kiểu truyền thống lạc hậu kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường; ứng dụng tiến bộ KH&CN vào các dự án phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực như: đưa giống chất lượng cao vào sản xuất thay cho giống kém chất lượng, năng suất thấp, đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm, thông minh, máy sơ chế ở các cơ sở sản xuất, xây dựng và phát triển thương hiệu... Năm 2019, huyện đã triển khai dự án: Trồng thử nghiệm cây vừng đen (mè đen) và chế biến đóng chai thành các sản phẩm từ hạt vừng đen, thích ứng với biến đổi khí hậu; Nghiên cứu, xây dựng mô hình

trồng thử nghiệm cây sâm Bồ Chính tại vùng gò đồi huyện Cam Lộ. Ngoài ra, đã hoàn chỉnh hồ sơ dự án: Xây dựng thương hiệu tinh bột Sắn Dây Cam Lộ đang trình Bộ KH&CN công nhận, các dự án nhân rộng các mô hình Cây Đinh Lăng, Chè Vàng, Gà vàng rơm Cửa... Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH&CN cho các hộ nấu cao dược liệu tại thôn Định Sơn xã Cam Nghĩa bằng công nghệ lò nấu bằng điện đảm bảo an toàn, tiện lợi, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và rất hiệu quả, thay thế công nghệ bằng nguyên liệu củi đốt truyền thống phá rừng tự nhiên, ô nhiễm môi trường.

Từ thực tế của huyện Cam Lộ cho thấy, để hoạt động KH&CN địa phương hoạt động hiệu quả thì các mô hình, dự án KH&CN cần phối hợp đồng bộ yếu tố chuyển giao công nghệ, hướng dẫn kỹ thuật và cơ sở hạ tầng đáp ứng. Kinh nghiệm một số mô hình, dự án trước

đây thiếu một trong các yếu tố nói trên đều không phát huy được tác dụng; kết quả khi hết dự án bà con lại quay lại theo cách làm cũ, lạc hậu. Trong việc huấn luyện kỹ thuật, cần lưu ý tiến hành từng bước phù hợp trình độ tiếp thu của bà con; nâng dần mức độ ứng dụng từ đơn giản đến phức tạp; phối hợp tốt giữa cái hay của cách làm truyền thống với cái mới của công nghệ hiện đại phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng được đầu tư.

chế biến, bảo quản nông sản trong sản xuất nông nghiệp và phổ biến nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật có hiệu quả cao vào sản xuất. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Áp dụng trên diện rộng các biện pháp thâm canh bền vững, đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, sử dụng giống mới có năng suất chất lượng cao vào sản xuất nhằm tăng năng



Mô hình sâm Bố Chính ở Cam Lộ thuộc nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm 2019. Ảnh: Sỹ Tiến.

Cần tăng cường sự kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng các dự án đã có những kết quả thiết thực tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, phát huy vai trò tham gia chỉ đạo, hướng dẫn và vận động của chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm cộng tác chặt chẽ và hỗ trợ tối đa việc chuyển giao KH&CN và kết quả xây dựng mô hình, nhân rộng các dự án. Thực tế có nhiều mô hình ứng dụng KH&CN tự phát trong nhân dân rất có hiệu quả nhưng chưa được các cấp, các ngành kịp thời phát hiện, bồi dưỡng làm nhân tố điển hình để học tập, nhân rộng.

Đối với giải pháp năm 2020, huyện tiếp sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng KH&CN, nhất là các máy móc thiết bị trong các nhà máy, cơ sở sản xuất, công nghệ sinh học, công nghệ

suất, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa. Gắn sản xuất nông nghiệp với các cơ sở chế biến; tạo sự liên kết chặt chẽ giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm. Tuyên truyền, cụ thể hóa Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017- 2025 được HĐND tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 31/2017/NQHĐND, năm 2020 trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: triển khai nhân rộng mô hình trồng cây dược liệu đã thí điểm thành công: Ngưu tất, Trạch tả, Đinh lăng, chè vàng...; Tiếp tục trồng thí điểm cây dược liệu Hoài Sơn và trồng thí điểm một số cây dược liệu mới như: Cây Thìa canh, Sâm Đại hành...

Thực hiện: Trần Phụng



HOÀN THIỆN SẢN PHẨM DU LỊCH TẠI CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG

Giải pháp củng cố thương hiệu du lịch Tỉnh Quảng Trị

BÙI THỊ TÂM
Đại học Huế

Giới thiệu chung

Nằm ở cửa ngõ của Hành lang kinh tế Đông - Tây về phía Việt Nam và nổi tiếng với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa đa dạng, phong phú, với bề dày lịch sử hơn 700 năm, tỉnh Quảng Trị được biết đến là địa phương có nhiều lợi thế để phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt là các loại hình du lịch có lợi thế nổi trội như du lịch văn hoá lịch sử, du lịch sinh thái rừng, biển, du lịch hoài niệm và du lịch quá cảnh qua Hành lang Đông - Tây. Trong thời gian

qua, tỉnh Quảng Trị đã có rất nhiều nỗ lực nhằm thúc đẩy phát triển du lịch, khai thác các lợi thế để từng bước hình thành và phát triển thương hiệu du lịch Quảng Trị. Theo thông tin từ Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị thì từ năm 2012 - 2017, lượng khách du lịch đến Quảng Trị tăng trưởng trung bình năm đạt 18,6%. Tổng doanh thu du lịch tăng qua các năm, tốc độ tăng trưởng bình quân năm đạt trên 20% và giá trị gia tăng ngành du lịch chiếm 4,7% GRDP của Tỉnh. Duy trì tốc độ tăng trưởng với 2 con số, năm 2018 Quảng Trị đón

1.820.000 lượt du khách, tăng hơn 10% so với năm cùng kỳ năm 2017 và tổng doanh thu từ du lịch đạt trên 1.620 tỷ đồng. Đây thực sự là những con số ấn tượng phản ánh thành quả của du lịch Quảng Trị, cũng như đặt nền tảng quan trọng từng bước phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh.

Với chiến lược định vị và quảng bá thương hiệu điểm đến du lịch Quảng Trị theo các chủ đề “*Ký ức chiến tranh - Khát vọng hòa bình*”, “*Cửa ngõ Hành lang Kinh tế Đông - Tây*”, kết nối “*Con đường Di sản miền Trung*” và “*Đường Hồ Chí Minh huyền thoại*”, thì việc hoàn thiện các sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tiếp cận nhu cầu thị trường và dựa trên cơ sở tổng hợp các kết quả nghiên cứu liên quan của tác giả trong thời gian gần đây về du lịch Quảng Trị, bài viết này phân tích làm rõ một số vấn đề trong phát triển sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử, từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm góp phần gia tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử, nâng cao sự hài lòng của khách hàng khi đến thăm Quảng Trị.

Các thế mạnh đặc trưng về tài nguyên và sản phẩm du lịch của Quảng Trị

Quảng Trị là một trong những địa phương có nhiều tiềm năng tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa phong phú, phân bố rộng khắp trên các địa bàn và gần các trục giao thông chính nên rất thuận lợi cho khai thác phát triển du lịch. Với bờ biển dài khoảng 75 km, có nhiều bãi biển đẹp môi trường trong lành, đã sẵn sàng nguyên sơ có khả năng khai thác du lịch cao. Nhiều địa danh biển, đảo đã rất nổi tiếng trong cả nước như biển Cửa Tùng, biển Cửa Việt, đảo Cồn Cỏ... Bên cạnh đó, Quảng Trị còn có nhiều cảnh quan tự nhiên sông suối, hồ, rừng nguyên sinh đặc thù như Rú Lịnh, Trầm

Trà Lộc, Khe Gió, hồ Rào Quán, hồ Ái Tử... Các công trình - di tích tôn giáo nổi bật như Tổ Đình Sắc Tứ, Nhà thờ La Vang, các làng nghề, văn hóa đồng bào các dân tộc ít người... Đây là những tiềm năng quý giá để Quảng Trị có thể đầu tư phát triển và đa dạng hoá các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch sinh thái - văn hóa đặc trưng có sức thu hút cao.

Lịch sử Quảng Trị gắn liền với lịch sử oai hùng hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Bên cạnh bề dày văn hóa thời tiền sơ sử, cổ, trung và cận đại thì Quảng Trị như một nốt son đỏ trên bản đồ lịch sử của đất nước - nơi gắn liền với hơn 20 năm đất nước chia cắt, nơi tuyến lửa của cuộc đụng đầu lịch sử giữa hai thế lực, hai chế độ chính trị, hai hệ tư tưởng, và hơn tất cả là nơi thể hiện khát vọng hòa bình, thống nhất đất nước của người dân Việt Nam. Các di tích lịch sử cách mạng là tài nguyên du lịch nổi trội và độc đáo nhất của Quảng Trị với hệ thống 452 di tích lịch sử cách mạng trên tổng số 518 di tích của Tỉnh. Trong đó, có 469 di tích cấp Tỉnh, 20 di tích quốc gia và 4 di tích quốc gia đặc biệt. Các di tích tiêu biểu trong hệ thống di tích lịch sử cách mạng như: Di tích đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải, Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm, Hệ thống di tích đường Hồ Chí Minh, Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn, Di tích quốc gia đặc biệt Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh... Có thể nói Quảng Trị là bảo tàng sinh động nhất về di tích chiến tranh cách mạng, đó là cơ sở để hình thành loại hình du lịch văn hoá - lịch sử cách mạng với các chương trình du lịch như: “*Hoài niệm về chiến trường xưa và đồng đội*”, “*Con đường huyền thoại*”... Các sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử cách mạng của Quảng Trị hàm chứa tính đặc trưng, riêng có, nét biểu trưng một giai đoạn lịch sử oai hùng của dân tộc, được thể hiện không chỉ ở

những giá trị hữu hình, mà hơn thế là những giá trị vô hình kết tinh ý chí và khát vọng hòa bình của một miền đất lửa ‘Máu và Hoa’ (Nguyễn Tiến Dũng, 2019).

Với vị trí đầu cầu của tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây phía Việt Nam, Quảng Trị là đầu mối, điểm giao lưu, kết nối giữa ba sản phẩm du lịch quan trọng của khu vực là: Du lịch Hành lang kinh tế Đông - Tây, Con đường di sản, Con

khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi và khai thác các tour tới “tam giác” du lịch này. Từ cuối tháng 8/2018, huyện đảo Cồn Cỏ đã đưa vào sử dụng tàu cao tốc vận chuyển khách du lịch từ Cửa Việt ra đảo Cồn Cỏ. Nhờ đó, rút ngắn đáng kể thời gian đi từ đất liền ra đảo, tạo cơ hội và sức hấp dẫn thu hút đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách khi đến Quảng Trị.



Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”. Ảnh: Hải Yến.

đường huyền thoại. Các cơ hội này có thể sẽ biến thành điểm mạnh của du lịch Quảng Trị một khi Tỉnh có những quyết sách phù hợp để thúc đẩy liên kết hợp tác một cách có hiệu quả trong đầu tư phát triển du lịch nói chung và khai thác phát triển sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử nói riêng thông qua việc đồng bộ hóa chủ đề nhưng khác biệt hóa về trải nghiệm.

Cùng với loại hình du lịch văn hóa - lịch sử, trong những năm gần đây Quảng Trị đang tập trung thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển “tam giác” du lịch biển Cửa Tùng - Cửa Việt - Cồn Cỏ. Tỉnh đã có những chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp khi đầu tư xây dựng các

Tuy nhiên, du lịch Quảng trị vẫn còn nhiều khó khăn mà một trong số đó là các khó khăn cố hữu của giai đoạn đầu phát triển điểm đến du lịch. Cơ sở hạ tầng du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chưa thực sự hình thành được các sản phẩm có tính hấp dẫn chinh phục và do vậy ảnh hưởng đến chất lượng và trải nghiệm của du khách (Bùi Thị Tám, 2012). Tổng kết 10 năm phát triển chương trình du lịch “Hoài niệm chiến trường xưa và đồng đội” (tháng 7/2015) cho thấy “Con số 8 triệu lượt khách trong 10 năm vẫn đang còn khiêm tốn... Cách thức tổ chức khai

thác sản phẩm du lịch và các dịch vụ hỗ trợ còn lúng túng và thiếu tầm nhìn, chưa có các chương trình tour tuyến hấp dẫn, chưa có các hoạt động vui chơi giải trí đi kèm, sản phẩm lưu niệm thiếu đặc sắc” (Ngô Thị, 2016). Thực tế trong những năm gần đây, nhiều nỗ lực cũng đã được tích cực triển khai góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng cho du lịch Quảng Trị. Tuy nhiên, những hạn chế về sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ vẫn đang là vấn đề mang tính thời sự cần được quan tâm đúng mức (Bùi Thị Tám và các cộng sự, 2018).

Gia tăng trải nghiệm để khác biệt hóa sản phẩm du lịch văn hóa lịch sử tỉnh Quảng Trị

Với cách đặt vấn đề của bài viết có tính tổng hợp, chúng tôi không trình bày sâu các vấn đề lý thuyết trong phân tích và xác định chiến lược sản phẩm. Tuy nhiên, để có thể phân tích căn cơ các vấn đề hiện tại và đề xuất giải pháp cải thiện thì cần có một cách nhìn tổng thể kết hợp giữa mục tiêu chiến lược dài hạn và các mục tiêu trước mắt mang tính sách lược. Có thể nói việc tìm kiếm, thu hút các dự án đầu tư lớn để có thể tạo ra bước phát triển đột phá nhằm hiện thực hóa mục tiêu “hoàn thành về cơ bản đầu tư hạ tầng kỹ thuật du lịch, nhất là tại các khu, điểm du lịch trọng điểm” của Tỉnh là giải pháp mang tính chiến lược và thực sự cần thiết. Tuy nhiên, trong động thái phát triển nhanh và gia tăng cạnh tranh của thị trường du lịch (nội địa và quốc tế) thì thiết nghĩ Quảng Trị không thể dựa vào hay chờ đợi sự thực thi của giải pháp chiến lược này. Thay vào đó, cũng cần đặt ưu tiên đúng mức cho các giải pháp mang tính sách lược để tập trung khai thác hiệu quả các cơ hội tích cực của thị trường du lịch hiện tại, dựa trên các thế mạnh đặc thù của Tỉnh về các tài nguyên du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh để tạo ra những sản phẩm khác biệt, có tính cạnh tranh cao, củng cố định vị thương hiệu du lịch Quảng Trị - “Ký Ức

chiến tranh - Khát vọng hòa bình”. Theo đó, một số vấn đề cơ bản dưới đây thực sự cần được quan tâm đúng mức để hiện thực hóa định hướng có tính mục tiêu này.

Định vị hình ảnh du lịch Quảng Trị: Các nghiên cứu thị trường gần đây cho thấy, hình ảnh tổng thể của điểm đến Quảng Trị vẫn là điểm đến gắn với giá trị đặc trưng, khác biệt của các di tích lịch sử - cách mạng, trong đó ký ức chiến tranh và di tích lịch sử - cách mạng là đặc điểm nổi trội của điểm đến, mang đến cảm nhận thanh bình, uy nghiêm, hào hùng (Bùi Thị Tám và cộng sự, 2018; Trần Thị Ngọc Liên, 2019). Mục đích chuyến đi của đa số du khách khi đến Quảng Trị là “Thăm các di tích văn hoá lịch sử”, các mục đích khác như nghỉ dưỡng biển, hội nghị, hội thảo... ít khi được đề cập. Trong những năm gần đây, tỉnh Quảng Trị cũng đã định kỳ tổ chức các sự kiện, các lễ hội gắn với các giá trị văn hóa lịch sử - cách mạng quan trọng như Lễ hội Thống nhất non sông, Lễ hội Thành cổ - Đêm Hoa đăng, Lễ Hội Trường Sơn huyền thoại, Lễ hội Nhịp cầu xuyên Á... Có thể khẳng định đây là một trong những hướng đi phù hợp và hiệu quả để đồng bộ hóa chủ đề, từng bước định vị và củng cố hình ảnh thương hiệu nhất quán mà Tỉnh đã xác định.

Hiểu thị trường: đây là triết lý có tính nguyên tắc mà bất cứ ai làm du lịch đều hiểu rõ. Tuy nhiên, hiểu như thế nào và chuyển tải thông tin thị trường đó vào các chiến lược phát triển cụ thể vẫn còn là khoảng trống quá lớn trong phát triển du lịch nước ta hiện nay. Chính sự đơn giản hóa hoặc xu hướng áp đặt ý kiến chủ quan của nhà quản trị giải thích khá rõ cho thực trạng “sản xuất đại trà” các sản phẩm du lịch nói chung và du lịch văn hóa hời hợt (Bùi Thị Tám và Võ Thị Ngọc Thúy, 2018). Phân nhóm thị trường du khách đến Quảng Trị theo mục đích chuyến đi và trải nghiệm ở điểm đến cho thấy xu hướng khá rõ ràng, đó là nhóm

du khách thăm các di tích với động cơ có được trải nghiệm càng sâu về di tích LSVH của tỉnh thì có mức độ hài lòng càng cao hơn nhóm du khách thăm quan với mục đích trải nghiệm giản đơn (chỉ để biết, xem, chụp ảnh). Ví dụ, có đến 71.2% du khách đến để khám phá hiểu biết nhiều hơn về di tích LSVH tỉnh Quảng Trị cảm thấy hài lòng với chuyến đi. Tương tự, có 81.9% du khách đến với động cơ hiểu sâu về di tích LSVH của Quảng Trị hài lòng (Bùi Thị Tám và các cộng sự, 2017). Trong khi đó, chỉ có 48.9% du khách đến chỉ để biết (trải nghiệm giản đơn) về di tích LSVH của Quảng Trị cảm thấy hài lòng. Đặc biệt, 81.9% du khách đến chỉ với mục đích trải nghiệm giản đơn về di tích lại không hài lòng hoặc không có ấn tượng gì cả. Điều đáng quan tâm ở đây là tỉ lệ du khách đến Quảng Trị với kỳ vọng trải nghiệm giản đơn lại chiếm đến 48.4% người trả lời. Đây chính là tâm điểm cho các giải pháp về phát triển và quảng bá sản phẩm du lịch Quảng Trị khai thác để quản trị tốt hơn kỳ vọng và trải nghiệm của du khách khi đến với các di tích LSVH của tỉnh Quảng Trị.

Các di tích là những di sản sống:

các di tích trở nên hấp dẫn với du khách thập phương chỉ khi nó mang lại cho họ những trải nghiệm độc đáo và đáng nhớ. Không ứng xử với di tích theo cách đơn giản nhất - đó là các tài sản, mà hãy luôn xem di tích là di sản sống động gắn với lịch sử, văn hóa và con người qua các thế hệ. Đó là các câu chuyện được kể, đó là những huyền thoại về đất nước, về quê hương, đó là niềm tin và hồn thiêng của một vùng đất... Như chúng tôi những người con đất Bắc khi lớn lên đã được nghe, được kể về câu chuyện Đồi Bờ Hiền Lương - Bến Hải đến mức từ trong sâu thẳm con tim của mỗi người đã trở nên gắn bó thân quen... Nhưng với đa số du khách (kể cả các thế hệ người Việt Nam sau này), những kiến thức và tình cảm mặc định đó gần như quá mờ nhạt.

Theo đó, nếu câu chuyện đồi bờ sông này chỉ được bảo tồn và chuyển tải như hiện tại thì sợ rằng chúng ta chưa làm đúng, đủ điều cần làm để câu chuyện gắn với đồi bờ sông vẫn luôn là bản anh hùng ca tự hào của mỗi người dân Việt. Tương tự, câu chuyện trở thành huyền thoại về Địa đạo Vịnh Mốc và Làng hầm Vĩnh Linh cũng cần được giới thiệu một cách đầy đủ và sống động bằng nhiều cách để mỗi khi đến đây du khách không chỉ được nghe, được thấy, mà hơn thế, được cảm nhận về sức sống vĩ đại của một vùng quê kiên trung.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, chúng ta không chỉ mang lại các cơ hội khác nhau để du khách khám phá, mà quan trọng hơn đó là hướng dẫn họ trở thành những khách hàng có trách nhiệm hơn với di sản, tôn trọng di sản và tôn trọng các giá trị văn hóa lịch sử mà di sản đang lưu giữ. Không khó để gặp các trường hợp những đoàn khách bỏ qua các hướng dẫn, bỏ qua trung tâm giới thiệu di tích và chỉ tham quan di tích như là những gì còn lại sau chiến tranh, để nhìn, để chụp ảnh... Như chúng tôi đã chỉ ra ở trên là hơn 48% khách chỉ tìm kiếm trải nghiệm giản đơn. Đó không phải là cách làm du lịch văn hóa - lịch sử. Nhìn theo cách chủ động thì chính chúng ta, những người làm du lịch chịu trách nhiệm cho vấn đề này. Trong điều kiện các phương tiện thuyết minh diễn dịch và các tiện ích hỗ trợ thông tin ở các di tích lịch sử văn hóa của tỉnh còn rất hạn chế, thì việc chuẩn hóa qui trình sáng tạo và cung cấp trải nghiệm cho du khách là việc làm cần thiết.

Đặc biệt, ngày nay với sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ 4.0, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng cơ sở dữ liệu để hình thành điểm đến du lịch thông minh, và cũng là cơ sở quan trọng để làm mới sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm. Theo đó, tạo điều kiện tốt nhất để du khách tiếp cận, học hỏi và trải nghiệm đúng với nội hàm giá trị của di tích. Khách

hàng luôn mong muốn có trải nghiệm chân thực (*authenticity*) nhưng không nhất thiết phải là thực tế (*reality*). Cần hướng dẫn, giáo dục khách hàng tốt để họ có trách nhiệm hơn với chính chuyến thăm của họ tới các di tích. Thay vì chỉ tạo cơ hội cho họ được biết, được thấy, thì cần thúc đẩy nhu cầu khám phá, hiểu biết và cảm nhận về di tích, từ đó gia tăng sự hài lòng của họ, và quan trọng hơn đó là tác động truyền thông tích cực về điểm đến sau chuyến đi. Trên quan điểm marketing hiện đại, đó là sự chuyển đổi từ cách thức phát triển du lịch truyền thống sang các sáng tạo, đồng sáng tạo trải nghiệm. Đó là sự chuyển đổi về triết lý marketing truyền thống 4Ps (sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến và quảng bá) sang 4Es (trải nghiệm, mọi khoảnh khắc trao đổi và tuyên truyền, giáo dục).

thế nào? Và có những cơ hội nào cho các du khách với các động cơ và mục đích khám phá khác nhau? Rõ ràng là du khách không mua một sản phẩm du lịch chỉ đơn thuần như mua một hàng hóa thông thường, mà là trải nghiệm họ có được từ hoạt động du lịch đáp ứng nhu cầu của họ. Các trải nghiệm này là sản phẩm chỉnh hợp của các yếu tố hữu hình và vô hình mà một di tích, một điểm tham quan hay cả điểm đến mang lại. Sự thành công của sản phẩm chỉnh hợp này phụ thuộc rất lớn và khả năng của nhà cung cấp hiểu được nhu cầu, sáng tạo và cung cấp các giá trị trải nghiệm phù hợp với nhu cầu của họ (Bui Thi Tam, 2016; Du Cros và McKercher, 2015). Có thể nói, tài nguyên và nguồn lực thì luôn có hạn, nhưng sự sáng tạo và đồng sáng tạo giá trị trải nghiệm của



Địa đạo Vịnh Mốc - điểm đến của loại hình du lịch văn hóa - lịch sử cách mạng tỉnh Quảng Trị. Ảnh: nguồn internet.

Trên thực tế, các yếu tố hữu hình của các di tích không phải là yếu tố duy nhất mang tới trải nghiệm. Du khách thăm một di tích để thỏa mãn nhu cầu học hỏi, khám phá và trải nghiệm cái mới bằng cả lý trí, tình cảm và thực chứng (*“head, heart and hand”*). Vậy câu hỏi ở đây là liệu du khách biết được bao nhiêu về di tích? Trải nghiệm của họ chân thực như

nhà quản trị là gần như là vô hạn và được củng cố bởi sự đa dạng với nhiều thứ bậc của cầu du lịch.

Các dịch vụ bổ trợ: Đây không phải là câu chuyện mới nhưng nó vẫn luôn là vấn đề mang tính thời sự, bởi sự nghèo nàn hay thậm chí thiếu vắng các dịch vụ bổ sung đang dần đẩy các sản phẩm du

lịch văn hóa vào một bức tranh chung âm đạm. Cũng có thể do cách hiểu mặc định là “bổ trợ” nên việc đầu tư cho các dịch vụ bổ trợ thường không được chú ý đầu tư đúng mức như nó nên có. Nếu giá trị cốt lõi của các di tích là động lực kéo du khách đến với các di tích, thì dịch vụ bổ trợ lại là các yếu tố giúp cho trải nghiệm của du khách được hoàn chỉnh. Một không gian trải nghiệm đáng nhớ, một khoảnh khắc mà có thể là dấu ấn cuộc đời, một vật kỷ niệm lưu lại hồi ức chuyến đi... tất cả cấu thành nên trải nghiệm chuyến đi. Chiến lược gia Bruno Giussani (Diễn đàn Kinh tế thế giới, Davos forum) nhấn mạnh vai trò đặc biệt của các vật kỷ niệm đối với trải nghiệm của du khách với nghĩa là ghi nhớ kỷ niệm (*memorabilia*) chứ không đơn thuần là vật kỷ niệm (*souvenirs*), mặc dù về ngữ nghĩa có vẻ là đồng nghĩa. Khách mua các vật kỷ niệm như là các kỷ vật hữu hình “ghi lại” trải nghiệm mà qua đó người ta lưu giữ và chuyển tải trải nghiệm của họ đến người khác. Không khó để thấy ý nghĩa của các món quà nhỏ, những vật lưu niệm mà một người có thể mang về tặng cho bạn bè, người thân sau mỗi chuyến đi. Ngược lại, sẽ như một sự hụt hẫng nếu mỗi nơi chúng ta đi qua chẳng lưu lại được một kỷ vật nào. Ngoài ra, các dịch vụ mua sắm, ăn uống, trải nghiệm cộng đồng... đều là những hoạt động mang lại cơ hội trải nghiệm lý thú cho du khách thập phương. Đây cũng chính là bài học thành công của du lịch nhiều nước trong khu vực như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia... Đáng tiếc đây vẫn là điểm yếu phổ biến của hầu hết các điểm đến ở nước ta và Quảng Trị cũng là một đơn cử.

Nghiên cứu về cơ hội phát triển các dịch vụ bổ sung tại di tích LSVH của tỉnh Quảng Trị cho thấy tính khả thi cao cả về mức độ quan tâm, qui mô thị trường và các mức giá sẵn lòng chi trả của du khách đối với các sản phẩm dịch vụ bổ trợ. Cả du khách quốc tế và nội địa đều

rất quan tâm đến các sản phẩm thủ công truyền thống mang dấu ấn và với chỉ dẫn địa lý của địa phương, nhẹ nhàng và dễ vận chuyển... Tuy nhiên, trên thực tế vẫn chưa có được sự cải thiện đáng kể về các loại hình dịch vụ này và do vậy sức hấp dẫn của các sản phẩm du lịch vẫn đang chủ yếu dựa trên khai thác ‘thô’ các tài nguyên.

Kết luận

Việc nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử của tỉnh Quảng Trị vừa mang ý nghĩa chiến lược vừa có tính sách lược, góp phần giải quyết bài toán phát triển du lịch Quảng Trị trong ngữ cảnh cạnh tranh du lịch ngày càng gia tăng của thị trường du lịch khu vực và quốc tế. Từ góc nhìn chuyên môn, sẽ không quá lạc quan nếu nói rằng Quảng Trị có tiềm năng và hoàn toàn có thể phát triển sản phẩm du lịch văn hóa lịch sử đặc trưng, khác biệt, có khả năng cạnh tranh cao. Các thế mạnh này đang được củng cố bởi sự thay đổi theo hướng ngày càng đa dạng và phức tạp của nhu cầu thị trường du lịch nói chung và đặc biệt là nhu cầu thị trường du khách nội vùng GMS và du khách nội địa.

Sẽ là khiếm khuyết nếu bỏ qua các cơ hội thị trường thuận lợi này hoặc vẫn cứ làm du lịch theo kiểu truyền thống và tự phát. Hãy bắt đầu từ những câu chuyện rất đơn giản, chân thực nhưng rất riêng của vùng đất thiêng Quảng Trị. Cần tạo được sự thay đổi cơ bản về nhận thức và sự đồng thuận xã hội trong phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa - lịch sử cách mạng của tỉnh nói riêng. Theo đó, cần có các chiến lược và chương trình hành động *kiên trì và nhất quán* theo hướng sáng tạo và đồng sáng tạo giá trị trải nghiệm cho khách hàng. Đây cũng có thể được coi là cách thức khả thi và hiệu quả nhất nhằm củng cố và quảng bá cho thương hiệu du lịch Quảng Trị trong giai đoạn hiện nay./.

B.T.T



PHÁT HUY NHỮNG PHẨM CHẤT TỐT ĐẸP CỦA CON NGƯỜI QUẢNG TRỊ TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

NGUYỄN TRÍ ÁNH
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Trong tiến trình lịch sử của dân tộc những thế hệ con người Quảng Trị đã mang trong mình dòng máu của người Việt Nam với đầy đủ các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc như: Yêu quê hương, đất nước; đoàn kết, anh dũng trong cải tạo thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; ham học hỏi và giàu lòng nhân nghĩa, thủy chung... Đồng thời với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, sinh tồn và nhất là những biến động của lịch sử đã hình thành một số phẩm chất, tính cách con người Quảng Trị tuy tên gọi không có gì khác với những phẩm chất chung của người Việt nhưng nội hàm, bản sắc thì riêng. Ngày nay, phẩm chất của con người Quảng Trị cần phát huy, bồi đắp những phẩm chất tốt đẹp của mình, đồng thời khắc phục những biểu hiện hạn chế, tiêu cực để đáp ứng thời kỳ hội nhập và phát triển.

Khái niệm sức mạnh mềm hay quyền lực mềm (tiếng Anh: soft power) xuất hiện lần đầu tiên năm vào 1990 trong một cuốn sách của Giáo sư Joseph Samuel Nye ở Đại học Harvard. Theo đó, “Sức mạnh mềm là khả năng tác động tới hệ thống giá trị của người khác, làm thay đổi cách suy nghĩ của họ, khiến họ làm theo điều mà mình mong muốn, chứ không áp đặt điều mình mong muốn bằng vũ lực, đe dọa hay mua chuộc (bằng quyền lực cứng)”. Sau

đó năm 2002, trong cuốn “*Vi sao chỉ có sức mạnh quân sự là chưa đủ*” (Why military power is no longer enough), G. Nai định nghĩa sức mạnh mềm chính là “khả năng khiến người khác muốn cái mà bạn muốn”. Tiếp đến, trong cuốn “*Tái suy ngẫm về khái niệm sức mạnh mềm*” (Think Again: Soft Power) xuất bản năm 2006, khái niệm này được rút gọn là “khả năng thông qua sự thu hút, hấp dẫn hoặc dụ dỗ của mình làm thay đổi hành vi của người khác, từ đó đạt

được cái mà mình cần”. Ngoài ra, ông còn chỉ ra 3 nguồn gốc của sức mạnh mềm: đó là văn hóa, thể chế chính trị và chính sách ngoại giao của một nước; đồng thời, chỉ ra 7 nội dung cơ bản của sức mạnh mềm, bao gồm: Sức hấp dẫn và sự ảnh hưởng của văn hóa; Sức hấp dẫn về hình thái ý thức xã hội, các quan niệm về giá trị và chính sách quốc gia; Chính sách đối ngoại đúng đắn; Xử lý các mối quan hệ trong nước vừa có tình vừa có lý; Sức hấp dẫn của đường lối phát triển và hình thức chế độ; Năng lực chỉ đạo, hoạch định và kiểm soát các quy phạm quốc tế, tiêu chuẩn quốc tế và cơ chế quốc tế; Và mức độ ủng hộ, tán dương của dư luận quốc tế đối với hình ảnh quốc gia¹.

sở các yếu tố về văn hóa, lịch sử và con người Quảng Trị, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ động nghiên cứu đề tài “Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển” để sớm triển khai trong thực tiễn, xem đây là giải pháp quan trọng phát huy “sức mạnh mềm”, động lực thúc đẩy quá trình phát triển của tỉnh. Đề tài đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2225/QĐ-UBND, ngày 27/9/2018. Sau hơn một năm triển khai, Ban Nghiên cứu đề tài khoa học của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy bước đầu đã xác định những phẩm chất tốt đẹp; một số tính cách còn hạn chế; những phẩm chất cần có của người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập; đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm phát



Phiên họp hội đồng đề tài cấp tỉnh: Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập. Ảnh: Hải Yến

Viện dẫn như vậy để khẳng định rằng: trong quá trình phát triển cùng với các chính sách về kinh tế phải hết sức coi trọng nền tảng văn hóa, đặc biệt là yếu tố con người. Quảng Trị cũng không ngoài quy luật ấy. Chính vì ý nghĩa đó, ngày 15/02/2017, tại buổi làm việc với lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã đặt vấn đề: Trên cơ

huy, bồi đắp một số phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị; khắc phục những biểu hiện hạn chế, tiêu cực trong tính cách người Quảng Trị đáp ứng thời kỳ hội nhập và phát triển.

1. Những phẩm chất truyền thống tốt đẹp

Trong quá trình nghiên cứu để xác định những phẩm chất tốt đẹp của con

¹Theo Nguyễn Minh “Sức mạnh mềm trong quan hệ quốc tế”.

người Quảng Trị, chúng tôi thấy rằng: Nước Việt Nam là một đất nước thống nhất. Dân tộc Việt Nam là đại gia đình thống nhất. Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước đã hình thành nên những phẩm chất của con người Việt Nam, đó là: Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc vì chủ nghĩa xã hội; có ý thức vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu; đoàn kết với Nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc làm chủ và tiến bộ xã hội; Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung; Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân gia đình, tập thể và xã hội và thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực². Quảng Trị là một phần của đất nước Việt Nam; Con người Quảng Trị là một bộ phận của đại gia đình Việt Nam. Cho nên, những phẩm chất của con người Quảng Trị không thể tách rời phẩm chất của con người Việt Nam. Tuy nhiên với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, sinh tồn và nhất là những biến động của lịch sử đã hình thành một số phẩm chất, tính cách con người Quảng Trị tuy tên gọi không có gì khác với những phẩm chất chung của người Việt nhưng nội hàm, bản sắc thì riêng có.

Sau khi nghiên cứu, cân nhắc Ban Nghiên cứu đề tài bước đầu thống nhất lựa chọn 6 tố chất sau là những phẩm chất tốt đẹp, đặc trưng nhất của người Quảng Trị (1) *Yêu nước, có tinh thần dũng cảm, quật cường*(2) *Sống có nghĩa, có tình, thủy chung và đôn hậu*; (3) *Cần cù, chịu khó, chịu khổ, luôn lạc quan, có tố chất nghệ sĩ*; (4) *Thông minh, tài trí, hiếu học và có khát vọng vươn cao*; (5)

Bộc trực, ngay thẳng khí khái, tôn trọng lẽ phải; và (6) có ham muốn hòa đồng, có tình cảm quốc tế trong sáng.

2. Những hạn chế cần khắc phục

Khi nghiên cứu vấn đề này, điều cần khẳng định: Những hạn chế, mặt tiêu cực đa phần là căn tính con người cho nên không chỉ có ở người Quảng Trị mà chung cho cả người Việt cũng như của các dân tộc trên thế giới. Những mặt tiêu cực xét trên khía cạnh nào đó thực chất cũng là một mặt của những phẩm chất tiêu biểu, được nhìn nhận theo thời gian và hoàn cảnh lịch sử. Tùy vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể, có khi khía cạnh tích cực trước kia lại biến thành tiêu cực theo quan điểm và đòi hỏi của hiện tại. Trên cơ sở nhận thức đó, Ban Nghiên cứu khái quát một số biểu hiện hạn chế, tiêu cực trong tính cách Người Quảng Trị; đó là: (1) *Tư tưởng an phận, cam chịu, nặng tâm lí cầu may*; (2) *Ít có tầm nhìn xa trong mưu sinh*; (3) *Sự cố kết trong phạm vi cộng đồng lớn còn mức độ*; và (4) *cuối cùng là ý thức tôn trọng pháp luật chưa cao*. Trên cơ sở phân tích những mặt “được” và “chưa được” của con người Quảng Trị, Ban Nghiên cứu đề tài bước đầu đã xác định 3 tính cách, phẩm chất cần có trong thời kỳ hội nhập đó là: (1) Khát vọng ước mơ hoài bão; (2) Năng lực, khả năng thích nghi môi trường hợp tác và cạnh tranh; và (3) Chịu khó tự duy để nắm bắt cơ hội.

Cùng với những phẩm chất, tính cách chung đó, chúng tôi cũng đã mạnh dạn đề xuất một số tính cách, phẩm chất cần có của một số đối tượng như: lãnh đạo quản lý; thanh niên, nông dân, phụ nữ, giáo viên....

3. Về hệ thống giải pháp

Để phát huy, bồi đắp những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị; khắc phục những biểu hiện hạn chế, tiêu cực trong tính cách người Quảng Trị đáp ứng thời kỳ hội nhập và phát triển; Ban Nghiên cứu đề tài đề xuất 5 hệ thống giải pháp; đó là: (1) *Giải pháp về sự lãnh đạo*

²Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

của Đảng và sự vào cuộc của hệ thống chính trị; (2) giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức; (3) giải pháp về xây dựng môi trường văn hoá; (4) giải pháp về tạo động lực phát triển, về cơ chế chính sách, điều kiện thực hiện; và (5) tạo lập, liên kết phát huy tiềm lực con người Quảng Trị ở các tỉnh, thành trong nước, người Quảng Trị ở nước ngoài để đóng góp xây dựng quê hương.

Trong khuôn khổ bài viết xin được nêu một số nội dung chủ yếu về *giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức.*

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi cho rằng: Vấn đề đầu tiên và quan trọng nhất để phát huy, bồi đắp những phẩm chất tốt đẹp³ của con người Quảng Trị cũng như khắc phục cho được những hạn chế tiêu cực⁴ trong tính cách Người Quảng Trị đó chính là làm tốt công tác tuyên truyền.

Điều cần khẳng định là công tác tuyên truyền về văn hoá nói chung, trong đó có việc tuyên truyền những giá trị truyền thống, phẩm chất tốt đẹp của mảnh đất và con người Quảng Trị trong những năm qua đã có chuyển biến tích cực cả về nội dung, hình thức, cấp độ và sức lan tỏa. Tuy vậy, để cán bộ, đảng viên và người dân hiểu được căn nguyên những phẩm chất tốt đẹp; đặc biệt là nhận diện những hạn chế về tính cách của con người Quảng Trị nhằm từng bước khắc phục, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập và phát triển thì vẫn còn khoảng cách. Chính vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho công tác tuyên truyền trong thời gian tới đó là: Thứ nhất, là tuyên truyền để khẳng định, vun đắp niềm tự hào về truyền thống văn hóa và con người Quảng Trị; Thứ hai, là tiếp tục

khẳng định, phát huy các phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển; đồng thời khắc phục hiệu quả các hạn chế trong tính cách của con người Quảng Trị.

Nhiệm vụ đặt ra cho công tác tuyên truyền trong thời gian tới là dù tuyên truyền về những phẩm chất tốt đẹp hay những khía cạnh tính cách còn chưa “đẹp” thì vấn đề cốt lõi vẫn phải là truyền lửa để mỗi người dân Quảng Trị nâng cao lòng tự hào, khát vọng vươn lên sống có ước mơ hoài bão; phải thường xuyên rèn đức, luyện tài, luyện rèn sức khỏe, nâng cao năng lực, khả năng thích nghi môi trường hợp tác và cạnh tranh; và chịu khó tư duy để nắm bắt cơ hội.

Về hình thức tuyên truyền, chủ yếu qua 4 kênh: (1) Thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình; các trang Web, cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ngành địa phương, mạng xã hội (zalo, facebook...) tạo các diễn đàn để người dân Quảng Trị hiến kế; (2) Từ các hội nghị xúc tiến đầu tư, nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học, các buổi giao lưu... để quảng bá, phát huy sức mạnh, huy động nguồn lực người Quảng Trị xa quê; người nước ngoài sống và làm việc tại Quảng Trị; (3) Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; nhất là những phẩm chất cần có của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập cho thế hệ trẻ. Và (4) Tổ chức cung cấp thông tin, tình hình của tỉnh cho bà con xa quê qua các kênh, nhất là qua các hội đồng hương Quảng Trị ở các tỉnh thành trong và ngoài nước./.

N.T.A

³*Yêu nước, yêu quê hương làng xóm sâu sắc, có tinh thần dũng cảm, quật cường, sẵn sàng xả thân chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước; Sống có nghĩa, có tình, thủy chung và đôn hậu; Cần cù, chịu khó, chịu khổ, luôn lạc quan, có tố chất nghệ sĩ; Thông minh, tài trí, có truyền thống hiếu học và có khát vọng vươn cao; Bộc trực, ngay thẳng khí khái, tôn trọng lẽ phải; Có ham muốn hòa đồng, có tình cảm quốc tế trong sáng.*

⁴*Tư tưởng an phận, cam chịu, nặng tâm lí cầu may; Ít có tính mưu lược, tầm nhìn xa trong mưu sinh; Sự kết nối trong phạm vi cộng đồng còn mức độ và cuối cùng là ý thức chấp hành pháp luật chưa cao.*

ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TỈNH QUẢNG TRỊ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC HIỆN NAY

LÊ THỊ HƯƠNG - TUV - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Cộng sự

Kỹ năng sống (KNS) chính là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày; nó gắn liền với 4 trụ cột của giáo dục: Học để biết, học để tự khẳng định, học để cùng chung sống với người khác, học để làm. Giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) cho học sinh tiểu học là giáo dục cách sống tích cực trong xã hội hiện đại, là quá trình xây dựng những hành vi lành mạnh và thay đổi những hành vi thói quen tiêu cực trên cơ sở giúp học sinh tiểu học có cả kiến thức, giá trị, thái độ và những kỹ năng thích hợp. Đây chính là quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục một cách có khoa học của nhà giáo dục nhằm giúp học sinh tiểu học biết cách chuyển dịch kiến thức, thái độ, giá trị thành hành động thực tế một cách tích cực và mang tính chất xây dựng. Do đó, GDKNS có mục tiêu chính là làm thay đổi hành vi của người học từ thói quen thụ động có thể gây rủi ro, mang lại hậu quả tiêu cực chuyển thành những hành vi mang tính xây dựng, tích cực và có hiệu quả để nâng cao chất lượng của cuộc sống cá nhân và góp phần bền vững cho xã hội. Xuất phát từ tầm quan trọng của việc GDKNS cho học sinh, mà hiện nay việc phát triển các kỹ năng này đã trở thành một trong những nội dung thiết yếu trong các chương trình giáo dục cho học sinh tiểu học ở nhiều nước trên thế giới.

Ở tỉnh Quảng Trị, dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn của Sở GD&ĐT, việc GDKNS cho học sinh tiểu học đã được tiến hành thông qua lồng ghép, tích hợp trong các môn học khác hoặc thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mặc dù các cơ quan ban ngành giáo dục đã chú trọng đến việc GDKNS cho học sinh nhưng công tác giáo dục này vẫn chưa được tiến hành thường xuyên, đồng bộ và đem lại hiệu quả chưa

cao. Một trong những khó khăn cơ bản của đội ngũ giáo viên tiểu học khi GDKNS cho học sinh là thiếu nguồn tài liệu hướng dẫn. Hiện nay, các tài liệu hướng dẫn GDKNS chủ yếu dành cho học sinh THCS và THPT, các tài liệu cho học sinh tiểu học rất hạn chế, thêm vào đó nhiều nội dung và tài liệu biên soạn dàn trải, thiếu chiều sâu, chưa có nhiều nghiên cứu về các KNS nhằm phát triển trí tuệ cảm xúc cho học sinh tiểu học. Trong bài

báo này, chúng tôi đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

1. Biện pháp 1: Xây dựng chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học

1.1. Mục đích, ý nghĩa

Để triển khai công tác GDKNS cho học sinh tiểu học hiệu quả, trước hết phải xây dựng chương trình GDKNS một cách hợp lý. Cần xác định được mục đích GDKNS, các KNS cần giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức. Chương trình GDKNS là cơ sở để định hướng cho giáo viên triển khai công tác này một cách hiệu quả.

Kết quả khảo sát thực trạng cũng cho thấy, một trong những khó khăn lớn của giáo viên khi thực hiện GDKNS cho học sinh tỉnh Quảng Trị là không có chương trình định hướng. Do đó, việc xây dựng chương trình GDKNS nhằm nâng cao hiệu quả GDKNS là thực sự cần thiết.

1.2. Nội dung

Trên cơ sở tiếp cận KNS là những kỹ năng cần thiết giúp học sinh có các năng lực cảm xúc - xã hội, năng lực tự bảo vệ phù hợp với kết quả khảo sát thực trạng, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, trong nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất chương trình GDKNS cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị như sau:

*** Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống:**

GDKNS cho học sinh tiểu học nhằm hình thành, phát triển ở học sinh kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kỹ năng đồng cảm, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm, kỹ năng tự bảo vệ bản thân; trên cơ sở đó góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và

năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể.

*** Nội dung giáo dục kỹ năng sống:**

- Giáo dục kỹ năng tự nhận thức:

Kỹ năng tự nhận thức giúp các em học sinh nhận thức rõ về bản thân giúp cá nhân thể hiện sự tự tin và tính kiên định để có thể giải quyết vấn đề và ra quyết định hiệu quả. Tự nhận thức cũng giúp bản thân đặt ra những mục tiêu phấn đấu phù hợp và thực tế. Giáo dục kỹ năng tự nhận thức cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị cần nhấn mạnh những nội dung sau: những đặc điểm và tính cá biệt về hình thức bên ngoài; các thông tin cá nhân về bản thân (tên, tuổi, địa chỉ nhà, sở thích...); các mối quan hệ xung quanh của học sinh (gia đình, bạn bè, thầy cô...); sở thích, hứng thú của bản thân; ước mơ của bản thân; những điểm mạnh, điểm hạn chế của cá nhân; những điểm mạnh của em đã đóng góp vào cuộc sống ở gia đình và nhà trường như thế nào; những kỹ năng và điểm mạnh mà bản thân mong muốn phát triển; những yếu tố đóng góp vào mối quan hệ tích cực với những người ở trường, ở nhà và trong cộng đồng; sự ảnh hưởng của các đặc tính và điểm mạnh của cá nhân; sự củng cố những điểm mạnh của bản thân; giá trị của làm việc độc lập.

- Giáo dục kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ:

Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ giúp các em học sinh ý thức được nhu cầu cần giúp đỡ, biết xác định được những địa chỉ đáng tin cậy và bày tỏ nhu cầu cần giúp đỡ một cách phù hợp. Không những vậy, tìm kiếm được sự hỗ trợ sẽ giúp các em được chia sẻ, giải bày những khó khăn, giảm bớt được căng thẳng tâm lý do bị dồn nén cảm xúc, giúp các em không cảm thấy đơn độc, bị quan. Giáo dục kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị cần nhấn mạnh những nội dung sau: nhu cầu được giúp đỡ; những vấn đề cần được giúp đỡ; những nguồn giúp đỡ học sinh trong trường học; những khó khăn học

sinh có thể gặp phải; các nguồn trợ giúp để xin hỗ trợ; cách giao tiếp thể hiện nhu cầu trợ giúp một cách rõ ràng; cách thể hiện sự biết ơn đối với người đã giúp đỡ; các tình huống trong đó học sinh nên tìm sự giúp đỡ để giải quyết vấn đề; danh sách những người đáng tin để tìm đến khi cần giúp đỡ; thái độ đối với hành vi tìm kiếm sự giúp đỡ; thực hành kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ trong các tình huống khác nhau.

lòng biết ơn; các cách thể hiện lòng biết ơn; thực hành các cách thể hiện lòng biết ơn với người thân trong gia đình, bạn bè và thầy cô; khái niệm sự tử tế; giá trị của sự tử tế; các cách thể hiện sự tử tế trong gia đình, bạn bè và nhà trường; các cách phản ứng với cảm xúc của bản thân; nhu cầu đằng sau cảm xúc của bản thân; một số kỹ thuật làm dịu cảm xúc; các cảm xúc mạnh; các tình huống dẫn đến cảm xúc mạnh; các cách điều tiết cảm xúc mạnh.



Hội đồng KH&CN kiểm tra thực địa đề tài: Đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị... Ảnh: Xuân Ngô.

- Giáo dục kỹ năng quản lý cảm xúc: Kỹ năng quản lý cảm xúc giúp các em học sinh nhận biết được tên các loại cảm xúc dễ chịu và khó chịu, các biểu hiện cơ bản của từng loại cảm xúc; kiểm soát cảm xúc tiêu cực (buồn, chán,...); nuôi dưỡng cảm xúc tích cực;... Giáo dục kỹ năng quản lý cảm xúc cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị cần nhấn mạnh những nội dung sau: các loại cảm xúc cơ bản; biểu hiện các loại cảm xúc; những tình huống tạo nên những cảm xúc; khái niệm lòng biết ơn; giá trị của

- Giáo dục kỹ năng giao tiếp: Kỹ năng giao tiếp giúp các em học sinh tự tin kết bạn, biết cách nói chuyện, tự tin khi bày tỏ cảm xúc nhưng không làm hại hay gây tổn thương cho người khác. Giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị cần nhấn mạnh những nội dung sau: những nguyên tắc giao tiếp cơ bản; chào hỏi đúng cách; xưng hô đúng cách; biết giá trị nụ cười; biết cách làm quen, kết bạn; lắng nghe hiệu quả; thực hành các nguyên tắc giao

tiếp cơ bản trong quan hệ bạn bè, gia đình, nhà trường; vai trò của phi ngôn ngữ trong giao tiếp; cách giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp; thực hành trong xây dựng các mối quan hệ bạn bè,...

- **Giáo dục kỹ năng đồng cảm:** Kỹ năng đồng cảm giúp các em học sinh nhận diện cảm xúc của bạn bè, nguyên nhân của cảm xúc đó; cách đồng viên, an ủi bạn bè; cách giúp đỡ khi bạn bè buồn, lo sợ,... và cần trợ giúp. Giáo dục kỹ năng đồng cảm cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị cần nhấn mạnh những nội dung sau: tìm hiểu những cảm xúc căn bản của các thành viên trong gia đình, bạn bè, thầy cô; giá trị của sự đồng cảm; biểu hiện sự đồng cảm; cách thể hiện sự đồng cảm với các cảm xúc của các thành viên khác trong gia đình, bạn bè, thầy cô; các yếu tố giúp học sinh có thể trở thành người biết đồng cảm tốt; các cách thể hiện sự đồng cảm phù hợp trong các tình huống khác nhau; thực hành hành động trắc ẩn.

- **Giáo dục kỹ năng hợp tác:** Kỹ năng hợp tác giúp các em học sinh biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm. Giáo dục kỹ năng hợp tác cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị cần nhấn mạnh những nội dung sau: giá trị của hợp tác; cách hợp tác với người khác; thực hành hợp tác với bạn bè;

- **Giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm:** Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm giúp các em học sinh lựa chọn được phương án tối ưu và hành động theo phương án đã chọn để giải quyết vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống một cách có trách nhiệm. Giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị cần nhấn mạnh những nội dung sau: các vấn đề của bản thân; các bước để giải

quyết vấn đề; thực hành giải quyết vấn đề trong hoàn cảnh bạn đồng trang lứa; các kỹ năng giao tiếp thúc đẩy việc giải quyết vấn đề; đưa ra quyết định có trách nhiệm; nguyên nhân và hệ quả của vấn đề và thực hành các chiến lược khác nhau để giải quyết nó; ...

- **Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân:** Kỹ năng tự bảo vệ bản thân giúp các em học sinh biết cách làm thế nào để tránh xa những mối nguy hiểm hoặc khám phá thế giới trong phạm vi an toàn. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị cần nhấn mạnh những nội dung sau: tìm hiểu một số vật nguy hiểm xung quanh và có khả năng tự bảo vệ bản thân nơi công cộng; tìm hiểu các cách an toàn khi vui chơi dưới nước, khi gặp người lạ; có khả năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn; tìm hiểu các tình huống nguy hiểm đang gặp phải; có khả năng thoát hiểm đối với tình huống cháy nổ, đám đông chen lấn xô đẩy, quấy rối tình dục; tìm hiểu các tình huống nguy hiểm đang gặp phải; có khả năng tự bảo vệ bản thân khi đi đường gặp mưa, bão; có khả năng sơ cứu các vết thương ngoài da; giúp đỡ được các nạn nhân gặp tai nạn giao thông; cách sử dụng các phương tiện truyền thông.

*** Hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục kỹ năng sống:**

- Các tiết lên lớp độc lập: Với cách tiếp cận này, KNS trở thành một môn học độc lập trong các trường tiểu học. Các nội dung GDKNS được thiết kế thành các hoạt động. Một tuần sẽ có 1 tiết KNS cho học sinh. Đây là con đường thuận lợi nhất giúp các em học sinh nắm bắt kiến thức về KNS một cách đầy đủ và có hệ thống. Tuy nhiên, hình thức này yêu cầu phải có được sự đồng ý của cơ quan quản lý về mặt chuyên môn của nhà trường thể hiện bằng khung chương trình học tập.

- Tích hợp trong dạy học các môn học liên quan: Ở hình thức này, giáo

viên tích hợp nội dung giáo dục các KNS trong các môn học liên quan như: Đạo đức, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội,...

- Thông qua hoạt động trải nghiệm: Hoạt động trải nghiệm làm cho nội dung giáo dục không bị bó hẹp trong giáo trình, sách vở, mà gắn liền với thực tiễn đời sống xã hội; là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức với hành động, góp phần đáp ứng mục tiêu giáo dục, trong đó có GDKNS. Ở hình thức này, giáo viên tổ chức rèn luyện KNS cho học sinh tiểu học qua hoạt động trải nghiệm hướng

cường sử dụng như: làm việc nhóm, thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, trò chơi, dạy học theo dự án...

1.3. Tổ chức thực hiện

Để hợp xây dựng chương trình GD-KNS cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học, cần tiến hành những công việc cụ thể theo thứ tự sau đây:

(1) Nghiên cứu các tài liệu trong nước và thế giới về các chương trình GDKNS, trên cơ sở đó xây dựng chương trình GDKNS phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học ở Quảng Trị.



Giờ hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. Ảnh: Xuân Ngo.

vào bản thân (khám phá bản thân, rèn luyện bản thân), hướng đến xã hội và văn hóa địa phương (chăm sóc gia đình, xây dựng nhà trường, xây dựng cộng đồng,...), hướng đến điều kiện tự nhiên địa phương (tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, tìm hiểu và bảo vệ môi trường,...).

Để công tác GDKNS cho học sinh tiểu học được tổ chức hiệu quả, các phương pháp tích cực cần được tăng

(2) Khảo sát thực trạng KNS của học sinh tiểu học, thực trạng GDKNS cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học.

(3) Trên cơ sở các bước trên, tiến hành xây dựng chương trình GDKNS, bao gồm các yếu tố: Mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, hình thức và phương pháp giáo dục.

(4) Xin ý kiến chuyên gia về chương

trình GDKNS cho học sinh tiểu học để đánh giá tính hiệu quả và khả thi; trên cơ sở đó, điều chỉnh lại cho phù hợp với mục tiêu và điều kiện thực tế.

1.4. Hướng dẫn sử dụng chương trình và tài liệu hỗ trợ

Căn cứ chương trình GDKNS và các tài liệu hỗ trợ giảng dạy kèm theo, Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng chương trình GDKNS của đơn vị sát, đúng với điều kiện của nhà trường, thực tế của địa phương và đặc điểm tâm sinh lý, lứa tuổi, khả năng, nhu cầu của học sinh, tránh việc tổ chức hình thức, quá tải, khiến cưỡng.

Phương thức thực hiện chương trình GDKNS được thực hiện thông qua việc tích hợp vào các môn học và các hoạt động giáo dục; đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động dạy - học theo hướng tăng cường hoạt động học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, tổ chức các hoạt động GDKNS; khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các cơ quan chuyên môn, mời các cán bộ chuyên môn, chuyên gia về GDKNS để tổ chức có hiệu quả GDKNS cho học sinh. Khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, nhà trường nghiên cứu sử dụng quỹ thời gian dành cho nội dung giáo dục của địa phương để tổ chức hoạt động GDKNS cho học sinh.

Đối với các trường có điều kiện về cơ sở vật chất về Công nghệ thông tin, giáo viên lựa chọn khoảng thời gian phù hợp (nghỉ trưa, trước giờ vào học, giờ sinh hoạt,...) để chiếu phim các clip GDKNS theo từng chủ đề cho học sinh xem.

Việc kiểm tra đánh giá GDKNS tích hợp vào đánh giá trong các môn học có nội dung tích hợp, nội dung giáo dục địa phương.

2. Biện pháp 2: Xây dựng quy trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học

2.1. Mục đích, ý nghĩa

Để giúp giáo viên tiểu học có thể tổ chức GDKNS cho học sinh tiểu học một cách hiệu quả. Bên cạnh chương trình GDKNS, cần có những hướng dẫn chi tiết cụ thể về quy trình tổ chức hoạt động này.

2.2. Nội dung

Như trong phần nội dung của biện pháp 2, trong điều kiện hiện nay của nhà trường tiểu học ở Quảng Trị, chúng tôi đã xác định việc tổ chức GDKNS cho học sinh tiểu học theo 3 hình thức: (1) một tiết học độc lập, (2) tích hợp trong dạy các môn học và (3) thông qua hoạt động trải nghiệm. Dưới đây là quy trình tổ chức GDKNS thông qua ba hình thức này.

a. Quy trình giáo dục kỹ năng sống như một tiết học độc lập

*** Bước 1: Xác định mục tiêu giáo dục kỹ năng sống**

Việc xác định mục tiêu có ý nghĩa quan trọng, định hướng cho toàn bộ quá trình giáo dục KNS; giúp quá trình giáo dục KNS cho học sinh không đi chệch hướng. Mục tiêu cũng chính là chuẩn đánh giá hiệu quả của các hoạt động giáo dục KNS.

*** Bước 2: Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống**

Một kế hoạch tổ chức hoạt động GDKNS thường bao gồm các phần sau: (1) Mục tiêu; (2) Phương pháp; (3) Phương tiện dạy học; (4) Các hoạt động.

Trong phần phương pháp, để tạo tính hấp dẫn của tiết học, giáo viên cần sử dụng các phương pháp phát huy tính tích cực của người học, tạo cơ hội cho học sinh được làm việc nhóm với nhau. Có thể kể đến một số phương pháp sau:

Phương pháp động não, phương pháp đóng vai, trò chơi, làm việc nhóm, thuyết trình nêu vấn đề, làm việc theo dự án, viết nhật ký...

Tên các hoạt động cần ngắn gọn, thể hiện rõ nội dung của hoạt động. Điều này sẽ giúp người đọc kế hoạch tổ chức này hình dung được cấu trúc tổng thể của buổi ngoại khoá.

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động vận dụng trong thực tiễn, cho học sinh thiết kế, tạo ra các sản phẩm cụ thể; điều này sẽ giúp học sinh có sự trải nghiệm thực tế sâu sắc. Ví dụ: Khi giáo dục nuôi dưỡng cảm xúc tích cực cho học sinh, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh làm thiệp tri ân thầy cô, bố mẹ.

*** Bước 3: Chuẩn bị**

Giáo viên cần chuẩn bị những vấn đề sau: lực lượng tham gia; những chuẩn bị của giáo viên và học sinh về tài liệu học tập, dụng cụ học tập; thời gian tổ chức hoạt động, không gian tổ chức hoạt động, địa điểm tổ chức hoạt động; tài liệu được sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động cho các chủ thể hoạt động (bao gồm cả giáo viên hoặc lực lượng tham gia giáo dục và học sinh); phương tiện được sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động cho các chủ thể hoạt động.

*** Bước 4: Tổ chức, điều khiển hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học**

Đây là bước hiện thực hoá kế hoạch GDKNS trong thực tiễn. Một tiết học của học sinh tiểu học là 35 phút, vì vậy, số lượng các hoạt động trong một buổi cần phù hợp với khoảng thời gian đó. Tùy theo mục tiêu, nội dung và thời gian cho phép mà giáo viên lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức.

*** Bước 5: Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống**

Mục đích của bước này là dựa vào

mục tiêu đề ra nhằm đánh giá quá trình tổ chức, điều khiển hoạt động GDKNS để đưa ra các quyết định điều khiển, điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quá trình này.

b. Quy trình tích hợp giáo dục kỹ năng sống thông qua các môn học

*** Bước 1: Xác định rõ mục tiêu kỹ năng sống cần tích hợp**

Mục đích của bước này là xác định các mục tiêu giáo dục KNS cần tích hợp. Các mục tiêu xác định rõ ràng sẽ định hướng cho toàn bộ quá trình tích hợp giáo dục KNS thông qua dạy học trên lớp.

*** Bước 2: Xác định nội dung các môn học có thể tích hợp giáo dục kỹ năng sống**

Trên cơ sở mục tiêu GDKNS, giáo viên sẽ tìm hiểu và xác định nội dung các môn học có thể tích hợp GDKNS.

*** Bước 3: Lập kế hoạch giảng dạy (soạn giáo án tích hợp giáo dục kỹ năng sống thông qua các môn học)**

Mục đích bước này nhằm hoạch định các công việc cần triển khai, đảm bảo cho việc tích hợp GDKNS thông qua các môn học diễn ra có hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.

Kế hoạch giảng dạy tích hợp GDKNS thông qua các môn học có thể tiến

Mục tiêu môn học	Hoạt động của giáo viên và học sinh	Mục tiêu GD-KNS

hành bằng cách chia thành 03 cột như dưới đây: (xem bảng)

Các hoạt động của giáo viên và học sinh được triển khai để đạt được mục tiêu môn học và mục tiêu GDKNS. Cách thức tích hợp sẽ thể hiện rõ ở cột “hoạt động của giáo viên và học sinh”. Giáo viên tiến hành giảng dạy bài học theo các bước

lên lớp, đến phần nội dung tích hợp, giáo viên thiết kế thêm các hoạt động để đạt được mục tiêu tích hợp. Ở phần củng cố, tổng kết bài học, giáo viên cần tiếp tục hướng dẫn học sinh học tập, gợi mở thêm các vấn đề mới hoặc để học sinh tự đề xuất vấn đề mới và những vấn đề học tập mới này lại trở thành điểm khởi đầu cho quá trình học tập tiếp theo. Ở bước này, giáo viên có thể đưa ra các câu hỏi: Em đã học được những gì? Em sẽ làm gì nếu gặp những tình huống đó?...

*** Bước 4: Chuẩn bị**

Giáo viên chuẩn bị những điều kiện để đảm bảo cho việc tổ chức GDKNS thông qua các môn học một cách hiệu quả. Những điều kiện, yếu tố chuẩn bị tương tự như “Bước 3” ở hình thức hoạt động ngoại khoá.

*** Bước 5: Tổ chức, điều khiển hoạt động tích hợp giáo dục kỹ năng sống thông qua dạy học trên lớp**

Mục đích của bước này là nhằm hiện thực hóa các công việc đã được xác định trong bước lập kế hoạch giảng dạy. Đây là bước quan trọng nhất, hiệu quả của việc tích hợp GDKNS thông qua dạy học các môn học phụ thuộc ở bước này.

Để thiết kế được các hoạt động nhằm GDKNS cho học sinh thông qua dạy học một cách thú vị và hiệu quả, giáo viên phải kết hợp được nhiều phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kết hợp tri thức, kỹ năng chuyên môn với vốn sống phong phú, biết “hoạt động hoá” các mục tiêu và nội dung dạy học...

Lưu ý khi tổ chức, điều khiển hoạt động giảng dạy: Kế hoạch giảng dạy chỉ là những dự kiến ban đầu, tuy nhiên, trong thực tiễn, tình hình có thể thay đổi, do đó một vài dự kiến ban đầu của chúng ta sẽ không phù hợp. Chính vì vậy, chúng ta cần linh hoạt, xử lý nhanh trí, kịp thời trước những thay đổi bất ngờ.

*** Bước 6: Đánh giá kết quả tích hợp giáo dục kỹ năng sống thông qua**

các môn học

Mục đích và kỹ thuật đánh giá tương tự ở bước “Đánh giá kết quả” ở hình thức tiết học độc lập.

c. Quy trình giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm

*** Bước 1: Xác định nhu cầu tổ chức hoạt động trải nghiệm**

Công việc này bao gồm một số việc như: căn cứ nhiệm vụ, mục tiêu và chương trình giáo dục, giáo viên cần tiến hành khảo sát nhu cầu, điều kiện tiến hành; xác định rõ đối tượng thực hiện; việc hiểu rõ đặc điểm học sinh tham gia giúp giáo viên thiết kế hoạt động phù hợp đặc điểm lứa tuổi học sinh tiểu học.

Bước 2: Đặt tên cho hoạt động trải nghiệm

Đặt tên cho hoạt động là một việc làm cần thiết vì tên của hoạt động tự nó đã nói lên được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động. Tên hoạt động cũng tạo ra được sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lý đầy hứng khởi và tích cực của học sinh. Vì vậy cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên cho hoạt động sao cho phù hợp và hấp dẫn. Việc đặt tên cho hoạt động đảm bảo các yêu cầu: rõ ràng, chính xác, ngắn gọn; phản ánh được chủ đề và nội dung của hoạt động; tạo được ấn tượng ban đầu cho học sinh.

*** Bước 3: Xác định mục tiêu của hoạt động trải nghiệm**

Mục tiêu của hoạt động là dự kiến trước kết quả của hoạt động. Các mục tiêu hoạt động cần được xác định rõ ràng, cụ thể và phù hợp; phản ánh được các mức độ cao thấp của yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ và định hướng giá trị. Khi xác định mục tiêu phải trả lời các câu hỏi sau: hoạt động này có thể hình thành cho học sinh những kiến thức ở mức độ nào? Những kỹ năng nào có thể được hình thành ở học sinh và

các mức độ đạt được sau khi tham gia hoạt động? những thái độ, giá trị nào có thể được hình thành hoặc thay đổi ở học sinh sau hoạt động?

*** Bước 4: Xác định nội dung và phương pháp, phương tiện, hình thức của hoạt động trải nghiệm**

Căn cứ vào từng chủ đề, các mục tiêu đã xác định, các điều kiện hoàn cảnh cụ thể của lớp, của nhà trường và khả năng của học sinh để xác định các nội dung phù hợp cho hoạt động. Liệt kê đầy đủ các nội dung hoạt động phải thực hiện. Từ nội dung, xác định cụ thể phương pháp tiến hành, xác định những phương tiện cần có để tiến hành hoạt động. Từ đó lựa chọn hình thức hoạt động tương ứng. Có thể một hoạt động nhưng có nhiều hình thức khác nhau được thực hiện đan xen hoặc trong đó có một hình thức nào đó là chủ đạo, còn hình thức khác là phụ trợ.

*** Bước 5: Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm**

Lập kế hoạch để thực hiện hệ thống mục tiêu, tức là tìm các nguồn lực và thời gian, không gian,... cần cho việc hoàn thành các mục tiêu. Tính cân đối của kế hoạch đòi hỏi giáo viên phải tìm ra đủ các nguồn lực và điều kiện để thực hiện mỗi mục tiêu.

*** Bước 6: Thiết kế chi tiết hoạt động trải nghiệm**

Bước này cần xác định: Bao nhiêu việc phải thực hiện? Các việc đó là gì? Nội dung của mỗi việc đó ra sao? Tiến trình và thời gian thực hiện các việc đó như thế nào? Các công việc cụ thể cho các tổ, nhóm, cá nhân? Yêu cầu cần đạt của mỗi việc?

*** Bước 7: Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động trải nghiệm**

Rà soát, kiểm tra lại nội dung và trình tự của các việc, thời gian thực hiện cho từng việc, xem xét tính hợp lý, khả

năng thực hiện và kết quả cần đạt được. Khi phát hiện những sai sót, bất hợp lý ở khâu nào, bước nào, nội dung nào hoặc việc nào thì kịp thời điều chỉnh. Hoàn thiện bản thiết kế chương trình hoạt động và cụ thể hóa chương trình đó bằng văn bản. Đó là giáo án tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học.

2.3. Tổ chức thực hiện

Để hợp xây dựng quy trình GDKNS, cần tiến hành những công việc cụ thể sau đây:

- Nghiên cứu các tài liệu trong nước và thế giới về quy trình tổ chức GDKNS theo 3 hình thức tiết học độc lập, tích hợp trong các môn học và thông qua hoạt động trải nghiệm, trên cơ sở đó xây dựng quy trình tổ chức GDKNS phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học và điều kiện CSVN của nhà trường.

- Xin ý kiến chuyên gia về quy trình tổ chức GDKNS; trên cơ sở đó, điều chỉnh lại cho phù hợp với mục tiêu và điều kiện thực tế.

- Tổ chức tập huấn cho giáo viên tiểu học về quy trình tổ chức GDKNS, tạo cơ hội cho giáo viên thực hành.

- Bên cạnh đó, các giáo viên cần tăng cường dự giờ để góp ý, trao đổi về cách triển khai các hoạt động GDKNS cho học sinh tiểu học.

3. Biện pháp 3: Bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng sống, phương pháp dạy học tích cực cho giáo viên trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

3.1. Mục đích, ý nghĩa

Với học sinh tiểu học, giáo viên là người có uy tín nhất đối với các em học sinh; các em thường bắt chước những hành động, cử chỉ, lời nói của giáo viên. Dạy học là nghề “dùng một nhân cách để giáo dục một nhân cách”, do đó, những biểu hiện về KNS của giáo viên được xem như là phương tiện GDKNS tốt nhất cho học sinh. Chương trình GDKNS cho

học sinh tiểu học nên bắt đầu từ việc nâng cao KNS cho đội ngũ giáo viên.

Bên cạnh đó, trong quá trình dạy học, giáo viên giữ vai trò chủ đạo, là chủ thể của hoạt động dạy. Họ là người thực hiện chương trình, tổ chức, điều khiển hoạt động học của người học. Họ quyết định trực tiếp chất lượng dạy học. Các yếu tố khác của hoạt động dạy như mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học... có phát huy được hay không phụ thuộc rất nhiều vào người giáo viên. Phương pháp dạy học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của hoạt động dạy học. Thành công của công tác GDKNS cho học sinh tiểu học phụ thuộc lớn vào các phương pháp của giáo viên. Kết quả điều tra thực trạng cũng chỉ ra rằng, hầu hết học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị đã có những biểu hiện cơ bản của các KNS, chứng tỏ các em bước đầu đã dần hình thành các KNS phù hợp. Tuy nhiên, mức độ biểu hiện không đồng đều, các biểu hiện đòi hỏi khả năng khái quát, tính phức tạp cao thì các em chưa đáp ứng được. Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác GDKNS cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị, nhưng nguyên nhân lớn nhất là “Giáo viên ít có cơ hội tham gia các lớp tập huấn về GDKNS cho học sinh tiểu học”. Điều này cho thấy, việc giúp giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực trong tổ chức GDKNS cho học sinh là một biện pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu quả của công tác này.

3.2. Nội dung

* Bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng sống cho giáo viên tiểu học:

Các KNS cần được nâng cao cho giáo viên tiểu học cần tập trung vào hướng mà đề tài tiếp cận, đó là những kỹ năng cảm xúc - xã hội và các kỹ năng tự bảo vệ bản thân.

* Bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cho giáo viên trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

Bồi dưỡng cho giáo viên có hiểu biết sâu sắc về phương pháp GDKNS, đặc biệt là những phương pháp tích cực đặc trưng cho GDKNS cho học sinh tiểu học như: Làm mẫu, làm gương cho trẻ; giao nhiệm vụ trong lớp học; đóng vai các tình huống xã hội; hoạt động nhóm nhỏ và nhóm lớn; kể chuyện trong lớp...

Hướng dẫn giáo viên cách tiến hành các phương pháp dạy học tích cực và việc phối hợp các phương pháp như thế nào để đạt hiệu quả cao.

3.3. Tổ chức thực hiện

Để thực hiện công tác bồi dưỡng kiến thức về KNS cho giáo viên, các chủ thể quản lý có thể mời chuyên gia tập huấn KNS cho giáo viên. Đồng thời, tạo môi trường thân thiện, hợp tác để giáo viên rèn luyện KNS. Ngoài ra, Ban Giám hiệu các trường tiểu học cũng cần động viên, khích lệ giáo viên rèn luyện KNS.

Để thực hiện công tác bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cho giáo viên trong tổ chức GDKNS cho học sinh tiểu học, các trường tiểu học cần tổ chức và tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên được tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về phương pháp GDKNS. Nhà trường phải có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giáo viên; khuyến khích và tạo điều kiện để các giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực; cải thiện phương tiện kỹ thuật dạy học để hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học. Ngoài ra, các trường cần lập diễn đàn về đổi mới phương pháp dạy học trên trang web của trường, tạo điều kiện để các giáo viên trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm về giảng dạy và đổi mới phương pháp dạy học. Bên cạnh đó, các trường cũng cần thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn để góp ý, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp dạy học và hỗ trợ, giúp đỡ nhau giải quyết các khó khăn.

4. Biện pháp 4: Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý giáo dục, các cơ quan chuyên môn, gia đình và nhà trường trong việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

4.1. Mục đích, ý nghĩa

GDKNS cho học sinh là một quá trình khó khăn, phức tạp, lâu dài, nhất là đối với học sinh tiểu học, tri giác của các em mang tính đại thể, ít đi vào chi tiết và mang tính không ổn định. Đòi hỏi nhà trường, gia đình và xã hội phối hợp thường xuyên và chặt chẽ để tạo nên sức mạnh tổng hợp, tạo nên sự thống nhất và liên tục tránh tách rời nhau, mâu thuẫn, vô hiệu hóa lẫn nhau. Phối hợp tốt có thể giúp giáo viên hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu của các em, hoàn cảnh gia đình của từng em... Qua đó giáo viên sẽ biết được những KNS mà học sinh đã đạt được cũng như những KNS các em còn thiếu, từ đó lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp. Trong việc xây dựng kế hoạch GDKNS cho học sinh tiểu học, việc tìm hiểu những thông tin này từ gia đình có ý nghĩa thiết thực, giúp giáo viên có thể đề ra các mục tiêu phù hợp, lựa chọn các biện pháp khả thi để thực hiện.

Kết quả khảo sát thực trạng ở chương 2 cũng cho thấy, hình thức “Thông qua phối hợp với phụ huynh học sinh” có ĐTB đứng thứ 7/8 các hình thức GDKNS ở các trường tiểu học tỉnh Quảng Trị. Chứng tỏ hình thức “Thông qua phối hợp với phụ huynh học sinh” chưa được chú trọng, chưa tương xứng với vai trò của nó. Thực tế việc phối hợp để GDKNS cho học sinh tiểu học giữa nhà trường với tập thể phụ huynh học sinh chưa nhiều, thường diễn ra theo định kỳ mỗi năm 3 lần (đầu năm, kết thúc học kỳ I và học kỳ II); giáo viên chỉ liên lạc với phụ huynh một số học sinh cá biệt để thông báo tình hình và cùng phối hợp giáo dục. Bên cạnh đó, không ít giáo viên còn cho rằng “GDKNS cho học sinh là trách nhiệm chính của gia đình” nên việc

GDKNS cho học sinh chưa được thực hiện một cách bài bản, thường xuyên.

4.2. Nội dung

Nhà trường và gia đình cần thống nhất trong các vấn đề: đề xuất các mục tiêu, nội dung GDKNS; phương pháp, cách thức rèn luyện GDKNS; sự gương mẫu của người lớn trong việc GDKNS trong cuộc sống.

4.3. Tổ chức thực hiện

* Nhà trường

Nhà trường đóng vai trò chủ đạo trong tổ chức hoạt động giáo dục và tập hợp, lôi cuốn gia đình cùng tham gia vào quá trình GDKNS cho học sinh tiểu học. Trong các phiên họp lớn hoặc các đại hội công nhân viên chức, nhà trường cần mời phụ huynh tham gia để họ thấy rõ chủ trương, quan điểm của nhà trường trong việc GDKNS cho học sinh và sự cần thiết phải thống nhất giữa các lực lượng trong việc giáo dục. Cần có sự cam kết giữa các bên trong việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

Nhà trường cũng cần nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm và tầm quan trọng của việc GDKNS cho học sinh cho toàn thể cán bộ, giáo viên nhà trường trong các buổi họp giao ban trong tuần, trong tháng.

Nhà trường, thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp, phổ biến cho phụ huynh mục tiêu, nội dung và phương pháp GDKNS cho học sinh; tổ chức cho phụ huynh tham gia vào các hoạt động giáo dục học sinh của nhà trường nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng giáo dục cho họ.

Giáo viên xây dựng kế hoạch tuyên truyền trong các góc tuyên truyền hoặc trên các bảng hiệu. Bên cạnh đó, các giáo viên thường xuyên liên lạc với phụ huynh để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc của cha mẹ học sinh trong quá trình tổ chức hoạt động GDKNS. Qua đó giáo viên nắm bắt được nhận thức, và tinh thần

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

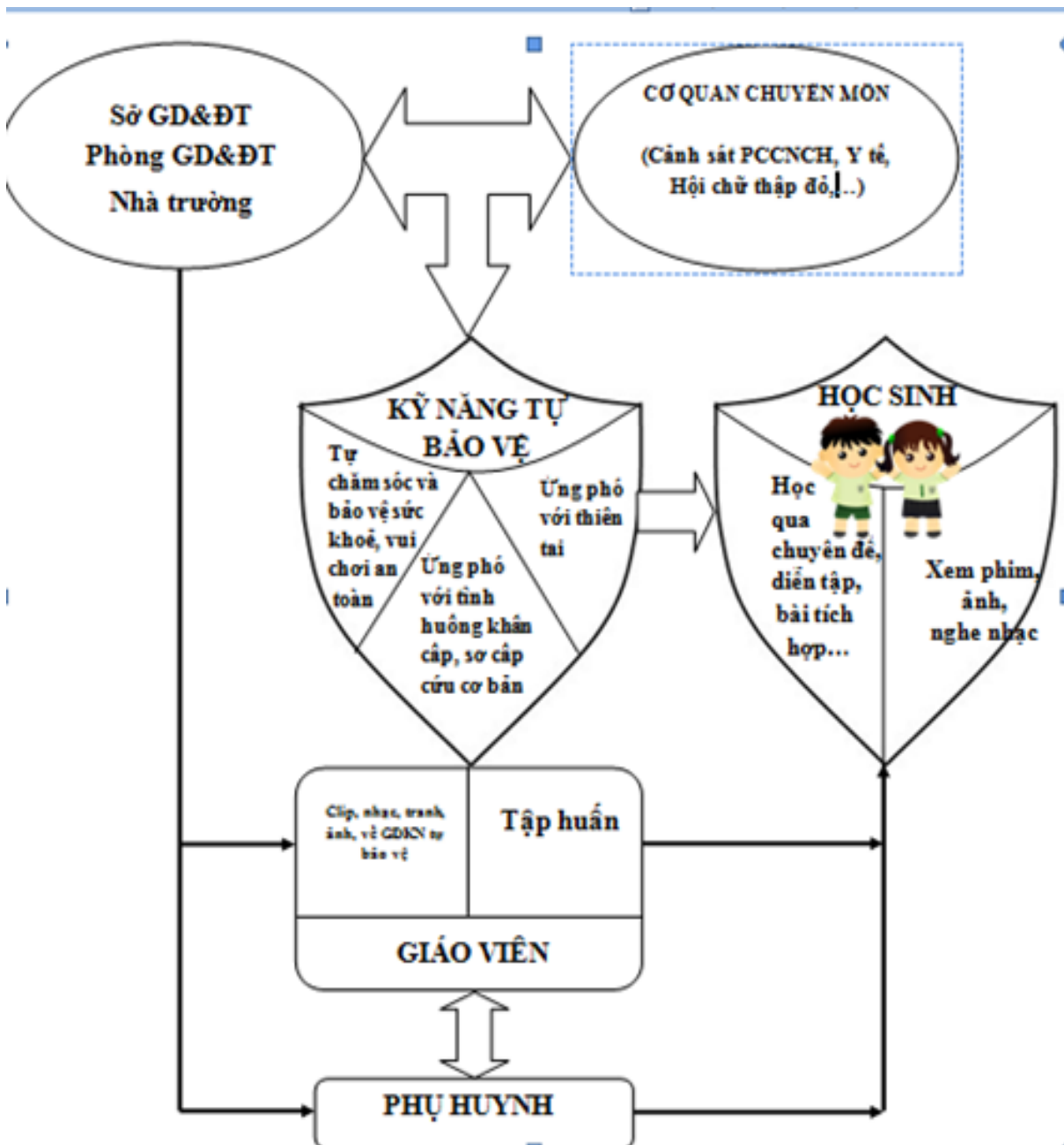
của cha mẹ học sinh nhằm phối hợp chặt chẽ với gia đình trong quá trình GDKNS cho trẻ. Ngoài ra, giáo viên cũng cần liên lạc với phụ huynh để thông báo cho phụ huynh biết rõ tình hình ở trường của con em và đồng thời giáo viên cũng nắm bắt được tình hình khi ở nhà của học sinh.

** Gia đình*

Kết hợp chặt chẽ với nhà trường, cho học sinh đi học đầy đủ, đúng giờ.

** Kết hợp các lực lượng trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh*

Nhắc nhở, tạo điều kiện con em thực hành các KNS cần thiết trong sinh hoạt tại gia đình, như một số các kỹ năng cơ bản về tự nhận thức, giao tiếp,... Tạo môi trường tốt nhất, phù hợp với hoạt động GDKNS cho trẻ, quan sát, nhận xét trao đổi với giáo viên về con mình thực hiện KNS ở tại gia đình hoặc khi đi cùng bố mẹ nhằm giúp đỡ con trong quá trình GD-KNS. Thường xuyên chủ động cung cấp



Mô hình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học

thông tin về tình hình sức khỏe, tâm sinh lý của trẻ ở nhà, diễn biến tâm lý, tình cảm của con em mình cho nhà trường, thông qua giáo viên. Đưa ra những nhận xét, đánh giá của gia đình về kết quả thực hiện KNS của con mình cho giáo viên ở lớp, phối kết hợp với giáo viên để điều chỉnh kịp thời khi cần thiết. Bổ sung, hỗ trợ các nguyên vật liệu cho giáo viên làm giáo cụ để thực hiện bài tập nhằm nâng cao chất lượng GDKNS cho trẻ.

Giải thích mô hình:

(1) Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, trường học phối hợp với các chuyên gia thuộc các cơ quan chuyên môn như lực lượng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, Y tế, Hội chữ thập đỏ,... để xây dựng chương trình và bộ tư liệu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh.

(2) Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT, trường học tổ chức tập huấn về chương trình, cách thức thực hiện và cung cấp tài liệu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ (dưới hình thức các clip, nhạc, tranh, ảnh...) cho giáo viên.

(3) Giáo viên (dưới sự chỉ đạo của nhà trường) tổ chức dạy kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh thông qua các kênh:

+ Dạy theo các chủ đề tích hợp, các chuyên đề, cho HS diễn tập;

+ Học sinh vừa chơi vừa học: Sử dụng tivi, máy chiếu để chiếu các đoạn phim, ảnh, nhạc giáo dục kỹ năng (trong bộ tư liệu được cung cấp) cho học sinh xem hàng ngày vào các giờ giải lao, nghỉ trưa (thực hiện trong khoảng thời gian vừa phải, thích hợp và lặp lại mỗi ngày để học sinh tiếp thu dần dần);

+ Kết hợp với phụ huynh để bảo ban thêm cho học sinh khi ở nhà và ngoài xã hội.

Kết quả của quá trình trên là hình thành được các kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh, tạo một “tấm khiên” che chắn, bảo vệ cho học sinh trước các mối nguy hiểm.

Trên cơ sở định nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, đảm bảo tính đồng bộ; các biện pháp GDKNS cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học được xây dựng hướng đến tác động vào các khâu yếu của các thành tố của hoạt động GDKNS ở tỉnh Quảng Trị đã được phát hiện từ thực trạng, đáp ứng mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông mới. Hệ thống bốn (04) biện pháp GDKNS cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị gồm: (1) Xây dựng chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học; (2) Xây dựng quy trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học; (3) Bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng sống, phương pháp dạy học tích cực cho giáo viên trong tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học; và (4) Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

Hệ thống các biện pháp được khảo sát và minh chứng là cấp thiết, khả thi, khoa học và phù hợp với đổi mới giáo dục và thực tiễn địa phương. Kết quả thực nghiệm “Chương trình giáo dục kỹ năng giao tiếp và kỹ năng tự bảo vệ bản thân khi gặp hỏa hoạn cho học sinh tiểu học” như một tiết học độc lập; giáo dục các kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng đồng cảm, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định có trách nhiệm thông qua tích hợp trong môn học Đạo đức để giáo dục cho học sinh lớp trường tiểu học tỉnh Quảng Trị cũng đã cho thấy bước đầu đã đem lại hiệu quả cao trong việc phát triển các KNS cho học sinh tiểu học./.

L.TH - Đ.T.H.V - L.Q.V

KHẢO SÁT KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN CỦA HAI GIỐNG TỎI TÍA BA ĐỒN VÀ TỎI LÝ SƠN VỤ ĐÔNG XUÂN 2018 - 2019 TẠI HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

PHẠM THỊ THÚY HOÀI, TRẦN THỊ HÂN, LÊ TUẤN ANH
Trung tâm Khoa học và công nghệ Quảng Trị
Viện Nghiên cứu Khoa học Miền Trung
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

TÓM TẮT

Đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của hai giống tỏi tía Ba Đồn và tỏi Lý Sơn đã được khảo sát tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Kết quả đã cho thấy: Cả hai giống tỏi đều sinh trưởng và phát triển tốt, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu tại huyện Cam Lộ. Trong đó, giống tỏi tía cho năng suất thực thu tươi là 70,34 tạ/ha cao hơn tỏi Lý Sơn với 50,67 tạ/ha; Năng suất thực thu khô tỏi tía là 50,04 tạ/ha cao hơn tỏi Lý Sơn là 41,49 tạ/ha. Thành công của nghiên cứu mở ra hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng mới cho người nông dân Quảng Trị.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây tỏi (*Allium sativum* L.) thuộc chi Hành (*Allium*), họ Alliaceae, bộ Asparagales. Tỏi là những cây rau gia vị được trồng từ thời cổ Hy Lạp và La Mã. Con người biết đến tỏi từ 3000 năm trước

Công nguyên. Tỏi có nguồn gốc vùng Tây Bắc Á và Trung Á (Grubben và Denton, 2004). Theo những báo cáo của Ai Cập cổ đại, những người công nhân xây dựng Kim Tự Tháp dùng tỏi trong bữa ăn hàng ngày. Tại Châu Âu, tỏi đã được xem là gia vị phổ biến từ những

ngày của Đế quốc La Mã và nó đã được sử dụng rộng rãi từ Ấn Độ đến Đông Á. Công dụng của tỏi cho thấy tỏi là chất kháng khuẩn và sát khuẩn. Tỏi điều hòa hệ sinh vật của ruột, là thuốc trị giun, đặc biệt là giun kim, tỏi là chất kích thích cơ thể và điều hòa các chức năng chủ yếu như rối loạn gan và các tuyến nội tiết... Tỏi còn là thuốc chữa bệnh đái đường, phòng ngừa ung thư, giúp chống những bệnh như đau màng óc, bệnh xơ cứng động mạch, huyết áp cao...

Tỏi là cây trồng đã gắn bó rất lâu đời với người dân Việt Nam, đã được trồng ở nhiều vùng trong cả nước. Ở Việt Nam, tỏi được trồng rất lâu đời tại các tỉnh Quảng Ngãi, Hải Dương, Ninh Thuận, Vĩnh Phúc...

Tỏi là cây ưa nhiệt độ mát và là cây chịu lạnh. Nhiệt độ cần thiết để cây sinh trưởng và phát triển là 18 - 20°C để tạo củ cần nhiệt độ 20 - 22°C, độ pH thích hợp từ 6 - 6,5. Loại đất thích hợp là thịt nhẹ, tơi xốp, giàu mùn. Thường trồng bằng cách tách các nhánh từ hành. Cần thời tiết nóng và ngày dài mới hình thành củ; trời mát và ngày ngắn thì đâm mầm, ra lá mạnh hơn. Lúc cây ra rễ cần ẩm, khi củ đã to lại cần khô ráo. Ưa đất phì nhiêu nhiều chất hữu cơ; đặc biệt đất hơi kiềm.

Đã có một số nghiên cứu về cây tỏi ở Việt Nam như nghiên cứu phục tráng giống tỏi ở Lý Sơn năm 2013 của Hồ Huy Cường - Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ; Kỹ thuật sau thu hoạch nông sản năm 2013 của các tác giả Nguyễn Minh Thủy, Dương Thị Phượng Liên, Nhan Minh Trí, Nguyễn Chí Linh. Trồng thử nghiệm thành công mô hình Tỏi tía OCOP tại xã Hải Tiến thành phố Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh năm 2016;

Việc lựa chọn tiến hành đánh giá khả năng sinh trưởng và phát triển của tỏi ta ở tỉnh Quảng Trị với nhiều đặc điểm đa

dạng về đất đai và khí hậu sẽ tạo nhiều thuận lợi cho quá trình so sánh và đánh giá khả năng phát triển tỏi ta tại tỉnh Quảng Trị. Mặt khác, nhu cầu tìm kiếm một giống cây trồng lương thực mới ở tỉnh là cấp thiết trong bối cảnh biến đổi khí hậu, việc lựa chọn các vùng đất và trồng tỏi ta ngay trong giai đoạn nghiên cứu sẽ giúp đẩy nhanh quá trình xem xét và đánh giá việc ứng dụng đưa tỏi ta vào cơ cấu cây trồng của ngành nông nghiệp Quảng Trị. Kết quả nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao, giúp địa phương tìm ra cây trồng mới, phù hợp với điều kiện khí hậu thời tiết, đất nông nghiệp nhiều huyện tại Quảng Trị, có thể trồng thay thế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng một vụ trong năm.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu

- Giống tỏi tía của thị xã Ba Đồn - tỉnh Quảng Bình; giống tỏi Lý Sơn ở huyện đảo Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi.
- Địa điểm: thôn Thượng Viên, Thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- + Kỹ thuật trồng và chăm sóc.
- Thời vụ: tháng 10 - 11 âm lịch (cuối tháng 11 đầu tháng 12 dương lịch).
- Mật độ trồng: 10 - 12 vạn cây/ha (5.000 cây/sào 500 m² tương đương 35kg tỏi giống/ sào), khoảng cách 10x10 cm (hàng x cây). Kỹ thuật trồng: tách các nhánh ra khỏi củ, tránh xây sát. Đặt đứng nhánh tỏi giống theo hàng trên luống, trồng sâu 2/3 nhánh tỏi vào đất, 1/3 nhánh tỏi để lộ trên mặt đất. Sau khi trồng dùng rơm rạ khô, xác thực vật khô phủ một lớp dày 5cm để giữ ẩm và hạn chế cỏ dại mọc.
- Phân bón và phương pháp bón phân: Lượng phân bón cho 1 ha: Phân

hữu cơ: 10 tấn phân hữu cơ vi sinh Sepon - Phân Đạm ure 300kg/ha (16,7kg/sào 500 m²) - Phân Lân Supe: 700kg/ha (35kg/sào 500 m²) - Phân Kaliclorua: 280kg/ha (14kg/sào 500 m²).

- Phân bón: Bón lót : Toàn bộ phân hữu cơ + lân + 1/4 đạm + 1/4 kali. Bón sau khi lên luống và đảo đều với đất trên mặt luống trước khi trồng 1 - 2 ngày. Bón thúc: Thúc lần 1: Sau trồng 30 ngày tưới thúc lần 1: 1/4 đạm + 1/4kali. Thúc lần 2: Sau trồng 60 ngày (cây bắt đầu phình củ) 1/4 đạm + 1/4 kali. Thúc lần 3: Sau khi trồng 80 ngày (giai đoạn củ phát triển): 1/4 đạm + 1/4 kali.

- Chăm sóc: Tưới nước: duy trì độ ẩm đất 70 - 80% cho cây sinh trưởng phát triển tốt. Áp dụng phương pháp

tưới thấm rãnh hoặc tưới phun mưa bề mặt. Sử dụng chế phẩm trừ sâu sinh học để phòng trừ sâu bệnh.

+ Các chỉ tiêu theo dõi: chiều cao cây, số lá/cây các giai đoạn 30, 60, 90, 125 ngày sau trồng; cân trọng lượng củ, năng suất thực thu tươi và năng suất thực thu khô.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đánh giá khả năng sinh trưởng của hai giống tỏi tía Ba Đồn và tỏi Lý Sơn tại Cam Lộ - tỉnh Quảng Trị

Chiều cao cây và số lá của hai giống tỏi tía Ba Đồn và tỏi Lý Sơn trồng vụ đông xuân năm 2018 - 2019 tại Cam Lộ - tỉnh Quảng Trị được thể hiện qua Bảng 1 và Bảng 2.

Bảng 1. Chiều cao (cm) qua các giai đoạn sinh trưởng của hai giống tỏi tại Cam Lộ

(ĐVT: cm)

STT	Giống tỏi	30 NST	60 NST	90 NST	125 NST (thu hoạch)
	Tỏi tía	17,25a±0,36	44,12a±1,10	55,00a±1,25	50,40a±2,25
	Tỏi Lý Sơn	22,07b±0,75	49,20b±1,98	61,60b±1,22	55,45b±1,64
	LSD _{0,05}	0,42	1,55	0,96	2,41
	Cv%	19,20	7,20	7,60	6,90

Các giá trị có ký hiệu chữ giống nhau chỉ ra khác nhau giữa các giá trị này không có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$); Cv (%): hệ số biến động; LSD_{0,05}: So sánh kết quả của các công thức có ý nghĩa thống kê

Giai đoạn 30 ngày sau khi trồng, chiều cao giống tỏi tía sinh trưởng chậm hơn giống tỏi Lý Sơn (17,25 cm so với 22,07 cm). Giai đoạn từ 30 ngày đến khi thu hoạch chiều cao cây của hai giống sinh trưởng tốt và chiều cao tăng đạt tối đa ở giai đoạn 90 ngày sau trồng

lần lượt tỏi tía và tỏi Lý Sơn là 55cm và 61,6cm. Sau giai đoạn 90 ngày chiều cao có tăng lên nhưng không đáng kể và giảm xuống do khô đầu lá ở giai đoạn già hóa của cây tỏi. Chiều cao trung bình giai đoạn thu hoạch 125 ngày sau trồng, tỏi tía 50,4cm và tỏi Lý Sơn 55,45cm.

Bảng 2. Số lá qua các giai đoạn sinh trưởng của giống tím Ba Đồn và Lý Sơn trồng tại Cam Lộ

(ĐVT: lá)

STT	Giống tỏi	30 NST	60 NST	90 NST	125 NST (thu hoạch)
	Tỏi tím	3,96a±0,14	5,27a±0,59	6,18a±0,51	6,80a±0,41
	Tỏi Lý Sơn	4,45b±0,42	5,82a±0,47	6,75b±0,45	7,40b±0,51
	LSD _{0,05}	0,40	0,72	0,30	0,50
	Cv%	2,70	3,70	1,30	2,30

Các giá trị có ký hiệu chữ giống nhau chỉ ra khác nhau giữa các giá trị này không có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$); Cv (%): hệ số biến động; LSD_{0,05}: So sánh kết quả của các công thức có ý nghĩa thống kê

Kết quả Bảng 2 cho thấy, số lá qua các giai đoạn sinh trưởng của giống tím Ba Đồn và Lý Sơn trồng tại Cam Lộ được thể hiện qua bảng 2. Sau 30 ngày trồng, số lá trung bình của giống tỏi tím

Ba Đồn đạt 3,96 lá. Số lá tăng lên cho đến giai đoạn 125 ngày sau trồng (giai đoạn thu hoạch) đạt cao nhất với 6,8 lá của giống tỏi tím và 7,4 lá giống Lý Sơn.



Hình A



Hình B

Hình 1. Giống tỏi tím Ba Đồn (A) và giống tỏi Lý Sơn (B) trồng tại Cam Lộ Quảng Trị

3.2. Năng suất tỏi tía Ba Đồn và tỏi Lý Sơn trồng tại Cam Lộ vụ Đông Xuân 2018 - 2019**Bảng 3. Năng suất tỏi tía và tỏi Lý Sơn trồng tại Cam Lộ**

STT	Giống tỏi	Số củ/kg	NS thực thu tươi (tạ/ha)	NS thực thu khô (tạ/ha)
	Tỏi tía	102a±3,54	70,34a±1,73	55,04a±3,16
	Tỏi Lý Sơn	140b±4,90	50,67b±1,97	41,49b±1,79
	LSD _{0,05}	9,27	2,86	4,71
	Cv%	2,20	1,40	2,80

Các giá trị có ký hiệu chữ giống nhau chỉ ra khác nhau giữa các giá trị này không có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$); Cv (%): hệ số biến động; LSD_{0,05}: So sánh kết quả của các công thức có ý nghĩa thống kê

Kết quả về các chỉ số năng suất sau vụ trồng thử nghiệm đầu tiên tại huyện Cam Lộ cho thấy số củ trên 01 kilogram tỏi của giống tỏi tía là 102 củ và giống tỏi Lý Sơn là 140 củ. Số củ khác biệt thể phụ thuộc vào đặc tính sinh vật học của mỗi giống. Giống tỏi tía có kích thước lớn hơn khá nhiều so với củ tỏi Lý Sơn. Năng suất thực thu tươi thu được

trên giống tỏi tía là 70,34 tạ/ha cao hơn tỏi Lý Sơn với 50,67 tạ/ha; Năng suất thực thu khô tỏi tía là 50,04 tạ/ha cao hơn tỏi Lý Sơn là 41,49 tạ/ha. Với mức giá thấp nhất thì tỏi Tía Ba Đồn - Quảng Bình bình quân 60.000 đ/kg; tỏi Lý Sơn 80.000 đ/kg thì lãi thuần thu được từ giống tỏi tía là 330.240.000 đ/ha và tỏi Lý Sơn 331.920.000 đ/ha.

**Hình 2. Tỏi sau thu hoạch và cân trọng lượng tỏi sau thu hoạch**

Bảng 4. Tổng chi phí cho 1 ha trồng tỏi

STT	Giống tỏi	Số củ/kg	NS thực thu tươi (tạ/ha)	NS thực thu khô (tạ/ha)
1	Giống tỏi	700 kg	140	98.000
2	Phân hữu cơ vi sinh Sepon	10 tấn	2.750	27.500
3	Phân đạm urê	300kg	10	3.000
4	Supe Lân	700kg	4	2.800
5	Kaliclorua	280kg	10	2.800
6	Chế phẩm sinh học trừ sâu bệnh	Tự pha chế	5.000	5.000
7	Công lao động	280 công	200	56.000
Tổng chi phí				195.100

Bảng 4 cho thấy tổng chi phí giống, phân bón, chế phẩm trừ sâu sinh học và công lao động là 195.100.000 đ/ha. Thu nhập sau chi phí của mô hình trồng tỏi tía Ba Đồn là 135.140.000 đ/ha và tỏi Lý Sơn là 136.820.000 đ/ha. Như vậy, hai giống tỏi tía Ba Đồn và tỏi Lý Sơn cho hiệu quả kinh tế tương đương nhau. Lựa chọn giống trồng theo nhu cầu của thị trường để đưa vào phát triển sản xuất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Hai giống tỏi tía Ba Đồn và tỏi Lý Sơn đều sinh trưởng và phát triển tốt, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu tại huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị. Chiều cao tăng đạt tối đa ở giai đoạn 90 ngày sau trồng lần lượt tỏi tía và tỏi Lý Sơn là 55cm và 61,6cm. Số lá giai đoạn 125 ngày sau trồng đạt cao nhất với 6,8 lá của giống tỏi tía và 7,4 lá giống Lý Sơn. Số củ/kg tỏi Tía Ba Đồn là 102 củ, tỏi Lý Sơn là 140 củ. Năng suất thực thu tươi tỏi tía là 70,34tạ/ha cao hơn tỏi Lý Sơn với 50,67tạ/ha; Năng suất thực thu khô tỏi tía là 50,04 tạ/ha cao hơn tỏi Lý Sơn là 41,49 tạ/ha. Hiệu quả kinh tế thu được từ sản xuất hai giống tỏi đều trên 135 triệu đồng/ ha.

Kiến nghị

Việc nghiên cứu, phát triển và nhân rộng mô hình trồng tỏi không những cung cấp nguồn cây dược liệu, cây gia vị tốt, chất lượng cho địa phương mà còn tạo ra thu nhập cao cho bà con nông dân trong thời điểm tỏi tía và tỏi Lý Sơn đang có thị trường tốt, giá thành cao. Để đưa cây tỏi vào hệ thống cơ cấu cây trồng của địa phương, cần có sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp, ngành liên quan thông qua các chương trình, dự án đầu tư để phát triển, nhân rộng các mô hình tỏi trên nhiều thành phần cơ giới đất khác nhau và ứng dụng biện pháp canh tác an toàn, mang lại sản phẩm chất lượng, hiệu quả kinh tế cao./.

P.T.T.H - T.T.H - L.T.A



GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NÔNG SẢN TẠI QUẢNG TRỊ

LÊ THỊ NGỌC DIỆP

Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Quảng Trị

Hiện nay, phong trào sản xuất thực phẩm ngày càng được chú trọng mở rộng, nhiều mô hình sản xuất thực phẩm áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, global GAP, sản xuất theo phương pháp hữu cơ, các mô hình sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm... cung cấp nhiều số lượng và chủng loại sản phẩm cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, khi sản phẩm được đưa ra tiêu thụ trên thị trường vẫn chưa tạo được nhiều niềm tin cho khách hàng do hiện nay sản phẩm sạch và sản phẩm không sạch chưa có sự phân biệt rõ ràng, đặc biệt là sản phẩm nông lâm thủy sản không có bao gói hoàn chỉnh.

Trong thời đại công nghệ thông tin ngày càng phát triển, người tiêu dùng ngày càng thông minh hơn, họ cần có sự minh bạch hơn về quy trình, nguồn gốc sản phẩm, tức họ cần có thông tin tại tất cả các khâu trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, để biết đơn vị cung cấp sản phẩm có nỗ lực tối đa trong vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm hay không; sản phẩm có được kiểm soát chất lượng một cách nghiêm túc trong toàn bộ chuỗi cung ứng hay không? Hơn thế nữa, hiện nay các mặt hàng nông sản xuất khẩu kể cả xuất khẩu sang Trung Quốc đều phải dán tem truy xuất nguồn gốc lên sản phẩm. Vì vậy, thời gian qua, nhiều địa phương trong cả nước đã đặc biệt quan

tâm, triển khai nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm trong đó giải pháp truy xuất nguồn gốc thực phẩm điện tử được xem là một trong những giải pháp được các đơn vị quản lý nhà nước quan tâm chỉ đạo, được người sản xuất áp dụng và được người tiêu dùng hào hứng đón nhận.

Tại tỉnh Quảng Trị, một số cơ sở sản xuất đã chú trọng thực hiện truy xuất sản phẩm của cơ sở bằng mã QR code như sản phẩm Dưa hấu Vĩnh Tú, Trứng gà Tứ Hải, Dưa lưới Trường Sơn... qua đó giúp người tiêu dùng nhận biết được sản phẩm, nâng cao độ tin cậy cho người tiêu dùng khi mua sản phẩm vì biết chắc

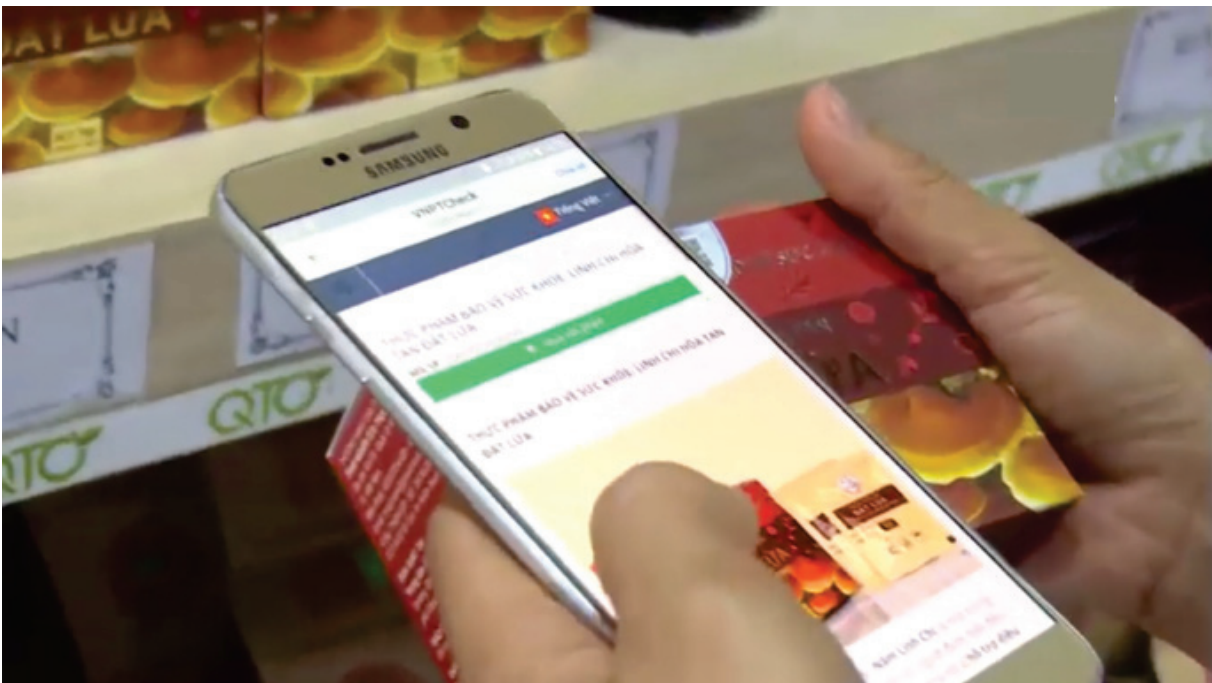
rằng sản phẩm đó là của đơn vị sản xuất tại địa bàn tỉnh Quảng Trị nên khá yên tâm về chất lượng.

Tuy nhiên, để nghiên cứu sâu hơn về nội dung trong tem truy xuất sản phẩm thì các thông tin trên tem truy xuất của tất cả sản phẩm cùng loại đều thể hiện như nhau trên tem truy xuất, các nội dung truy xuất chỉ mới thể hiện những thông tin về cơ sở sản xuất, những thông tin chung về sản phẩm của cơ sở, hồ sơ chứng nhận chung của cơ quan chức năng; Những thông tin này chỉ giúp cho người tiêu dùng biết rằng những sản phẩm này là do chính cơ sở sản xuất, còn những thông tin như truy xuất từng sản phẩm,

mà mình sản xuất tại thời điểm nào, lô sản phẩm nào, quy trình sản xuất sản phẩm đó như thế nào, ai trực tiếp nuôi trồng, chế biến... Để phát huy hiệu quả tem truy xuất điện tử, chúng ta cần hiểu đúng bản chất về truy xuất nguồn gốc, truy xuất nguồn gốc điện tử nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao để giúp cho người sản xuất chân chính minh bạch thông tin vừa đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

Vậy Truy xuất nguồn gốc là gì?

Truy xuất nguồn gốc sản phẩm là khả năng theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình sản xuất, chế biến và phân phối . Theo đó, cơ sở sản xuất



Khách hàng truy xuất nguồn gốc sản phẩm Linh chi hòa tan Đất lửa. Ảnh: Tư liệu.

lô sản phẩm, về quy trình sản xuất của lô sản phẩm... vẫn chưa được thể hiện trên tem truy xuất vì vậy những thông tin trên tem truy xuất như thế vẫn chưa phát huy hết tác dụng của nó, vẫn chưa minh bạch thông tin sản xuất, quy trình sản xuất cho người tiêu dùng biết và đặc biệt những tem truy xuất này vẫn chưa giúp cơ sở sản xuất truy xuất đúng sản phẩm

kinh doanh thực phẩm phải thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc theo nguyên tắc một bước trước - một bước sau để bảo đảm khả năng nhận diện, truy tìm một đơn vị sản phẩm tại các công đoạn xác định của quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm; sản phẩm sau mỗi công đoạn phải được dán nhãn hoặc được định dạng bằng một phương thức thích hợp để dễ dàng truy xuất nguồn gốc.

Thiết lập hồ sơ Truy xuất nguồn gốc sản phẩm không chỉ là sự tự nguyện của cơ sở sản xuất, kinh doanh mà còn là yêu cầu bắt buộc đối với người sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH 10 ngày 11/7/2010 nhằm mục đích truy xuất khi sản phẩm vi phạm an toàn thực phẩm, có hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm sẽ nhận diện một cách dễ dàng và nhanh chóng để biết sản phẩm vi phạm an toàn thực phẩm ở khâu nào; mặt khác giúp cơ sở sản xuất, kinh doanh minh bạch thông tin về sản phẩm và quá trình sản xuất, chế biến nhằm tạo lòng tin cho người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm

Để thông tin cho người tiêu dùng biết được nguồn gốc sản phẩm, quy trình sản xuất như thế nào, hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở áp dụng theo tiêu chuẩn nào, cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát như thế nào..., nhằm tạo sự minh bạch thông tin của sản phẩm; Để đáp ứng các điều kiện đó, cơ sở sản xuất có thể sử dụng hệ thống xác thực nguồn gốc (Mã QR có thể gọi đây là truy xuất nguồn gốc điện tử). Áp dụng hệ thống xác thực nguồn gốc được xem là giải pháp tối ưu để giúp minh bạch thông tin của trong quá trình sản xuất, tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Truy xuất nguồn gốc điện tử là gì?

Truy xuất nguồn gốc điện tử là phương pháp thông tin hiện đại để người tiêu dùng có thể hiểu rõ hơn xuất xứ và chất lượng sản phẩm. Khi người tiêu dùng sử dụng smartphone quét tem truy xuất, mọi thông tin cần biết về sản phẩm sẽ được hiển thị, người tiêu dùng trực tiếp thu thập đầy đủ thông tin về món hàng đã mua, truy ngược dòng từ thành phẩm cuối cùng về nơi sản xuất ban đầu, rà soát từng công đoạn trong chế biến và phân phối. Vì vậy mỗi sản phẩm có một mã nhận diện khác nhau và được thể hiện trên tem truy xuất.

Việc truy xuất nguồn gốc điện tử có hiệu quả cao đối với sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản, đặc biệt rau, quả, thịt, thủy sản tươi sống phần lớn chưa có nhãn, mác, thiếu dấu hiệu nhận diện và thông tin về nguồn gốc xuất xứ. Vì vậy khi những sản phẩm này được gắn tem truy xuất điện tử sẽ tạo niềm tin rất cao cho người tiêu dùng, sẽ khắc phục được hạn chế thực phẩm sạch, bản lẫn lộn mà hiện tại chưa có biện pháp hiệu quả để phân biệt; tạo động lực lớn cho người xuất thực phẩm sạch, thực phẩm an toàn, giúp cơ sở sản xuất bảo vệ thương hiệu, quản lý lưu thông hàng hoá, đồng thời người tiêu dùng thông thái biết rõ hơn về những sản phẩm, hàng hóa mà mình mua sắm từ đó an tâm trong quá trình tiêu dùng.

Để truy xuất nguồn gốc điện tử có hiệu quả trước hết người sản xuất phải thiết lập hồ sơ truy xuất sản phẩm tại cơ sở mình lưu trong sổ sách hoặc máy vi tính về quá trình sản xuất nhằm để truy xuất nguồn gốc sản phẩm khi cần thiết, đồng thời cập nhật vào hệ thống điện tử để người tiêu dùng truy xuất thông qua tem truy xuất khi cần.

Để lập hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm cơ sở sản xuất cần thực hiện theo quy trình cụ thể như sau:

- Lưu hồ sơ mua nguyên liệu:

Khi mua nguyên liệu, bán thành phẩm, hoặc thành phẩm của một đơn vị khác để đưa vào sản xuất cần phải cập nhật đầy đủ thông tin về chủng loại sản phẩm, khối lượng bao nhiêu, mua của đơn vị nào, mua ở thời điểm nào vào sổ ghi chép hoặc phần mềm quản lý sản xuất của cơ sở khi cần là có thể truy xuất. Đồng thời lưu giữ hoá đơn mua hàng, hồ sơ công bố chất lượng của đơn vị đã bán hàng.

- Lưu hồ sơ các công đoạn sản xuất: Mỗi công đoạn sản xuất đều phải ghi chép diễn biến quá trình sản xuất, ai

thực hiện, sử dụng nguyên liệu như thế nào, loại phụ gia gì (nếu có), khối lượng sản xuất từng lô sản phẩm...

(Đối với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu ví dụ cơ sở trồng trọt: cần ghi chép đầy đủ thông tin diện tích gieo trồng bao nhiêu, ngày gieo trồng, ngày bón phân, loại phân gì, liều lượng bao nhiêu; sử dụng thuốc trừ cỏ, thuốc trừ sâu bệnh loại gì, liều lượng bao nhiêu, thời điểm phun thuốc, thời gian cách ly ghi trên nhãn mác của nhà sản xuất đối với loại thuốc bảo vệ thực vật phun lần cuối, thời gian thu hoạch sản phẩm, sản lượng bao nhiêu...).

Lưu hồ sơ tiêu thụ sản phẩm: Khi bán sản phẩm phải ghi đầy đủ thông tin khách hàng mua sản phẩm, khối lượng bao nhiêu, thời điểm mua sản phẩm vào hồ sơ nhằm truy xuất sản phẩm khi cần.

Tất cả hồ sơ truy xuất nguồn gốc được lưu giữ tại cơ sở sản xuất, kinh doanh trong vòng 1 năm để phục vụ cho mục đích truy xuất nguồn gốc sản phẩm khi có sự cố vi phạm an toàn thực phẩm xảy ra và cung cấp cho cơ quan kiểm tra, thanh tra khi thực hiện kiểm tra tại cơ sở.

Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm của cơ sở sản xuất cần được cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc điện tử để cập nhật vào tem truy xuất cung cấp cho người tiêu dùng thông qua sử dụng điện thoại thông minh để quét tem truy xuất trên bao bì sản phẩm.

Vì vậy, để tem truy xuất phát huy hết tác dụng của nó, cơ sở sản xuất cần thiết lập hồ sơ truy xuất sản phẩm đầy đủ, đơn vị cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc điện tử cập nhật đầy đủ thông tin về quá trình sản xuất để cung cấp cho người tiêu dùng nhằm minh bạch thông tin về sản phẩm đáp ứng quyền lợi thiết thực cho người tiêu dùng.

Các giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Các cơ quan chức năng và truyền thông cần tuyên truyền hơn nữa để các đơn vị sản xuất thấy được hiệu quả của việc sử dụng biện pháp truy xuất nguồn gốc điện tử; Tuyên truyền để người tiêu dùng chú trọng sử dụng thực phẩm sạch, thực phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm, ủng hộ thực phẩm có tem truy xuất sản phẩm.

Chú trọng hướng dẫn để các cơ sở sản xuất làm quen với việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm nói chung và truy xuất nguồn gốc điện tử nói riêng. Đặc biệt, các cấp chính quyền cần có chính sách hỗ trợ để các cơ sở sản xuất áp dụng tem truy xuất nguồn gốc tạo nên phong trào sử dụng tem truy xuất cho sản phẩm khi đưa ra thị trường hạn chế hàng giả, hàng nhái, bảo vệ thương hiệu cho các cơ sở sản xuất chân chính.

Các đơn vị cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc điện tử cần hướng dẫn cơ sở sản xuất cập nhật đầy đủ thông tin đặc biệt chú trọng thông tin về quá trình sản xuất, lô sản phẩm, các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm... nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho người tiêu dùng thông qua truy xuất nguồn gốc điện tử.

Các đơn vị sản xuất cần thiết lập đầy đủ hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm để phục vụ cho việc cập nhật vào hệ thống truy xuất điện tử nhằm minh bạch quá trình sản xuất cho người tiêu dùng. Quản lý chặt chẽ tem truy xuất và trực tiếp dán tem truy xuất vào sản phẩm của mình tránh trường hợp cung cấp tem truy xuất để đơn vị kinh doanh tự dán.

Lực lượng thanh tra chuyên ngành cần chú trọng thanh tra, kiểm tra việc sử dụng tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm để bảo vệ người sản xuất chân chính, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao thương hiệu sản phẩm Việt Nam nói chung, sản phẩm Quảng Trị nói riêng./.

L.T.N.D

QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU TRONG THỜI ĐẠI CMCN 4.0 TỪ GÓC ĐỘ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

HÀ NGUYỆT THU

Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN

Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), quản trị hiệu quả thương hiệu là một trong những nội dung quan trọng để góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín cho doanh nghiệp, từ đó góp phần tạo ra danh tiếng, giá trị cho cả nền kinh tế. Việc quản trị thương hiệu (QTTH) đòi hỏi sự am hiểu thấu đáo các kiến thức kinh doanh cùng với các kiến thức về quản trị tài sản trí tuệ. Thực tế cho thấy, đã có một bộ phận đáng kể các doanh nghiệp ý thức được vai trò và tầm quan trọng của việc QTTH trong quá trình xây dựng, phát triển hoạt động kinh doanh nhưng không phải tất cả đều đã nắm chắc các yếu tố cũng như vai trò của các yếu tố cấu thành thương hiệu trong hoạt động quản trị. Trong phạm vi bài viết, từ góc độ sở hữu trí tuệ (SHTT) tác giả phân tích những tác động của CMCN 4.0 tới hoạt động QTTH, trên cơ sở đó đưa ra một số lưu ý cho các doanh nghiệp khi thực hiện việc QTTH trong bối cảnh CMCN 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ.

Thương hiệu không chỉ là tên gọi nhưng thương hiệu không thể thiếu tên gọi

Hiện nay trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong quảng cáo, tiếp thị..., khi nói đến một doanh nghiệp, sản phẩm hoặc dịch vụ có uy tín, chất lượng, người ta hay sử dụng những cụm từ như “thương hiệu đẳng cấp”, “thương hiệu đắt giá”, “sức mạnh thương hiệu”... Trên thực tế thuật ngữ “thương hiệu” được sử dụng phổ biến và nhiều người nhầm lẫn hoặc thậm chí coi thương hiệu chính là tên gọi của sản phẩm, dịch vụ hay một doanh nghiệp.

Vậy thương hiệu là gì? Chúng ta không thể tìm thấy thuật ngữ thương hiệu trong bất kỳ văn bản pháp luật nào của Việt Nam. Thương hiệu không phải là một thuật ngữ pháp lý. Theo Hiệp hội marketing Mỹ (AMA), một thương hiệu (a brand) là “một tên gọi, thuật ngữ, dấu hiệu, biểu tượng hoặc kiểu dáng, hoặc sự kết hợp của chúng dự định dùng để nhận biết hàng hoá và dịch vụ của một người bán hoặc một nhóm người bán và để phân biệt với các hàng hoá, dịch vụ của những người bán hàng khác”. Có thể thấy, thuật ngữ thương hiệu đang được sử dụng tạo thành từ 2 yếu tố:

yếu tố có thể nhìn thấy được có thể là tên gọi, kiểu dáng sản phẩm, slogan...; yếu tố trừu tượng chính là cảm nhận của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ, phong cách, uy tín của doanh nghiệp... những thứ mà thông qua đó khách hàng phân biệt sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp này với những doanh nghiệp khác. Tên gọi của sản phẩm/dịch vụ chính là nhãn hiệu - một tài sản trí tuệ được pháp luật bảo vệ. Do đó, thương hiệu trong phạm vi nào đó có thể là nhãn hiệu hoặc chứa nhãn hiệu nhưng nhãn hiệu không đồng nghĩa với thương hiệu.

Để dễ hình dung chúng ta có thể sử dụng hình ảnh tảng băng chìm khi nói về thương hiệu. Phần nổi chính là phần chúng ta có thể nhìn thấy được, gọi tên được như nhãn hiệu, hình dáng của sản phẩm, khẩu hiệu kinh doanh của doanh nghiệp..., còn phần chìm chính là cảm nhận của khách hàng về doanh nghiệp/sản phẩm đó mà cảm nhận này khác nhau ở mỗi người.

Khi một doanh nghiệp bắt đầu khởi sự kinh doanh hoặc tung ra một sản

phẩm mới trên thị trường, giữa vô vàn các sản phẩm, dịch vụ của các chủ thể kinh doanh khác nhau, để thu hút khách hàng họ phải sử dụng một dấu hiệu nào đó có thể là tên gọi, hình ảnh hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó để “gây thương nhớ” cho khách hàng. Dấu hiệu đó được pháp luật bảo hộ dưới danh nghĩa một đối tượng của quyền SHTT là nhãn hiệu. Dần dần, cùng với quá trình kinh doanh, dấu ấn về tên gọi đó đậm dần trong tâm trí người tiêu dùng cùng với những trải nghiệm của họ về sản phẩm/dịch vụ. Lúc này, mỗi khi sử dụng tên gọi đó, đi kèm với nhận biết về tên gọi người ta sẽ gắn liền với nó những giá trị cảm nhận được của mình. Không có nhãn hiệu không thể làm nên một thương hiệu, nhưng chỉ có nhãn hiệu cũng không làm nên một thương hiệu. Trong quá trình tạo dựng uy tín, nhãn hiệu chính là điểm mở đầu, thương hiệu là đích đến của một doanh nghiệp hoặc một sản phẩm/dịch vụ. Trong hành trình biến nhãn hiệu thành thương hiệu, các doanh nghiệp cần phải nỗ lực tạo ra các giá trị trừu tượng tích cực cho nhãn hiệu. Đây chính là công việc của những người QTTH. QTTH tốt sẽ khiến khách hàng có trải nghiệm và ấn tượng tốt về thương hiệu, từ đó giá trị thương hiệu sẽ dần được bồi đắp và lớn mạnh.

MINH HỌA CẤU TRÚC THƯƠNG HIỆU



phẩm mới trên thị trường, giữa vô vàn các sản phẩm, dịch vụ của các chủ thể kinh doanh khác nhau, để thu hút khách hàng họ phải sử dụng một dấu hiệu nào đó có thể là tên gọi, hình ảnh hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó để “gây thương

CMCN 4.0 và sự ảnh hưởng tới hoạt động QTTH

Trong thời gian gần đây, thuật ngữ “CMCN 4.0” được nhắc nhiều trên truyền thông và mạng xã hội. Quá trình này đang

diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, tác động rất lớn đến hoạt động, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, các tổ chức và cả chính phủ, trong đó có Việt Nam. Những yếu tố cốt lõi của kỹ thuật số trong CMCN 4.0 sẽ là: trí tuệ nhân tạo (AI), internet kết nối vạn vật (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data)¹.

Trong mối liên quan với lĩnh vực QTTH, nói một cách ngắn gọn CMCN 4.0 có thể sẽ khiến cho các nhà QTTH phải thay đổi cách thức tạo dựng, truyền thông thương hiệu, cách thức bảo vệ thương hiệu và quan trọng hơn cả là phải tính đến khi những yếu tố cốt lõi của kỹ thuật số trong CMCN 4.0 được hoàn thành thì thời gian là yếu tố sống còn đối với hoạt động QTTH.

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, mạng xã hội, đặc biệt khi dữ liệu lớn được hình thành, biên giới quốc gia về thông tin không còn nữa, kết quả sáng tạo, thành quả tạo dựng uy tín của con người nếu không được bảo vệ một cách thích hợp sẽ rất dễ bị người khác lấy mất, thậm chí ngay cả khi chủ sở hữu nó còn chưa kịp nghĩ đến việc bảo vệ tài sản của mình. Nếu không thực hiện việc QTTH tốt, doanh nghiệp sẽ rất dễ thất bại trên con đường xây dựng thương hiệu, thậm chí ngay từ khi mới bắt đầu.

Hãy thử hình dung trường hợp một công ty thiết kế đồ nội thất chuẩn bị ký kết hợp đồng với một đối tác lớn ở nước ngoài, khi thời gian có được đơn hàng chỉ còn tính từng giờ thì nhận được tin đối tác hủy giao kết vì các sản phẩm đã được công ty khác đưa ra trên thị trường với mẫu mã, tên gọi không khác gì so với những sản phẩm họ dự định đặt hàng. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Hóa ra công ty này đã sơ suất trong việc QTTH dẫn đến tình trạng chính họ đã bộc lộ thông tin về sản phẩm của mình thông qua triển lãm quốc tế nhưng lại quên không bảo vệ mình bằng cách xác lập quyền sở hữu đối với các kết quả sáng tạo đó và tạo dựng

uy tín thông qua hình thức đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, dẫn đến tình trạng bị doanh nghiệp khác “vô tư” sử dụng mà không hề vi phạm pháp luật. Một trường hợp khác tuy không mới nhưng chắc chắn không bao giờ cũ, đó là VietinBank (ngân hàng Việt Nam đầu tiên lọt vào top 300 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới, cụ thể, VietinBank đã xác lập vị trí 242, tăng 68 bậc so với năm 20182). Vietinbank được xếp hạng cao như vậy nhưng đã từng phải ngậm ngùi đổi tên từ Incombank vào năm 2008, chỉ vì tên đó bị trùng với tên một ngân hàng ở nước Nga, và nếu giữ nguyên tên như vậy thì họ không thể thực hiện hoạt động kinh doanh ở Nga được. Rõ ràng ngay từ khi lựa chọn tên gọi để xây dựng thương hiệu cho mình, Vietinbank đã sơ suất chưa ý thức về tính toàn cầu của thương hiệu, dẫn đến hậu quả phải bỏ ra chi phí không chỉ kinh tế mà cả thời gian cho việc xây dựng thương hiệu rồi thay đổi và gây dựng thương hiệu mới cho doanh nghiệp mình..

CMCN 4.0 sẽ mang đến sự thay đổi mạnh mẽ trong cơ cấu nguồn nhân lực, máy móc sẽ đảm nhận nhiều vị trí công việc vốn cần đến khối óc và bàn tay con người. Nhưng liệu trong hoạt động xây dựng thương hiệu, vai trò của con người có hoàn toàn biến mất? Chắc chắn chỗ nào còn cần đến cảm xúc, đến những giá trị mang tính nhân văn thì vị trí của con người là không thể thay thế. Khi xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp, có những việc chỉ có thể thành công với sự tham gia của những con người với tấm lòng nhân ái, biết chia sẻ, vì cộng đồng. Chính ở chỗ đó, người QTTH cần phải biết tận dụng những điểm mà máy móc không thể thay thế được con người nhưng có thể giúp con người lan tỏa cái đẹp, từ đó làm lớn mạnh hơn giá trị thương hiệu. Hình ảnh khách hàng nghỉ chân trong siêu thị Aeon Mall ở Hà Nội trong những ngày nắng nóng đầu tháng 5/2019 vừa qua xuất hiện lan tràn trên các trang mạng xã hội, báo điện tử

là hình ảnh minh chứng rõ ràng nhất sự thành công của những người quản lý siêu thị này trong việc QTTH của mình³. Không cần tốn quá nhiều tiền, không cần mất thời gian, với cái tâm của những người quản lý cộng với việc nhờ vào sự phát triển của mạng xã hội, môi trường internet, chắc chắn siêu thị này đã tiến được bước rất dài và vững chắc trên con đường ghi dấu thương hiệu của mình trong lòng khách hàng.

dịch vụ của mình ở thế giới thực thì việc làm thế nào để thu hút người tiêu dùng trong môi trường internet cũng vô cùng quan trọng bởi đặc tính lan truyền chỉ trong chớp mắt và tính phi biên giới. Rất nhiều chủ thể kinh doanh đã sử dụng các website để thông tin về sản phẩm/dịch vụ của mình tới người tiêu dùng. Việc này về mặt kỹ thuật được thực hiện bằng việc các chủ thể kinh doanh đăng ký một địa chỉ trên internet để đưa thông tin của



Hình ảnh người dân vào siêu thị tránh nóng (trái) và được siêu thị cung cấp ghế ngồi (phải).

Không chỉ lan truyền nhanh chóng những thông điệp tốt, “tiếng xấu” của thương hiệu cũng sẽ rất nhanh chóng được công chúng biết đến thông qua mạng xã hội, qua truyền thông. Trong nhiều trường hợp, “tiếng xấu” đến với thương hiệu theo một cách “trên trời rơi xuống” và có nhiều trường hợp không phải là sự thật. Tuy nhiên, mạng internet với đặc tính nổi bật của nó là lan truyền một cách nhanh chóng và không biên giới thì đã khiến cho “tiếng xấu” vang xa. Việc của các nhà QTTH là cần phải khéo léo, kịp thời và có kỹ năng để có thể kiểm soát được thông tin và hạn chế tới mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực của thông tin bất lợi. Dù trong bất kỳ trường hợp nào thì sự cầu thị, chân thành và trung thực luôn được người tiêu dùng và cộng đồng trân trọng và đánh giá cao.

Trong xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, cùng với việc sử dụng nhãn hiệu với tư cách là dấu hiệu phân biệt dẫn dắt người tiêu dùng tìm đến sản phẩm/

minh lên mạng. Địa chỉ này có tên gọi chung là tên miền. Ban đầu người ta lựa chọn tên miền là tên dễ nhớ, dễ nhận biết và thường chọn luôn nhãn hiệu hoặc tên doanh nghiệp của mình làm tên miền để giúp họ định danh trên internet. Cùng với sự phát triển của giao lưu thương mại cũng như xu hướng sử dụng mạng máy tính trên toàn cầu, tên miền ngày nay trở thành một công cụ quan trọng giúp nhận biết sản phẩm/dịch vụ hoặc doanh nghiệp cũng như dẫn dắt người tiêu dùng đến với chúng. “Cũng chính vì sự phát triển lớn mạnh, chức năng nhận diện nguồn gốc thương mại mà tên miền đã xung đột với các quyền SHTT đã tồn tại trước khi có môi trường internet”⁴. Thực tế cho thấy, rất nhiều doanh nghiệp do sơ suất đã bị người khác sử dụng tên gọi hay nói cách khác là tên thương hiệu của mình để đăng ký tên miền cho họ và dẫn đến việc các doanh nghiệp này không thể sử dụng tên thương hiệu của mình để dẫn dắt, thu hút người tiêu dùng trên môi trường số,

thậm chí còn bị mất khách hàng bởi sự dẫn dắt không đúng địa chỉ này.

Thực tế này phản ánh việc doanh nghiệp đã sơ suất hoặc thiếu kiến thức trong việc QTTH trên môi trường internet. Trong nhiều trường hợp doanh nghiệp tưởng rằng với việc là chủ sở hữu nhãn hiệu được pháp luật công nhận họ sẽ có quyền với cả tên miền (địa chỉ định danh trên internet). Đã có rất nhiều nhãn hiệu được biết đến rộng rãi như Samsung-mobile, Visa, IBM, Ebay... bị người khác đăng ký trước tên miền trên internet thay vì chính chủ sở hữu của các nhãn hiệu này.

Việc nhận thức rõ sự khác nhau giữa quyền SHTT và tên miền cũng như vai trò của các đối tượng này trong hoạt động QTTH sẽ góp phần quyết định đến hiệu quả sử dụng các công cụ này phát triển thương hiệu của doanh nghiệp. Để bảo vệ hoạt động kinh doanh lành mạnh, trung thực, Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế đều có quy định về việc xử lý xung đột giữa tên miền và nhãn hiệu, cụ thể tại điểm d, khoản 1, Điều 130 Luật SHTT có quy định: hành vi “đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng” bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, để chứng minh được hành vi cạnh tranh không lành mạnh thì bên cáo buộc xâm phạm phải đưa ra được các bằng chứng về mối quan hệ cạnh tranh, dụng ý xấu của bên bị cáo buộc xâm phạm... Trong nhiều trường hợp không dễ dàng và đơn giản để tìm được các bằng chứng này.

Internet còn khiến cho thương hiệu của doanh nghiệp được biết tới bên ngoài phạm vi ranh giới quốc gia ngay cả khi

sản phẩm hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chưa vươn tới các thị trường đó. Ưu điểm này nếu các doanh nghiệp không ý thức được và QTTH tốt thì có thể lại mang đến những phiền toái, thậm chí là mất mát khó đo đếm. Bản chất của quyền SHTT là tính lãnh thổ tuyệt đối, tức là quyền được xác lập trên lãnh thổ quốc gia nào sẽ chỉ có giá trị tại lãnh thổ quốc gia đó. Nếu muốn nhận được sự bảo hộ tại các quốc gia khác nhau thì cần thiết phải thực hiện các thủ tục xác lập quyền ở các quốc gia tương ứng. Thương hiệu của bạn đã được biết đến ở thị trường nước ngoài thông qua tên gọi (nhãn hiệu), kiểu dáng sản phẩm, chỉ dẫn địa lý... nhưng bạn chưa thực hiện thủ tục để trở thành chủ sở hữu các tài sản này tại quốc gia đó thì có nguy cơ người khác sẽ làm điều đó thay bạn. Trong trường hợp như vậy, hàng hóa của bạn sẽ không có cửa để vào thị trường các quốc gia này, uy tín, danh tiếng bao lâu gây dựng của bạn sẽ bị người khác hưởng hết.

Có thể thấy, CMCN 4.0 có ảnh hưởng đến chiến lược thương hiệu cũng như QTTH của từng doanh nghiệp. Nền tảng công nghệ sẽ hỗ trợ và kéo theo những biến đổi của hoạt động QTTH mà ở đó tốc độ, sự sáng tạo, sự khác biệt, những giá trị nhân văn vì cộng đồng được đề cao. Điều này đòi hỏi hoạt động QTTH phải có những thích ứng để theo kịp sự phát triển của xã hội. Thích ứng để phát huy, tận dụng được sự phát triển của công nghệ và hạn chế những mặt trái của nó là nghệ thuật của hoạt động QTTH.

Một số lưu ý cho các doanh nghiệp khi QTTH trong bối cảnh CMCN 4.0

Thứ nhất, hãy mang đến cho khách hàng cảm xúc thay vì chỉ chất lượng hay giá cả. Đã qua cái thời người tiêu dùng chỉ muốn mua hàng tốt nhưng giá phải rẻ. Ngày nay, nhiều người tiêu dùng sẵn sàng móc hầu bao chi trả cho sản phẩm hoặc dịch vụ mang lại cho họ sự thoải mái, trân trọng. Những giá trị nhân văn vì cộng đồng cũng được mọi người quan

tâm khi lựa chọn thương hiệu. Vì thế, bên cạnh việc duy trì chất lượng, giá cả phù hợp, các doanh nghiệp cần phải hướng đến việc tạo cho thương hiệu của mình những yếu tố văn hóa, nhân văn thì mới mong lôi kéo và giữ chân được khách hàng, hơn thế nữa ngay cả khi thương hiệu có sự cố họ vẫn không quay lưng lại.

Thứ hai, cần phải dành thời gian và nhân lực có chuyên môn cho việc QTTH. QTTH là một quá trình đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa kiến thức về quản trị doanh nghiệp, marketing và kiến thức về SHTT. Hãy luôn nhớ thương hiệu là “tảng băng chìm” mà phần chìm là phần tiềm ẩn nhiều điều bất ngờ, có tính chất quyết định mang lại thành công cũng như thất bại cho doanh nghiệp. Trong quá trình phát triển của doanh nghiệp, tài sản trí tuệ và những yếu tố tạo nên cảm xúc của khách hàng đối với thương hiệu luôn bổ sung cho nhau, cùng với nhau để tạo nên thương hiệu. Quá trình QTTH là sự kết hợp của hai hoạt động: quản trị tài sản trí tuệ và quản trị việc tạo ra hình ảnh của thương hiệu, cảm xúc của khách hàng. Hoạt động nào của quá trình QTTH cũng đều cần phải có nhân lực có kiến thức, trình độ và thời gian. Đặc biệt, CMCN 4.0 xóa nhòa ranh giới giữa thực và ảo, làm cho mọi việc diễn ra với tốc độ cực nhanh, thông tin được tập hợp và xử lý lớn, do đó cần phải hàng ngày, hàng giờ lưu tâm tới việc QTTH, từ việc tạo dựng thương hiệu, sử dụng thương hiệu, khai thác thương hiệu và bảo vệ thương hiệu.

Thứ ba, đừng quên QTTH phải đảm bảo sự hội nhập quốc tế. Không chỉ rủi ro ở thị trường trong nước, khi sản phẩm được xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, nếu doanh nghiệp sử dụng nhãn hiệu không ý thức được vấn đề “quyền SHTT được xác lập trên lãnh thổ quốc gia nào chỉ có giá trị trên lãnh thổ quốc gia đó mà thôi” và cứ đưa sản phẩm ra nước ngoài trong khi không chắc chắn về tình trạng pháp lý đối với nhãn hiệu đang sử dụng thì có thể doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với việc bị tịch thu hàng, bị xử phạt xâm phạm, bị hủy hợp đồng, bị dính

vào những vụ kiện tụng rất tốn kém... Bài học của những thương hiệu lớn như cà phê Trung Nguyên, wong xep Duy Lợi... trong nỗ lực lấy lại thương hiệu của chính mình tại thị trường nước ngoài là những ví dụ cảnh tỉnh cho các doanh nghiệp về việc cần phải ý thức được sự cần thiết và xác định đúng thời điểm đăng ký bảo hộ quyền SHTT. Lựa chọn tên gọi để xây dựng thành thương hiệu phù hợp, lựa chọn thời điểm đăng ký bảo hộ phù hợp, lựa chọn lãnh thổ bảo hộ phù hợp, lựa chọn các chiến lược sử dụng và khai thác thương hiệu phù hợp, lựa chọn đối tác phù hợp... sẽ quyết định sự thành công của một thương hiệu.

Thứ tư, các doanh nghiệp, các chủ nhãn hiệu cần hết sức lưu ý tới việc sớm đăng ký đầy đủ những tên miền có khả năng tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp không chỉ ở tầm quốc gia mà cả trong quan hệ quốc tế. Ở cấp độ quốc gia, các tên miền có đuôi có sức thu hút truy cập cũng như khả năng quảng bá cao như .vn, .com.vn, .biz.vn, .info.vn... nên quan tâm đăng ký. Bên cạnh việc sử dụng tên miền cấp cao dùng chung, các doanh nghiệp nên quan tâm đến đăng ký sử dụng tên miền mã quốc gia nơi cung cấp dịch vụ, sản phẩm. Ngay tại thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc khi có kế hoạch kinh doanh là đã cần đăng ký tên miền để chiếm được các lợi thế về quảng bá cũng như tránh được các phiền toái có thể gặp phải sau này. Ngoài ra cần phải lưu ý thời gian gia hạn tên miền để không bị mất quyền sở hữu tên miền vào tay người khác.

Không cần có nhiều tiền, quan trọng là sự tử tế, đàng hoàng, tấm lòng vì cộng đồng, tôn trọng pháp luật... thương hiệu sẽ có sức lan tỏa mạnh mẽ. Doanh nghiệp cần chủ động tự bảo vệ thương hiệu của mình một cách thông minh, có chiến lược bền vững và đúng pháp luật trong thời đại CMCN 4.0./.

Nguồn: Tạp chí KH&CN Việt Nam



ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thực trạng và giải pháp

ĐINH THỊ THU HOÀI, TRẦN VĂN TOÀN
Trường Chính trị Lê Duẩn Quảng Trị

Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng nói chung, di tích lịch sử cách mạng nói riêng có vai trò quan trọng đối với việc góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng là giữ gìn, tôn trọng, nâng niu những di sản quá khứ tốt đẹp của các thế hệ cha ông đã đóng góp trí tuệ, mồ hôi, xương máu vun đắp, tạo dựng qua các giai đoạn lịch sử. Đó là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng, cao cả của mỗi người ở thế hệ hôm nay và mai sau trong việc thực hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.

Quảng Trị là một vùng đất có bề dày lịch sử lâu đời. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã để lại trên địa bàn Quảng Trị một hệ thống di tích chiến tranh cách mạng có quy mô và tầm cỡ lớn, đã không chỉ tạo ra ưu thế vượt trội, đặc sắc riêng của vùng đất này mà còn góp phần làm đa dạng và phong phú hơn kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Hệ thống di tích

này vừa là niềm tự hào, vừa là một tài sản vô giá của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Trị. Nhận thức được giá trị lớn lao của các di tích lịch sử cách mạng, thời gian qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng, trong đó, nổi bật là Nghị quyết số 17/2013/NQ-

HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2013 “Về đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử, văn hóa tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2013 - 2020” nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Từ các chỉ thị, nghị quyết đó, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã có nhiều chuyển biến tích cực và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tính đến tháng 1-2019, trên địa bàn Quảng Trị có 524 di tích, trong đó: 04 di tích quốc gia đặc biệt (gồm 30 di tích thành phần); 21 di tích quốc gia; 473 di tích cấp tỉnh. Trong số 473 di tích cấp tỉnh có 445 di tích lịch sử cách mạng. Thực tiễn hàng chục năm sau giải phóng, hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng ở Quảng Trị thực sự đem lại kết quả, nhất là thời gian hơn 10 năm trở lại đây.

1. Những kết quả đạt được

Hoạt động bảo tồn, tôn tạo và quản lý di tích

Trải qua gần 20 năm thực hiện Luật Di sản văn hóa 2001 và 10 năm thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa 2009 cho thấy Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ngày càng quan tâm đầu tư cho công tác bảo tồn, quản lý và khai thác giá trị các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, đặc biệt là di tích lịch sử cách mạng. Nhờ có những chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời nên việc bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng đã đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Theo kết quả điều tra, khảo sát của Trung tâm Quản lý di tích và Bảo tàng tỉnh, toàn tỉnh hiện có 524 di tích, trong đó có 445 di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh đã được công nhận. Cụ thể như sau: (xem bảng)

STT	Địa điểm	Số lượng các di tích đã được xây dựng	Số lượng các di tích chưa được xây dựng
1	Huyện Vĩnh Linh	16	143
2	Huyện Gio Linh	24	29
3	Huyện Hướng Hóa	02	20
4	Huyện Đakrông	04	23
5	Huyện Cam Lộ	10	16
6	Huyện Triệu Phong	28	41
7	Huyện Hải Lăng	14	44
8	Thị xã Quảng Trị	03	8
9	Thành phố Đông Hà	06	13
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	01	0

Nguồn: Trung tâm Quản lý di tích và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị

Sau khi có quyết định công nhận, tỉnh đã tiến hành việc phân cấp và bàn giao cho các địa phương trong việc quản lý các di tích (theo quyết định số 706/1996/QĐ-UB ngày 12/7/1996 và Quyết định số 2196/QĐ-UB, ngày

16/7/2004). Chính vì vậy, các huyện thị đã chủ động trong việc bảo tồn và phát huy các di tích, nhất là các di tích lịch sử cách mạng nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Tính đến tháng 01 năm 2019, toàn tỉnh có 74/445 di tích lịch sử cách mạng

đã hoàn chỉnh hồ sơ khoa học và hồ sơ pháp lý (chiếm 17%); ngoài ra có thêm 45/445 di tích đã có hồ sơ pháp lý (chiếm 10%) và 05 di tích đã có hồ sơ khoa học. Đặc biệt, năm 2016, Trung tâm Quản lý di tích và Bảo tàng tỉnh đã trình Sở VH-TT&DL kế hoạch chọn địa bàn huyện Triệu Phong làm thí điểm việc kiểm kê, đo vẽ hồ sơ đất đai 71 di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh với kinh phí 6 triệu đồng/di tích. Được sự phối hợp tích cực của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong, ngày 16/5/2016, UBND huyện Triệu Phong đã ban hành văn bản số 258/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác định vị, cắm mốc chỉ giới các di tích lịch sử trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 -2017. Trong đó, Triệu Phong là địa phương có số di tích

lịch sử cách mạng cấp tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ khoa học và hồ sơ pháp lý nhiều nhất so với các huyện thị khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (46/124 di tích, chiếm 37%).

Sau khi tiến hành lập hồ sơ khoa học và hồ sơ pháp lý cho các di tích, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành chỉ đạo việc đầu tư xây dựng, tôn tạo các di tích bằng các nguồn kinh phí khác nhau như nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước (Chương trình mục tiêu Quốc gia), nguồn kinh phí từ công tác xã hội hóa. Chính vì vậy, các di tích đã được khoanh vùng, xây dựng các bia tường niệm và phục dựng lại một số công trình đã xuống cấp. Tính đến tháng 01 năm 2019, toàn tỉnh có 107/449 di tích lịch sử cách mạng đã được xây dựng. (xem bảng)

STT	Địa điểm	Số lượng các di tích đã được xây dựng	Số lượng các di tích chưa được xây dựng
1	Huyện Vĩnh Linh	16	143
2	Huyện Gio Linh	24	29
3	Huyện Hướng Hóa	02	20
4	Huyện Đakrông	04	23
5	Huyện Cam Lộ	10	16
6	Huyện Triệu Phong	28	41
7	Huyện Hải Lăng	14	44
8	Thị xã Quảng Trị	03	8
9	Thành phố Đông Hà	06	13
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	01	0

Nguồn: Trung tâm Quản lý di tích và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị

Có thể khẳng định rằng việc bảo tồn, tôn tạo và quản lý di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ sau khi có Luật Di sản Văn hóa đã mang lại hiệu quả to lớn về mặt xã hội. Những di tích sau khi được trùng tu, tôn tạo, đưa vào sử dụng đã phát huy tốt giá trị, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng, sự mong mỏi của nhân dân địa phương

cũng như nhân dân cả nước đối với Quảng Trị, nó không chỉ phục vụ trực tiếp cho di tích mà còn gián tiếp mang lại hiệu quả có tính toàn diện về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội.

Hoạt động du lịch, lễ hội gắn với các di tích lịch sử cách mạng

Quảng Trị là điểm kết nối của ba tuyến du lịch lớn là: Lộ trình xuyên Việt;

Trục hành lang kinh tế Đông - Tây; Con đường Di sản miền Trung. Với lợi thế này đã giúp cho Quảng Trị trong việc quảng bá các di tích văn hóa trên địa bàn tỉnh. Những di tích lịch sử cách mạng là một thành tố quan trọng để Quảng Trị có “thương hiệu” du lịch trong nước và khu vực. Từ nhiều năm qua, du lịch quốc tế đến Quảng Trị theo tour du lịch DMZ (Demilitarised Zone - Khu phi quân sự). Đây là tour du lịch khá nổi tiếng, lại rất đặc biệt vì không thể tìm thấy ở bất kỳ một tour nào khác trong cả nước và là vùng du lịch được ưu tiên hàng đầu với khách ngoại quốc khi đến miền Trung.

Từ năm 2005, một tour du lịch mới đã được ra đời cũng trên nền tảng của hệ thống di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng một thời của Quảng Trị mang tên: Du lịch Hoà niệm về chiến trường xưa

và đồng đội. Xuất phát từ nhu cầu của rất nhiều du khách trong nước, quốc tế và những người đã đóng góp một phần xương máu, những năm tháng tuổi trẻ ở Quảng Trị muốn đến thăm nơi từng thấm đẫm máu của hàng vạn chiến sỹ, đồng bào của mọi miền đất nước trên từng tấc đất vùng này nên loại hình du lịch hoà niệm đã ra đời. Đây là điểm nhấn quan trọng có tính chất khẳng định một thương hiệu du lịch mới được các lữ hành trong nước và quốc tế quan tâm hưởng ứng. Điều này được thể hiện cụ thể thông qua số lượng khách du lịch đến Quảng Trị càng ngày càng tăng, giúp cho tổng doanh thu khi kinh doanh du lịch cũng ngày càng cao hơn so với thời gian trước đây. Được thể hiện thông qua bảng sau:

Năm	Tổng lượng khách đến (đơn vị tính: lượt)	Khách nội địa (đơn vị tính: lượt)	Khách quốc tế (đơn vị tính: lượt)	Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch (đơn vị tính: tỷ đồng)
2015	1.600.000	1.400.000	200.000	1.400
2016	1.140.000	995.000	145.000	1.045
2017	1.649.000	1.485.267	163.733	1.520
2018	1.820.000	1.652.000	168.000	1.624

Nguồn: Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch tỉnh Quảng Trị

Bên cạnh việc quy hoạch đầu tư tôn tạo các di tích, một số lễ hội cách mạng độc đáo đã được xây dựng, tạo ra được những sản phẩm tinh thần mới có dấu ấn sâu đậm, có sức lan tỏa rộng trong đời sống nhân dân. Nổi bật là Lễ hội Tri ân các Anh hùng Liệt sỹ ở hai nghĩa trang lớn (Nghĩa trang Liệt sỹ quốc gia Trường Sơn, Nghĩa trang Liệt sỹ quốc gia Đường 9) và các nghĩa trang nhỏ ở các huyện, thị; lễ hội Thống nhất non sông ở Hiền Lương; lễ hội thả hoa trên các sông... được tổ chức vào các dịp lễ tết. Các lễ hội cách mạng gắn liền với các di tích

lịch sử nên đã chuyển hóa những giá trị tâm linh một cách sinh động hơn, đem lại sự rung động sâu sắc đối với mọi người, trong đó có đông đảo khách du lịch.

Công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng gắn với các di tích lịch sử

Thời gian qua, các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh đã có nhiều hoạt động triển khai giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là trong thế hệ trẻ. Qua đó đã nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán

bộ, đảng viên và nhân dân trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử; góp phần tạo động lực cho kinh tế - xã hội phát triển.

Với đặc thù là một tỉnh có rất nhiều di tích lịch sử cách mạng, ở hầu hết các xã đều có ít nhất 01 đến 02 di tích, có một số xã, thị trấn có trên 05 di tích, chính vì vậy cấp ủy đảng và chính quyền ở các địa phương đã kêu gọi các nguồn đầu tư khác nhau để trùng tu, tôn tạo di tích, đồng thời tuyên truyền đến người dân, nhất là thế hệ trẻ ở các địa phương về lịch sử, ý nghĩa của các di tích để họ nâng cao ý thức trong việc bảo vệ các di tích trên địa bàn mình sinh sống. Chính điều này đã giúp giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của cha ông, đồng thời hun đúc thêm cho các em về tình yêu quê hương, đất nước và con người.

2. Những hạn chế

Mặc dù hiện nay công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã đạt được một số thành tựu nhất định, tuy nhiên bên cạnh đó công tác này vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

1. Hoạt động đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích tuy đã có những thành tựu bước đầu nhưng chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn. Các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh phần lớn là các chứng tích chiến tranh và hầu hết tồn tại ở dạng phế tích nên việc tu bổ, tôn tạo gặp nhiều khó khăn không chỉ về nguồn lực, kinh phí huy động mà còn cả về các phương án, quan điểm và nguyên tắc bảo tồn. Mặc dù đã được phân cấp quản lý trực tiếp cho các Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố, xã, phường, thị trấn nhưng do ngân sách của tỉnh và các địa phương khó khăn nên không được đầu tư nhiều.

2. Công tác xã hội hóa trong việc trùng tu, tôn tạo di tích đạt hiệu quả chưa cao. Hiện nay, qua tìm hiểu thực tế tại một số địa phương cho thấy bên cạnh các

huyện thực hiện tốt công tác vận động các cá nhân, đơn vị, tập thể góp vốn đầu tư tôn tạo các di tích đạt hiệu quả cao như huyện Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng thì còn lại đa số các địa phương khác còn gặp khó khăn trong vấn đề này. Đặc biệt, đối với hai huyện Đakrông và Hướng Hóa, một phần không có kinh phí của ngân sách Nhà nước, một phần không triển khai thực hiện công tác xã hội hóa trong vấn đề tu bổ, tôn tạo di tích vì đời sống của người dân còn rất nhiều khó khăn. Chính vì vậy, hầu hết di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh ở hai huyện này chủ yếu là phế tích, chưa được cấm bia, biển cũng như chưa được khoanh vùng bảo vệ.

3. Phân cấp quản lý di tích còn nhiều bất cập. Theo quyết định số 706/QĐ-UB ngày 12/7/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh, có 364 di tích được phân cấp quản lý trực tiếp cho chính quyền các cấp, trong đó: 12 di tích do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, sử dụng và phát huy; 118 di tích do các Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố trực tiếp quản lý, sử dụng và phát huy; 234 di tích do các Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý, sử dụng và phát huy. Còn lại một số di tích đến nay chưa được phân cấp quản lý.

4. Công tác lập hồ sơ khoa học và xây dựng hồ sơ pháp lý di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh còn chậm. Đối với công tác lập và hoàn thiện hồ sơ khoa học của di tích: Tính đến đầu năm 2019, toàn tỉnh đã tiến hành lập hồ sơ khoa học cho 79/459 di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. Như vậy còn 380 di tích chưa có hồ sơ khoa học. Không chỉ khó khăn trong việc lập và hoàn thiện hồ sơ khoa học mà ngay cả đối với việc xây dựng hồ sơ pháp lý cũng diễn ra còn chậm. Chỉ có hai huyện Triệu Phong và Vĩnh Linh được lựa chọn làm thí điểm việc kiểm kê, đo vẽ hồ sơ đất đai vào năm 2016, 2017, còn lại các địa phương khác vẫn chưa được triển khai tiến hành một cách tổng

thể. Chính vì vậy, các di tích chưa được cấp giấy chứng nhận đất vẫn còn nhiều, gây khó khăn cho việc khoanh vùng bảo vệ các di tích.

5. Công tác tuyên truyền, vận động người dân trong việc bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh chưa được triển khai thực hiện một cách sâu rộng. Hiện nay, đa số người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chỉ tìm hiểu và quan tâm đến di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt như: Đồi bờ Hiền Lương, Địa đạo Vịnh Mốc, Thành Cổ Quảng Trị... Còn lại các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh hầu như họ không biết đến nhiều. Các cấp chính quyền ở các địa phương chưa thực sự quan tâm đến việc thu hút người dân tham gia trực tiếp vào việc sử dụng, quản lý và phát huy giá trị di tích.

tự nhiên và sự quản lý chưa chặt chẽ của các cơ quan chức năng (kể cả ý thức trách nhiệm chưa đầy đủ của người dân) nên phần lớn các di tích trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã bị hư hại, xuống cấp và thậm chí nhiều di tích bị xóa dấu vết trên thực tế. Đặc biệt, những năm gần đây, các áp lực của sự phát triển kinh tế và tốc độ đô thị hóa một cách nhanh chóng ở cả những vùng nông thôn lẫn thành thị đã đặt ra cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh những thách thức và nhiều vấn đề nóng bỏng mang tính thời sự. Vì vậy, theo chúng tôi các cấp, các ngành, các cơ quan liên quan cần tập trung vào những giải pháp chủ yếu sau:

1. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cũng như cấp ủy và chính quyền các cấp cần nghiên cứu và tiếp tục ban hành các chỉ



Tượng đài “Khát vọng thống nhất”. Ảnh: nguồn internet.

3. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng

Do tính chất đặc thù của loại hình di tích lịch sử cách mạng, lại phải chịu nhiều tác động mạnh mẽ của điều kiện

thị, nghị quyết, quyết định, các cơ chế, chính sách về tài chính, đất đai, chính sách xã hội... đồng thời, cũng cần ban hành chính sách, quy định ràng buộc cụ thể đối với tất cả các đối tượng, hạn chế những hành vi phá hoại, sai lệch,

ảnh hưởng đến công trình di tích, môi trường, cảnh quan, không gian của di tích và lễ hội để nhằm bảo tồn và phát huy một cách hiệu quả nhất các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. Qua thực tế cho thấy, vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh hiện nay còn nhiều bất cập. Do đó, các cơ chế, chính sách của tỉnh Quảng Trị sẽ là giải pháp quan trọng góp phần bảo tồn, tôn tạo và phát huy tối đa giá trị các di tích.

2. **Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức cho nhân dân về việc bảo vệ di tích lịch sử cách mạng nói chung, di tích lịch sử cấp tỉnh nói riêng trên địa bàn tỉnh.** Di tích lịch sử cách mạng là tài sản chung của nhân dân, mọi người dân đều có quyền hưởng thụ, khai thác và phát huy giá trị di tích phục vụ cho mục đích văn hóa lành mạnh. Để phát huy tốt giá trị các di tích lịch sử cách mạng, cần có sự vào cuộc của nhân dân trong việc tham gia quản lý di tích theo luật di sản văn hóa. Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức tôn trọng bảo vệ và phát huy giá trị di tích danh thắng cảnh trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt đối với thế hệ trẻ của tỉnh là hoạt động có ý nghĩa quyết định đến tương lai lâu dài của di tích lịch sử cách mạng. Vì vậy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở cần thực hiện việc tuyên truyền đến người dân sao cho phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng như hệ thống truyền thanh, truyền hình, báo chí... để chuyển tải, đưa các quy định pháp luật và luật di sản văn hóa thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội, đến với mọi người dân một cách hợp lý, hiệu quả. Ngoài mục đích tuyên truyền phổ biến pháp luật, công tác tuyên truyền còn đóng vai trò quan trọng trong việc giúp cho đồng đảo quần chúng nhân dân nâng cao ý thức chung về bảo vệ di tích, để người dân tự nguyện, tự giác tham gia vào công tác bảo vệ và giữ gìn

di tích. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa của hoạt động lễ hội nhằm phát huy trách nhiệm của toàn xã hội đối với việc đưa các hoạt động lễ hội vào nền nếp, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Xã hội hóa công tác bảo vệ di tích, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc bảo vệ và sử dụng di tích.

3. **Tiến hành tu bổ, phục hồi hệ thống di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh theo một uy hoạch tổng thể nhất định, đồng thời đầu tư hợp lý kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh.**

Hiện nay, Nhà nước đã ban hành Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020 là cơ sở để tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với bảo tồn và phát huy giá trị các di tích. Tuy nhiên, ở Quảng Trị chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi hệ thống di tích nói chung, di tích lịch sử cách mạng nói riêng. Với số lượng 445 di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh đã được nhà nước công nhận xếp hạng, trong đó nhiều di tích đang trong tình trạng xuống cấp, do vậy việc quy hoạch hệ thống cho toàn bộ các di tích đã được xếp hạng là một yêu cầu cần thiết hiện nay. Bản quy hoạch hệ thống là cơ sở pháp lý và khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành và của tỉnh Quảng Trị hiện nay. Theo chiều ngược lại thì trong việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành và của toàn tỉnh cũng căn cứ vào bản quy hoạch hệ thống di tích để có những phương án hợp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ, giữ gìn các di sản văn hóa nói chung, các di tích lịch sử cách mạng nói riêng.

Mặt khác, trên cơ sở quy hoạch tổng thể về việc tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích, thì việc đầu tư kinh phí cho công tác tu bổ, tôn tạo di tích là một yếu

tổ quan trọng để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. Vì thế, tỉnh Quảng Trị cần đầu tư về ngân sách, lập ra các dự án, kế hoạch tôn tạo di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh, phát triển đề tài nghiên cứu khoa học để có thể tiến hành bảo tồn, phát huy giá trị di tích đảm bảo tính nguyên bản và mang tính hiệu quả cao nhất. Cần gắn việc đầu tư kinh phí với công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đặc biệt là vai trò giám sát của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

4. Bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh gắn liền với phát triển kinh tế du lịch địa phương

Ngày nay, du lịch được coi là một trong những phương tiện hàng đầu để trao đổi văn hóa, du lịch là động lực tích cực cho việc bảo vệ di sản văn hóa và di sản thiên nhiên đã trở thành một phức hợp đóng một vai trò chủ yếu trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, sinh thái và thẩm mỹ... Quảng Trị là tỉnh có nhiều di tích lịch sử cách mạng, trong đó, di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh là 445 di tích. Với số lượng di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh lớn nằm ở hầu hết các huyện, thị thành trong toàn tỉnh, đây là các tiềm năng có thể thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với Quảng Trị.

Xác định tiềm năng và lợi thế to lớn đó, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVI đã khẳng định: *“Phát triển du lịch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, phát huy mạnh mẽ vai trò của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư”*. Theo đó, sẽ khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh, phát triển du lịch Quảng Trị theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng cao nhằm khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh, cũng như tăng tỷ trọng ngành du lịch trong GRDP của tỉnh trong thời gian sắp tới.

Trong thời gian vừa qua, Quảng Trị đã tập trung khai thác tốt tiềm năng, thế

mạnh của di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch, trong đó đã tạo ra những dấu ấn riêng về du lịch. Đặc biệt, đã xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, hình thành các tour tuyến du lịch mới trên địa bàn tỉnh, liên tỉnh như xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch Quảng Trị là: “Ký ức chiến tranh, khát vọng hòa bình”, “Hành lang kinh tế Đông - Tây và con đường di sản” đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

5. Tăng cường công tác xử lý vi phạm. Chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, Trung tâm quản lý di tích và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị cần đẩy mạnh hơn nữa công tác chống vi phạm di tích đặc biệt nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có các di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh giám sát ngăn chặn và báo cáo với cấp có thẩm quyền giải quyết khi có vi phạm di tích xảy ra. Xây dựng kế hoạch dài hạn về giải tỏa xâm phạm di tích gắn với các chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn của địa phương mình, rà soát lại phạm vi, mốc giới, khoanh vùng bảo vệ di tích. Hiện nay, việc tăng cường các biện pháp xử phạt hành chính, hành vi vi phạm di tích còn chưa cao và chủ yếu tập trung vào công tác hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa. Vì vậy, ngày 19 tháng 5 năm 2009, Bộ VH-TT&DL đã ban hành Chỉ thị số 73/2009/CTBVHTTDL về việc tăng cường các biện pháp quản lý di tích và các hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, trong đó có các Sở VH-TT&DL cần tăng cường công tác quản lý, bảo vệ di tích, nâng cao trách nhiệm bộ máy quản lý, bảo vệ di tích, tăng cường giám sát chuyên môn, phát huy trách nhiệm giám sát cộng đồng để nâng cao chất lượng dự án tu bổ di tích./.

Đ.T.T.H, T.V.T



Hát sắc bùa Mỹ tục ngày Xuân

CÁI THỊ VƯỢNG
Phó Giám đốc Bảo tàng Quảng Trị

Đã có một thời tục hát Sắc bùa cùng với “Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ. Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh” là những thứ không thể thiếu để làm nên cái Tết cổ truyền đáng nhớ ở các làng quê Quảng Trị, nhất là các làng vùng biển và ven biển như Thái Lai, Gia Đăng, Ba Lăng, Yên Hội... Nhưng tiếc rằng, tục hát Sắc bùa với những sắc thái độc đáo, riêng biệt chỉ có trong những ngày Tết đầy ý nghĩa này đã phai nhạt dần theo thời gian và chỉ còn tồn tại trong tâm thức của những cụ cao niên ở các làng.

Hát Sắc bùa là một loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian độc đáo hàm chứa tín ngưỡng, tâm linh của người Việt Quảng Trị, ở đó nó phản ánh đầy đủ những nét văn hóa ở cả *cõi thiêng* lẫn *cõi tục*. Hát Sắc bùa có 2 phần: Phần mang tính nghi lễ và phần giúp vui.

Phần nghi lễ là Sắc bùa, đây được xem là một loại hình văn bản có yểm

bùa chú để trừ ma diệt quỷ, văn bản này được các vị Phúc thần mà cư dân làng đó thờ phụng ban cho. Hàng năm, bắt đầu từ 23 tháng Chạp trở đi, các phường Sắc bùa phải chọn ngày lành và hợp với tuổi ông cai sắc đến đình làng hoặc miếu thờ những vị thần linh thiêng liêng nhất để xin bùa phép yểm trừ ma quỷ. Các lá bùa thường được viết trên các loại giấy màu với những câu bằng chữ Hán có các nội dung: Thiên đế, Hoàng đế, Xích đế, Thành hoàng bản thổ... đây là nơi ngự của các vị Phúc thần - nhằm giúp rập cho gia chủ và toàn thể gia đình tránh mọi tai ương trong cuộc sống, thuận lợi trong làm ăn, khỏe mạnh và hạnh phúc tràn đầy.

Phần giúp vui chủ yếu là các bài hát múa để chúc tụng, suy tôn tiên tổ, ông bà, bố mẹ, người thân đã khuất trong gia tộc và cầu mong gia chủ và gia đình bước sang năm mới vạn sự như ý, tấn tài, tấn lộc.

Theo lời các cụ cao niên, những ngày cuối năm bên cạnh sự vội vã, nao nức chuẩn bị để đón chào năm mới, người dân ở các làng quê còn chờ mong phường Sắc bùa đến múa hát. Ngoài việc tạo nên không khí vui vẻ, nhộn nhịp trong những ngày Tết, thì hát Sắc bùa còn mang đầy tín ngưỡng dân gian truyền thống có tính chất nghi lễ đối với nghề nghiệp, pha tạp với pháp thuật đạo giáo; để rồi mang đầy đủ yếu tố tâm linh với ý nghĩa trừ đuổi tà ma, quỷ dữ, xông đất, xông nhà và cầu mong tài lộc đến với mọi gia đình.

mừng. Điều đặc biệt phường hát Sắc bùa phải toàn là đàn ông trong làng với độ tuổi khoảng từ 40 trở lên, họ là những người có uy tín, hiền đức, làm ăn phát đạt và đặc biệt trong năm gia đình không chịu tang chế, sinh nở. Tuyệt đối không được có phụ nữ vì họ cho rằng đầu năm phụ nữ đến xông nhà thường đem theo điềm xui xẻo, không may mắn, thuận lợi. Trong phường hát thường có một ông cai sắc, một người đóng quỹ, một người đánh trống, một người gõ phách; những người còn lại có vai trò như đội đồng ca vừa hát và múa biểu



Hội hát sắc bùa ở Người Mường. Ảnh: nguồn internet.

Vào những ngày giáp Tết, từ đầu làng đã vang tiếng trống, tiếng mõ và nhộn nhịp không khí tập luyện của các phường hát Sắc bùa. Phường Sắc bùa thường được tổ chức khoảng 10 - 14 người, là những người có khả năng ca hát những làn điệu cổ truyền của quê hương, cũng như có thể sáng tác, ứng khẩu nhanh nhạy các điệu hát chúc

diễn. Ông cai sắc càng được lựa chọn cẩn trọng hơn, ngoài những tiêu chuẩn trên, cai sắc phải là người hay chữ, hiểu biết các loại nghi lễ, phong tục tập quán của làng, nghề nghiệp của từng gia đình; là người nhanh nhẹn, thông thạo các bài hát chúc mừng và có thể ứng khẩu sáng tác tùy theo hoàn cảnh gia đình và đối tượng sao cho phù hợp từng

gia cảnh. Phường hát Sắc bùa tập trung luyện tập từ đầu tháng Chạp và bắt đầu hát sau thời khắc Giao thừa cho đến hết ngày mùng 3 Tết.

Hát Sắc bùa thường có những bài chủ đạo như: Hát mở ngõ, mở cửa, hát vào nhà; Hát trấn tà; Hát chúc xuân; Hát chúc tụng, chúc nghề; Hát chào và cảm tạ...

Trang phục của phường Sắc bùa khá đơn giản, đó là bộ bà ba truyền thống của người Quảng Trị với chất liệu và màu sắc giản dị có thể đen hay nâu sòng, ngoài ra còn có nơ thắt trên đầu và buộc đai bên hông bằng những dải vải đỏ. Riêng ông cai sắc thường mặc áo dài đen, quần trắng, thắt đai đỏ bên hông, tay cầm cặp sanh tiền để làm hiệu lệnh. Nhạc cụ của phường hát Sắc không cầu kỳ, gồm có trống bịt hai mặt, chiêng, thanh la, sanh tiền, xập xỏa, xâu lục lạc... do các thành viên trong phường Sắc sử dụng.

Sau thời khắc giao thừa thiêng liêng, khi nghe hiệu lệnh từ cặp sanh tiền của cai sắc, phường Sắc bùa cùng hòa âm các loại nhạc cụ, tiếng trống, chiêng, thanh la cùng với tiếng hát tạo thành một không khí rộn ràng vui vẻ. Sức hấp dẫn của hát Sắc bùa là sự kết hợp của nhạc cụ và lời ca một cách nhịp nhàng, gần gũi dễ hiểu, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người. Mở đầu cho năm mới, phường Sắc đến làm lễ dâng hương các vị thần tại đình làng; sau đó thường chọn một gia đình khá giả, gia chủ hiểu biết, uy tín để chạm ngõ khởi sự đầu tiên. Khi phường Sắc bùa đến ngõ, ông cai liền xướng bài Mở ngõ:

Tối như đêm 30, rạng rành mùng Một

Ngõ ông đóng chốt, lại cả cài then

Đông đủ anh em, trai tôi đứng ngoài ngõ.

hoặc: *Xuân mới muôn ngàn hoa nở rộ lòng dân*

Xuân mới lại về gọi lòng người đang giấc say

Mau thức dậy đón chào ngày Xuân mới.

Tất cả phường Sắc hát theo phụ họa, thường mỗi câu hát ba lần: *"Mở ngõ, mở ngõ. Đền tổ trong nhà. Sum họp vui vầy. Khai môn mở cửa"*.

Sau bài Mở ngõ, chủ nhà mời phường Sắc bùa vào làm lễ nơi bàn thờ tổ tiên. Toàn phường Sắc bùa đứng thành hai hàng dọc tại gian thờ để gia chủ thắp hương báo cáo, xin phép trước bàn thờ gia tiên là có phường Sắc bùa đến chúc Tết. Ông cai kính cẩn vái lạy, khăn và xướng bài Chúc tụng và Trấn tà, những câu hát mang nặng tính chất xưng tụng về danh thân vị Phúc thần bảo trợ trong Sắc bùa, xen lẫn những câu phù chú rồi dùng hai tay thành kính nâng lá lá bùa dán lên nơi trang trọng của ngôi nhà. Ngoài mục đích tổng trừ ma quỷ đem lại cuộc sống bình yên cho gia đình, Sắc bùa còn hát những câu có ý nghĩa suy tôn tiên tổ, ông bà, chúc gia chủ bách niên giai lão, thần nông hộ vận hay thần ngư phù trợ cho chủ nhà làm ăn may mắn, phát đạt.

Sau phần nghi lễ, phường Sắc thường biểu diễn hát, múa để giúp vui, xua tan vận hạn đen đui của năm cũ, tạo không khí hân hoan cho các gia đình đón chào và hưởng lộc năm mới. Đây chủ yếu là phần diễn xướng của ông cai, có hát xô của phường Sắc, với nhạc cụ phụ họa và nhịp phách rõ ràng:

Đầu xuân năm mới, trai chúng tôi đến mừng tuổi gia đình

Trên kính lạy tiên tổ, tiên linh phù hộ độ trì cho con cháu được an khang thịnh vượng

Sang năm mới kính chúc gia đình gặp nhiều may mắn

Cầu tài thi đắc lộc, cầu bình an thi được bình an

Các thành viên trong phường Sắc phụ họa theo: “*Đón xuân đón Tết. Xóm làng nô nức, gia đình thành tâm*”. Cách hát này tạo nên nhịp điệu rộn ràng, rất ấn tượng, thu hút người nghe. Nội dung bài hát phản ánh ước mơ của người dân trong dịp đón chào năm mới với đầy đủ các mặt. Về nghề nghiệp: với người làm ngư cầu trời yên biển lặng, cá tôm đầy

Bên cạnh hát Sắc bùa, tùy vào hoàn cảnh và yêu cầu của gia chủ, phường Sắc còn múa các bài múa trống, múa sanh... đây là các điệu múa đòi hỏi các thành viên trong phường Sắc phải đi theo các hiệu lệnh của nhạc cụ. Các động tác bước chân, ra tay phải nhịp nhàng, dứt khoát. Múa sanh thì phải từng đôi phối hợp ăn ý, đều đặn, nhuần nhuyễn.



Xông đất, chúc Tết đầu năm. Nguồn: Internet.

thuyền; kẻ làm nông cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt bội thu; phường buôn bán thì mua may bán đắt, lỗ tránh lãi nhiều; thợ thủ công thì sản phẩm làm ra không kịp bán buôn... Cầu cho đất nước yên bình, chúng sanh trăm nghề tấn phát, người yên vật thịnh. Lời các bài hát Sắc bùa là những câu thơ dân gian dễ thuộc, dễ nhớ chủ yếu là thơ lục bát, tứ tuyệt; có nhạc điệu khá giống nhau, dễ hát và gần gũi với đời sống dân dã, thường được sáng tác sẵn và bạn hát học thuộc. Tuy nhiên, tùy vào hoàn cảnh, các ông cai còn sưu tầm, ứng khẩu cả những sáng tác mới để cải biên thành lời hát Sắc bùa cho phù hợp với hoàn cảnh từng gia đình.

Phường Sắc bùa đi đến đâu cũng đều mang đến sự vui vẻ và nhận được hưởng ứng nhiệt tình của mọi người. Chủ nhà nhận được lời chúc của phường bùa thì cũng có lời đáp lại bằng việc thưởng tiền hay vật chất, cứ như thế cuộc thi thử tài năng trở nên lời cuốn và hấp dẫn. Sau đó, phường Sắc bùa hát chào cảm tạ để đến với gia đình khác. Trên đường đi phường Sắc bùa còn thu hút đông đảo người dân đi theo để động viên, cổ vũ và thưởng thức. Đoàn người cứ thế kéo dài và cuộc vui càng thêm náo nhiệt có khi kéo dài đến tận sáng hôm sau.

Hát Sắc bùa là hình thức diễn xướng gắn với tín ngưỡng dân gian của cư dân nông nghiệp, ngư nghiệp và ngành nghề; nó vừa mang tính nghi lễ pha lẫn yếu tố tâm linh. Đây là sự phối kết hợp độc đáo giữa hát, múa, diễn xướng sơ khai... rất phù hợp với đời sống bình dân của người lao động. Hát Sắc bùa thường chỉ diễn ra trong dịp Tết nguyên đán, ngoài việc tạo không khí rộn ràng để người dân vui xuân đón Tết, nó còn đáp ứng yêu cầu của nhiều gia đình trong những ngày đầu năm mới; với mục đích cầu bình an gia đạo, tổng quỷ trừ ma và chúc xuân, chúc phúc, chúc nghề cho gia chủ, cho khách du xuân. Đây là một hình thức ca múa nhạc dân gian độc đáo, một loại hình di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc, thể hiện đời sống văn hóa tinh thần của người dân trong mỗi dịp Tết đến xuân về, đồng thời thể hiện sự phong phú và đa dạng trong lĩnh vực nghệ thuật trình diễn dân gian của người Việt Quảng Trị.

Hiện nay, tục hát Sắc bùa đầu năm đã không còn tồn tại ở các làng quê, tất

cả chỉ còn nằm trong ký ức của những người cao niên ở các làng; nếu không nhanh chóng lưu giữ, phục hồi những giá trị di sản văn hóa phi vật thể tốt đẹp, độc đáo, quý giá này thì nó sẽ biến mất vĩnh viễn, khi mà các thế hệ cha ông lần lượt về với tiên tổ.

Có lẽ trong mỗi chúng ta, hiện đang sống trong thời đại văn minh với lối sống tất bật, vội vàng... nhưng những lúc thanh thản để nghĩ suy rồi hỏi ngược về quá khứ chắc ai cũng thấy luyến nhớ về các lễ hội ở những làng quê, ước mơ được chứng kiến phường hát Sắc bùa đem đến không khí rộn ràng, vui tươi cho gia đình trong đêm trắng ngồi cùng ông bà, cha mẹ để canh chừng nồi bánh chưng, hay làm từng loại mứt ngày Tết. Đó là kiểu vui xuân, đón tết mang đậm hồn quê. Đây là những thông điệp mang nặng trong tâm hồn như thể nhắc nhở mỗi chúng ta hãy trở thành nhịp cầu bền vững để kết nối văn hóa giữa quá khứ và đương đại trong việc gìn giữ bản sắc dân tộc./.

C.T.V





NHỮNG THÀNH TỐ VĂN HÓA TẠO NÊN DIỆN MẠO ĐẶC TRƯNG CỦA LÀNG NGƯỜI VIỆT QUẢNG TRỊ

NGUYỄN THỊ NƯƠNG

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị

Quảng Trị - vùng đất nằm ở chính giữa khúc ruột miền Trung, lịch sử của vùng đất này luôn song hành với lịch sử của quốc gia dân tộc. Dưới thời phong kiến, đây là vùng đất gắn liền với quá trình phân chia cát cứ của các triều đại phong kiến, đồng thời cũng là vùng đất có ý nghĩa quan trọng trong quá trình mở mang bờ cõi về phía Nam của quốc gia Đại Việt. Sản sinh từ cái nôi văn hóa Đại Việt trên đất Bắc qua các cuộc di dân lẻ tẻ hoặc tập trung về phía Nam, văn hóa người Việt Quảng Trị bắt đầu khởi hành từ thế kỷ XI nhưng đa phần các làng xã ở Quảng Trị đều được thành lập từ sau cuộc đại di dân dưới thời Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông (thế kỷ XIV - XV).

Trong quá trình di cư vào khai phá, mở mang vùng đất mới ấy, người Việt từ phía Bắc vào lập nghiệp mang theo cả văn hóa gốc của mình đến nơi quê hương mới trong đó có đặc trưng của văn hóa làng truyền thống của làng quê

Việt Nam từ bao đời nay đó là hình ảnh lũy tre, cây đa, giếng nước, sân đình... Mặc dù dấu ấn văn hóa làng ở Quảng Trị không đậm nét như các làng quê Bắc Bộ nhưng lại mang những nét đặc trưng riêng, mang dấu ấn của người Việt miền Trung.

1. Lũy tre làng

Người Việt Quảng Trị khi đến tụ cư tại vùng đất mới, họ thường tập trung ở các vùng ven sông, các dải đất cao và chạy dài trên các vùng đồng bằng, trung du. Đó là những khu đất nguyên là vùng tụ cư, sinh sống của người Chăm xưa. Khác với các làng ở miền Bắc, làng ở Quảng Trị không bị đóng kín bởi không gian xung quanh lũy tre làng mà có xu hướng mở hơn. Làng dù to hay nhỏ đều có phân định ranh giới rõ ràng. Mốc giới có thể là lũy tre làng cũng có thể là đường sá, bờ đập, sông, hói hay những mốc nhân tạo bằng đá, gỗ. Đây là ranh giới hành chính của một xóm, một làng

hoặc một thôn nằm trong địa bàn một xã. Ở trong lũy tre làng ấy có khoảng vài trăm hộ hoặc nhiều hơn thì một, hai nghìn hộ dân sinh sống. Ngoài lũy tre làng là cánh đồng lúa, ngô, khoai, sắn... của người dân thôn quê.

Lũy tre làng thường mọc dày và bện vào nhau tạo thành những thành lũy vững chắc bao trùm xung quanh làng. Đó là một thành lũy rất kiên cố “đốt không cháy, trèo không được, đào không qua” vừa làm ranh giới phân chia làng xóm, vừa có tác dụng chắn gió bão rất tốt. Trong thời kỳ đất nước có chiến tranh, lũy tre làng ở nhiều nơi đã trở thành pháo đài chống giặc. Khi đất nước hòa bình, làng xóm phát triển nhưng lũy tre làng vẫn tồn tại như một biểu tượng của văn hóa làng, một thứ không thể thiếu trong mỗi làng quê.

2. Giếng làng

Trong tổ chức làng xã của người Việt Nam nói chung, người Việt Quảng Trị nói riêng thì giếng làng đã trở nên thiết yếu đối với cộng đồng cư dân địa

phương. Cùng với cây đa và sân đình, giếng nước thân thuộc với mọi người từ lúc họ mới sinh ra cho đến lúc trưởng thành.

Giếng làng là tên cái giếng duy nhất của một làng nhưng cũng có thể là cái tên chỉ chung nhất của nhiều cái giếng cụ thể khác ở trong địa phận của một làng.

Giếng làng thường được đào ở vị trí trung tâm của làng, nằm trong quần thể kiến trúc đình, chùa... hoặc cũng có khi nằm độc lập, tách biệt với các thiết chế trên. Ngày xưa giếng làng không chỉ là nơi cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho dân làng mà không gian giếng làng đã trở thành là không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng của dân làng. Giếng làng là nơi các cụ già thường ngồi chơi, ngắm cảnh, hóng mát, trò chuyện về mùa màng, đình đám và cả chuyện nhân tình thế thái gần xa. Đây cũng là không gian chơi đùa của trẻ nhỏ, chiều mát thường rủ nhau ra chơi đùa, đánh cù, đánh đáo, thả diều quanh giếng... Giếng làng cũng



Giếng cổ nằm dưới chân động Chùa, làng Nhĩ Thượng, được giới nghiên cứu đánh giá có niên đại hơn 500 năm. Ảnh: nguồn internet.

là không gian dành cho các đôi trai gái trong những đêm trăng thanh gió mát hoặc là nơi các mẹ, các chị trao đổi những câu chuyện đời thường với nhau khi tụ tập để lấy nước hoặc khi giặt giũ... Nhiều giếng làng lại ở vị trí bên gốc đa, cạnh đình làng, chùa làng đã góp phần làm nên một không gian văn hóa có sức hấp dẫn đặc biệt đối với tất cả mọi người dân trong làng.

Dù được xây bằng gạch, đất hay đá ong, thì giếng làng vẫn là nơi gắn bó lâu bền với đời sống người dân các làng quê Việt và mãi là hình ảnh thân thương, gần gũi trong tâm thức mọi người khi nhớ về làng quê.

Ngày nay cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, cùng với điện khí hóa nông thôn, đặc biệt là sự phát triển từ làng lên phố ở khá nhiều làng quê, đã làm cho những chiếc giếng làng hầu hết đã trở thành di tích/phế tích. Tuy vậy, giếng làng - người bạn tri ân bao đời nay ở vùng thôn quê - vẫn mãi là những hình ảnh thân thương, gần gũi và rất khó phai mờ trong tâm thức của mỗi người khi nhớ về làng quê Việt Nam.

3. Thành hoàng làng

Thành hoàng làng là danh từ chung để chỉ vị thần bảo trợ cho làng được dân làng thờ phụng trong một làng. Cũng giống như Táo Công và Thổ Công, Thành hoàng cai quản và quyết định họa phúc của một làng và thường được thờ ở đình làng.

Trong hệ thống tín ngưỡng dân gian của Việt Nam, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh của người con đất Việt. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng ra đời từ chính truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta với sự biết ơn, đề cao vai trò của người có công với dân, với nước.

Tín ngưỡng này tuy bó hẹp trong phạm vi địa lí nhất định “*Chuông làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng*

ấy thờ” nhưng nó lại có khả năng bao trùm lên mọi tín ngưỡng dân gian khác. Bởi vì, Thành hoàng có thể được phong cho mọi vị thần, từ cao đến thấp, từ cao quý đến dân dã, từ thần đến người... miễn là đối tượng đó có công với làng.

Thành hoàng chính là vị chỉ huy tối linh của làng xã không chỉ là chỗ dựa tinh thần vững chắc nhất cho tất cả mọi người dân về mặt tinh thần mà còn một phần về mặt đời sống sinh hoạt vật chất. Họ là vị thần tối linh, có thể bao quát, chứng kiến toàn bộ đời sống của dân làng, bảo vệ, phù hộ cho dân làng làm ăn phát đạt, sức khỏe dồi dào, tránh mọi hiểm họa thiên tai, dịch bệnh... Cho nên sự thờ phụng Thành hoàng xét cho cùng là sự thờ phụng luật lệ làng xã, lễ thói gia phong của làng. Thành hoàng cũng được gọi là phúc thần, tức vị thần ban phúc cho dân làng, thường mỗi làng thờ một vị Thành hoàng, song cũng có khi một làng thờ hai, ba vị Thành hoàng hoặc cũng có trường hợp hai ba làng thờ một vị Thành hoàng. Thành hoàng có thể là nam thần hay nữ thần, tùy sự tích mỗi làng. Đó có thể là một vị thần như Phù đổng Thiên vương, thần núi như Tản Viên Sơn thần, thần có công với dân với nước như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Tuấn, Yết Kiêu, Dã Tượng...

Thờ cúng Thành hoàng được phổ biến từ xưa và lưu truyền lại cho đến ngày nay ở các cộng đồng làng xã người Việt, được họ coi trọng như thờ cúng tổ tiên trong gia đình của mình và trở thành đạo lý, lẽ sống của người dân Quảng Trị. Có thể nói làng xã người Việt Nam nói chung và Quảng Trị nói riêng tồn tại vững chắc hàng ngàn năm nay là bởi nó giữ được truyền thống về làng mà Thành hoàng và ngôi đình là một biểu tượng, một thành tố quan trọng tạo nên cái tốt đẹp đó.

Chính sự thờ phụng này là sợi dây liên lạc vô hình, giúp dân làng đoàn kết, nếp sống cộng cảm hoà đồng, đất

lễ quê thói được bảo tồn. Dường như sự ngưỡng mộ Thành hoàng của người dân không kém gì sự ngưỡng mộ đối với tổ tiên của họ.

Hàng năm, ngày giỗ Thành hoàng là ngày hội đông vui nhất của dân làng. Trong những ngày hội, ngoài việc làm cỗ, ăn uống còn rất nhiều nghi lễ như diễn lại sự tích về Thành hoàng, tế lễ, rước kiệu hay các trò vui: đấu cờ, thổi cơm thi, đua thuyền, đánh đu, đánh cờ người... Ngày lại ngày, năm qua năm, các thế hệ người dân quê cứ tiếp tục sinh sôi nhưng Thành hoàng thì còn mãi, trở thành một chứng tích không thể phủ nhận được của mỗi làng quê qua những cơn dâu bể.

5. Hội làng

Hội làng ở các làng quê Việt Nam nói chung, Quảng Trị nói riêng thường được tổ chức vào mùa xuân, khi đất trời giao hòa, thiên nhiên tươi tốt, lòng người hân hoan. Đây là một nét văn hóa của người Việt đã có từ lâu đời. Tại Quảng Trị, một số hội làng tiêu biểu như Lễ hội Chợ Đình Bích La (xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong), Lễ hội Cầu Ngư của cư dân các làng quê ven biển Quảng Trị hay Hội xuân làng Thử Luật (xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh), Hội xuân làng Kim Long (xã Hải Quế, huyện Hải Lăng)...

Xem xét từ nhiều yếu tố lịch sử và văn hóa, hội làng mang tính cộng đồng cao, đó là nơi thể hiện ước mong về sự hòa hợp, đoàn kết vì một ước nguyện chung cho sự phồn vinh của làng xã. Hội làng thường được tổ chức thật vui, thật đầm ấm vì tình làng, nghĩa xóm. Điều đó thể hiện qua những khâu chuẩn bị cho đến khi nuối tiếc lúc tan hội. Có xem hội làng, ta mới cảm nhận hết ý nghĩa và lòng tự hào dân tộc với một truyền thống vàng son.

Cũng như lễ hội truyền thống, hội làng gồm 2 phần: Phần lễ và phần hội và thường diễn ra ở trước sân đình. Nhưng ở hội làng, phần hội bao giờ cũng nổi

trội hơn. Lễ thể hiện lòng ngưỡng mộ, sùng bái anh hùng, tôn vinh danh nhân, người có công với dân, tổ nghề, có thể là những thần, thánh, phật, mẫu, hay những nhân vật siêu phàm, đại diện cho tôn giáo, người bảo trợ tinh thần, đem lại đời sống ấm no, hạnh phúc cho cộng đồng. Phần lễ thường gồm các hoạt động rước và tế... Hội là dịp thể hiện sinh hoạt văn hóa cộng đồng từ múa, hát giao duyên, các trò diễn xướng, sân khấu cổ truyền, các cuộc thi tài mang tính thượng võ...

Có thể nói, không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người Việt Quảng Trị trong các làng quê truyền thống không chỉ đơn thuần là nơi cư trú mà còn là nơi thể hiện những đặc trưng văn hóa, kinh tế, chính trị, tôn giáo, tập quán của người nông dân ở làng quê. Điều này tương thích với nhận định của các nhà nghiên cứu văn hóa về mẫu người văn hóa làng xã là mẫu người của cộng đồng; còn làng xã là một khối cộng đồng tập thể, tồn tại khá lâu đời trong lịch sử.

Trong thời kỳ hội nhập, đổi mới và phát triển hiện nay, để bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta mong rằng hội làng ở các làng quê vẫn sẽ được tổ chức thường xuyên và giữ được sức cuốn hút, hấp dẫn lâu đời vốn có của nó, giảm trừ các hủ tục, tệ nạn xã hội. Bởi hội làng là tinh hoa văn hóa Việt Nam, là chìa khóa vĩnh cửu - một sự đảm bảo chắc chắn góp phần xây dựng “nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Trải qua thời gian cũng như sự biến thiên của lịch sử, đến nay, nhiều nét văn hóa làng đã thay đổi. Tuy vậy, những dấu ấn làng xã của các làng quê người Việt Quảng Trị vẫn mãi là những hình ảnh thân thương, gần gũi và rất khó phai mờ trong tâm thức mọi người khi nhớ về làng quê - nơi mình được sinh ra và lớn lên.

N.T.N



LAN TỎA NHỮNG VIỆC HAY, TẤM GƯƠNG SÁNG HỌC TẬP VÀ LÀM THEO BÁC

NGUYỄN TRÍ ÁNH

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị

Từ chủ trương...

Tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tinh hoa văn hóa của nhân loại, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và Nhân dân ta, là tấm gương sáng để mọi người Việt Nam học tập và noi theo.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng đó, từ năm 2003 đến nay Bộ chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo; đó là Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới” tiếp đến, ngày 07/11/2006, Bộ Chính trị (khóa X) ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW, về tổ chức cuộc vận động “Học tập

và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; ngày 14/5/2011, Bộ Chính trị khóa XI ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW, “về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và bước vào thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”;

Tuy mỗi Chỉ thị có mỗi cấp độ khác nhau nhưng tựu trung là kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đều cùng hướng tới mục đích: Xây dựng một xã hội trên một cái gốc quan trọng đó là đạo đức là nhân cách con người. Bởi xét cho cùng đạo đức là cái quý nhất, là linh

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TÂM TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

hồn của một con người, một xã hội, một chế độ và một nền văn minh. Đạo đức là cái tiền đề, tiên quyết, là giá trị thuộc về nhân cách con người, là sức mạnh để người cách mạng thực hiện lý tưởng, hoài bão, mục tiêu phấn đấu của mình.

... đến việc hay, tấm gương sáng

Gần 16 năm triển khai, tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

nói, nói dân hiểu, làm dân tin”, đưa việc “*Lắng nghe ý kiến của nhân dân*” thành chuẩn mực đạo đức, văn hóa; **Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ** với thông điệp “*Khẩn trương, tình thương, trách nhiệm*” đã động viên cán bộ, công chức, viên chức, y bác sĩ, người lao động phát huy tinh thần trách nhiệm phục vụ người bệnh, Vì vậy, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, tỷ lệ bệnh nhân đến khám và điều trị tăng 70%; **Công**



Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm Sở Nông Lâm Hà Nội và sử dụng thử chiếc máy cấy tại ruộng thí nghiệm của Sở (7/1960). Ảnh: nguồn internet.

phong cách Hồ Chí Minh, trên địa bàn tỉnh ta với tấm lòng kính yêu ngưỡng mộ Bác với tâm nguyện phải làm một việc dù là nhỏ nhất; chính vì vậy đã xuất hiện nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, điển hình tiên tiến: Đó là **lực lượng vũ trang Quảng Trị** đã phát huy truyền thống “*Bám trụ kiên cường, lập công xuất sắc, vững mạnh toàn diện*” gắn với những nội dung về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; **Công an Quảng Trị** với diễn đàn “*Công an Quảng Trị nghe dân*

an huyện Cam Lộ với tâm nguyện “*Người dân một lần đến cơ quan Công an là được giải quyết*” cán bộ chiến sỹ đã đến tận địa bàn giao trả đến tận tay người dân hàng ngàn giấy chứng minh Nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô cho người dân; **Hội LHPN thành phố Đông Hà** phong trào “*Nuôi heo đất tiết kiệm*” và “*Hũ gạo tình thương*” đã thu được 2,1 tỷ đồng; nhờ vậy, đã trích 705 triệu đồng hỗ trợ cho 894 phụ nữ là chủ hộ nghèo và khó khăn, hỗ trợ 15 thẻ BHYT cho 15 phụ nữ nghèo, khó khăn với tổng số tiền

8.294.000đ; trao tặng 7,8 tạ gạo. Cùng với đó, mô hình “*bát cháo yêu thương*”, Hội đã phát hơn 4.250 bát cháo cho bệnh nhân Bệnh viện Đa khoa tỉnh với số tiền 63.700.000đ; **Đảng bộ bộ phận khối 3B - Thị trấn Khe Sanh Hướng Hoá** đã xây dựng mô hình tự quản về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xây dựng tuyến phố văn minh đã làm thay đổi bộ mặt của khối phố; **Hội LHPN thị trấn Lao Bảo**: phối hợp với Chi hội Phụ nữ khóm Ka Tăng vận động mua dê giống cấp quay vòng cho hộ nghèo trong khóm Ka Tăng. Theo đó, mỗi hộ nhận 01 con về nuôi, khi dê sinh sản thì chuyển cho hộ khác. Từ 8 phụ nữ được cấp 18 con dê giống đến nay đàn dê đã phát triển lên 145 con, có 7 hộ đã thoát được nghèo...và còn nhiều nhiều nữa những việc làm ý nghĩa khác.

Sống trong một tập thể nhân văn, nhiều cá nhân tuy đời thường phải bươn chải cuộc sống mưu sinh nhưng học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách của Người với những việc làm ý nghĩa: Chị Trần Thị Huyền, Chủ tịch Hội LHPN xã Hải Khê, Hải Lăng nhận đỡ đầu 2 cháu có hoàn cảnh khó khăn. Sư cô Thích Nữ Thanh Nhã-Trú xứ Niệm Phật đường Đông Dương xã Hải Dương, Hải Lăng đã vận động nguồn lực để xóa nhà tạm cho hộ nghèo, giúp đỡ các gia đình khó khăn; chị Nguyễn Thị Tấn, (Hải Lệ, TX Quảng Trị) mặc dầu cuộc sống còn khó khăn nhưng nhặt được số tiền 10 triệu đồng đã tìm cách trả lại cho người mất; chị Nguyễn Thị Thùy Loan (Giám đốc Công ty TNHH Giang Loan), anh Phan Văn Hóa (Giám đốc Công ty TNHH Hải Triều) TX Quảng Trị đã giúp đỡ vật chất cho các cháu học sinh và các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, nhận phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng neo đơn; bà Nguyễn Thị Thương - Chi hội trưởng Phụ nữ khóm Ka Tăng, (Lao Bảo, Hướng Hóa) là người đi đầu trong mô hình “ngân hàng

dê” và chính bà đã ủng hộ 20 triệu đồng mua dê giống cấp cho các hộ nghèo; anh Nguyễn Văn Luật - Gio Linh luôn tận tâm kêu gọi, kết nối được nhiều tổ chức, cá nhân giúp đỡ cho những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổ chức nấu cháo, cơm phát miễn cho bệnh nhân nghèo đang điều trị tại Trung tâm Y tế huyện; Cô giáo Trần Thị Loan - Gio Linh, vừa làm tốt công tác quản lý vừa có tấm lòng nhân hậu giúp đỡ nhiều học sinh mồ côi trên địa bàn; cô giáo Hoàng Thị Sành - Cam Lộ cần mẫn với công việc dạy chữ cho học sinh khuyết tật tay, chân trên địa bàn huyện; thầy giáo Nguyễn Chơn Cẩm - (THPT Vĩnh Định - Triệu Phong) đã 17 lần tình nguyện hiến máu với hơn 4.250cc máu cứu người; ông Nguyễn Văn Tân - Triệu Phong hàng chục năm đi trồng cây xanh tại các điểm công cộng... anh Mai Quang Duy - Đông Hà đã 10 lần hiến máu tình nguyện cứu người...

... và lan tỏa

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người mà lời nói đi đôi với hành động, lý luận đi đôi với thực tiễn, nói là để mà làm, không những phải tìm hiểu thế giới mà còn phải cải tạo thế giới. Nói đi đôi với làm là nguyên tắc đạo đức của Người.

Thiết nghĩ học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách của Người không phải là “tâm chương trích cú” mà cái chính là hành động, hành động.

Xin khép lại bài viết này, với thông điệp của Nhà báo U. Bớt - séc (Pháp): **“Người ta không thể trở thành Hồ Chí Minh, nhưng ở cụ Hồ, mỗi người có thể học một số điều làm cho mình trở thành tốt hơn”** - Đó chính là mục đích chúng ta đang hướng tới./.

N.T.A

Tản mạn

Hoa Lan Hồ Điệp Sa Mù

Hải Yến

Vượt qua cái nắng hanh hao ở thành phố Đông Hà, đi qua những vòng cua của đồi núi trập trùng, chúng tôi đến mảnh đất vùng biên Hướng Hóa, giáp ranh nước bạn Lào - không khí lạnh vùng cao ủa căng lồng ngực trong buổi sáng mờ sương. Từ tượng đài chiến thắng Khe Sanh đi sâu vào 40 km là đỉnh Sa Mù. Đèo Sa Mù nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Quảng Trị, nối liền hai xã Hướng Phùng và Hướng Việt của huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Củng đèo có độ cao gần 1.400 m so với mặt nước biển, giáp biên giới Việt - Lào. Sở dĩ, con đèo được đặt tên là Sa Mù bởi vì nơi đây mây phủ trắng xóa có độ dài gần 40km. Giữa ban trưa

đúng 12 giờ đứng ngo đứng ở đèo vẫn còn thấy sương mù sà xuống quấn quít chân người đi, băng lảng cả chân trời. Từ một vùng đèo heo hút, ít dấu chân người, giờ đây khi chúng tôi dừng chân tại Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa, đèo Sa Mù trong tiết trời chớm xuân đang rực rỡ màu sắc của những cánh lan Hồ Điệp mang tên địa danh đỉnh đèo này. Những người sống lâu năm ở miền núi Hướng Hóa này ắt hẳn đều biết nơi đây vốn rất nổi tiếng bởi các giống lan rừng sống trong tự nhiên đa dạng, phong phú về chủng loại - theo chân những người thương lái các loài hoa bản địa được khai thác trong tự nhiên trên các vách núi cheo leo, thân



Đồng chí Nguyễn Đức Dũng UVBTV TU, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (thứ 2 từ phải sang) thăm mô hình Lan Hồ Điệp công nghệ cao tại Sa Mù, Hướng Hóa.

Ảnh: Xuân Ngọ.

cây cổ thụ giữa rừng già được bà con đồng bào tìm kiếm, thu hái đem về các vùng dưới miền xuôi để bán. Nhưng sự khai thác cùng kiệt vì mỗi lợi kinh tế trước mắt tiềm ẩn nhiều đe dọa cho môi trường sinh thái, đã khiến cho các giống lan tự nhiên ngày càng cạn kiệt, đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Để cái đẹp của một loài hoa được mệnh danh là “nữ hoàng” này không bị mất đi theo thời gian, cần lắm bàn tay, khối óc của con người để nhân giống, duy trì sức sống

lạc mình. Một ngày nọ, kẻ thù kéo đến cướp tổ chim, bắn những mũi tên có lửa vào các cô gái, nhưng các cô, kể cả các cô đã chết, vẫn ôm chặt các cành cây để xả thân bảo vệ kho báu của bộ lạc. Tâm hồn những cô gái ấy đã biến thành những bông hoa tuyệt vời ngát hương và đủ loại tựa như các cô gái của bộ lạc Aruaki đang đua nở trên các cành cây. Người đời nay gọi đó là hoa Oóc-khi-đêa - hay là hoa Phong Lan.



Khách thăm quan mô hình Lan Hồ Điệp tại Sa Mù, Hương Hóa. Ảnh: Sỹ Tiến.

phong lan - lưu giữ sắc hương cho đời, bảo tồn được các loài hoa quý hiếm.

Nhiều người đam mê loài hoa phong lan nhưng ít ai rõ ngọn nguồn xuất xứ sâu xa của nó, từ trong truyền thuyết người xưa kể rằng: Ở một miền xa xôi, khí hậu ẩm áp và đất đai trù phú có một bộ lạc tên là Aruaki, họ sai khiến được loài chim Oóc-chít chuyên đẻ những quả trứng bằng vàng và các cô gái của thủ lĩnh sẽ thay nhau phục trên các cành cây, bảo vệ tổ chim khỏi bị chim ưng phá hoại, còn trai tráng cũng sẽ canh giữ không cho các chiến binh của bộ lạc khác đến đánh chiếm kho báu của bộ

Từ câu chuyện xa xưa cho đến bây giờ, có thể thấy hoa lan là một trong những sản vật của tạo hóa, là tác phẩm nghệ thuật tuyệt tác mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Hoa lan có vẻ đẹp, sức hấp dẫn người chơi đến kỳ lạ, loài hoa này hội tụ tất cả các đặc điểm quý của các loài hoa như màu sắc đẹp, phong phú, cấu tạo hoa đa dạng, tinh tế, hoa có độ bền lâu và đặc biệt hấp dẫn người chơi bởi hương thơm quyến rũ. Chiêm ngưỡng vẻ đẹp của hoa phong lan, tâm hồn con người như được giao hòa cùng thiên nhiên, tìm thấy được sự thung dung, tự tại. Theo tài liệu nghiên

cứu về lan của Việt Nam (năm 2003), ở nước ta đã biết được 897 loài thuộc 152 chi của họ lan. Trên thế giới có chừng 35.000 loài và 800 chi của họ lan không kể các loài lan lai mới tạo được (Trần Duy Quý, 2005). Họ lan (Orchidaceae) chỉ bao gồm các loài cây thân thảo. Hoa lan được xếp vào họ 2 lá mầm cùng họ với ngô, lúa, đặc điểm nhận dạng là gân lá song song. Sự phong phú về kiểu dáng của các loại hoa lan khiến con người không khỏi ngỡ ngàng. Trong khi lan Vũ Nữ có hình dáng tha thướt, uyển chuyển như cô gái đang khiêu vũ, Ngọc Điểm có hình dáng nhìn nghiêng giống như hình con ong thì lan Hồ Điệp lại mang hình dáng giống như những chú bướm đầy màu sắc mang vẻ đẹp kỳ diệu. Trong vô vàn loài lan thì lan Hồ Điệp là loại hoa có kích thước lớn, bền và rất đẹp, nhiều màu sắc phong phú từ trắng, tím, vàng, đỏ,... Giống Lan Hồ Điệp có khoảng 70 loài trong đó có 44 chủng loại, xuất xứ của các loài lan Hồ Điệp bản địa của khu vực Đông Nam Á đến vùng núi Himalaya và các đảo Polillo, Palawan, Zamboanga del Norte của Mindanao thuộc Philippines và bắc Úc. Loài hoa này được khám phá lần đầu tiên vào năm 1750 được ông Rumphius xác định dưới tên là *Angraecum album*. Đến năm 1753, Linné đổi lại là *Epidendrum amabile* và 1825, Blume, một nhà thực vật Hà Lan định danh một lần nữa là *Phalaenopsis amabilis* Bl, và tên đó được dùng cho đến ngày nay. Lan Hồ Điệp sống ở độ cao 200-400 m nên vừa chịu khí hậu nóng ẩm vừa chịu khí hậu mát, nhiệt độ trung bình từ 20°C - 30°C, trong đó nhiệt độ lý tưởng cho việc nuôi trồng loại lan này là 22°C - 27°C. Hoa nở luân phiên hết bông này đi đến bông khác, thời kì nở hoa thay đổi theo từng loài và thường nở trong vài tháng. Số hoa trên cành biểu thị sức sống của cây. Số lượng hoa càng nhiều thì cây càng sung sức. Từ lâu, lan Hồ Điệp đã vô

cùng được ưa chuộng trong việc chọn hoa để trang trí, trưng bày bởi sự cao quý, tinh tế, thanh nhã. Vẻ đẹp kiêu sa tựa như hàng trăm cánh bướm chập chờn đủ màu sắc tạo sức hút không thể cưỡng nổi đối với không chỉ giới sành hoa mà với bất cứ người nào vô tình được chiêm ngưỡng. Nắm bắt được thị hiếu của người đam mê dòng hoa đẹp và có sức sống dẻo dai và bền bỉ này, con người đã thuần hóa lan Hồ Điệp trong tự nhiên, phát triển và lai tạo tại các phòng nuôi cấy mô để tạo ra nhiều giống mới với muôn vàn màu sắc và kiểu dáng đặc trưng khiến cho hoa lan ngày càng trở nên phong phú.

Chúng tôi đã được ngắm vườn hoa lan Hồ Điệp tại Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa giữa Đèo Sa Mù với một sự ngạc nhiên xen lẫn niềm vui thích của những người đam mê sắc đẹp của loài hoa này. Giữa vùng đất hoang sơ nơi miền biên giới những nụ hoa mơn mớn, căng tràn nhựa sống với 12 màu sắc đã được ươm mầm từ bàn tay những con người yêu cái đẹp, đam mê nghiên cứu khoa học với mong muốn góp sức mình bảo tồn môi trường thiên nhiên và hơn cả là khát vọng nhân lên vẻ đẹp muôn hương của lan Hồ Điệp, đem sắc hương ấy đến mọi nhà.

Chia tay đỉnh đèo mây phủ, chia tay những con người tâm huyết đang ngày đêm nhân lên cái đẹp ở vùng biên chúng tôi theo xe men dọc những khúc cua quanh co để trở về. Dừng chân đứng ở lưng chừng đèo ngắm trọn núi đồi xanh ngắt, bạt ngàn trong tầm mắt, ấn tượng về sắc hoa vẫn còn lảng đọng trong tâm trí. Từ nơi đây, khát vọng hình thành một “tiểu Đà Lạt” thu nhỏ giữa lòng phố núi - thúc đẩy tuyến du lịch trải nghiệm thiên nhiên sẽ ra đời để nối những cung đường nơi triền núi, ươm mầm hạnh phúc!

200 NĂM CHUỘT GÓP “CÔNG” KHOA HỌC (1889-2020)

NGUYỄN TẤN TUẤN

Nói đến loài chuột, người ta thường nghĩ ngay đến những tội của chúng như phá hoại mùa màng; truyền dịch bệnh gây hại cho con người ... tuy vậy nếu chỉ xem xét một phía thì hơi oan cho chuột. Ngoài những cái xấu, loài chuột còn được sử dụng để nghiên cứu trong phòng thí nghiệm từ hơn 200 năm nay (1889-2020). Các nhà khoa học bắt đầu tìm hiểu bệnh ung thư của người, bằng việc nghiên cứu những khối u trong cơ thể chuột ...

“Hy sinh” vì khoa học

Năm 1929, Jackson, nhà di truyền học, thuộc viện đại học Harvard (Mỹ) thành công trong việc tạo một dòng chuột mới, bằng phương pháp chuyển đổi gene và ông cũng thành lập một phòng thí nghiệm về chuột. Từ năm 1930 trở về sau, Jackson tiếp tục khám phá những con chuột bị đột biến gene và gây giống chúng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Năm 1930, bác sĩ George Snell đã dùng chuột để nghiên cứu và được giải thưởng Nobel về công trình khám phá vai trò của gene trong việc chấp nhận hoặc đào thải các bộ phận được ghép vào cơ thể con người.

Khoảng 20 năm cuối thế kỷ 20, số lượng loài chuột dùng trong phòng thí nghiệm đã giảm bớt 50%. Nhờ những tiến bộ mới về kỹ thuật, việc thí nghiệm tăng thêm hiệu quả. Vì vậy, những con chuột phải “hy sinh vì khoa học” được giảm đi. Mặc dù đã giảm bớt như vậy, hằng năm, phòng thí nghiệm Jackson, bang Maine (Mỹ), vẫn phải gửi hơn hai triệu con chuột đến các trung tâm nghiên cứu y học trên khắp thế giới để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học.

Các nhà khoa học thường dùng chuột để nghiên cứu do thời gian thai nghén của chúng chỉ kéo dài 3 tuần, từ lúc mới sinh đến lúc trưởng thành và có thể tiếp tục sinh sản cũng chỉ có 3 tháng. Đồng thời tuổi thọ của chuột chỉ khoảng 3 năm. Dòng đời chuột ngắn ngủi, nhưng các thế hệ chuột mau chóng nối tiếp nhau, do đó các nhà khoa học sớm thấy được những gì diễn biến trong quá trình nghiên cứu.

Bên cạnh đó, 85% hệ gene của loài chuột rất giống của người. Thông qua cơ thể chuột đã giúp các nhà khoa học tìm hiểu hoạt động sinh lý của cơ thể con người. Vì vậy chuột được dùng làm vật thí nghiệm để nghiên cứu các chứng

bệnh và các vắc xin có thể sẽ được dùng thử cho người phòng và điều trị bệnh tật.

Tại Viện đại học Rockefeller (Mỹ), các nhà khoa học đã nghiên cứu chứng béo phì của chuột, họ tìm thấy gene của những con chuột tạo nên hormone leptin, làm cơ thể béo lên quá nhanh. Họ làm thí nghiệm chữa khỏi cho chuột và hy vọng sẽ chữa được chứng béo phì, khá phổ biến ở người trong môi trường sống thời công nghiệp hiện nay.

Hội bảo vệ... chuột

Việc các nhà khoa học sử dụng hai triệu con chuột mỗi năm, đã làm xúc động “Hiệp hội những người đối xử có đạo đức với súc vật”. Họ phản đối việc dùng loài vật vào tất cả các việc thí nghiệm. Họ lý luận rằng: “Nếu bỗng xuất hiện một giống người nào có quyền năng hơn từ hành tinh khác đến trái đất, chắc chắn chúng ta sẽ mong mỗi họ có lòng nhân từ với mình !” Phòng



Trong thế kỷ 21, các nhà khoa học vẫn đang tiếp tục nhờ đến loài chuột để nghiên cứu y học phục vụ loài người. Ảnh: Đám cưới chuột, nguồn internet.

Các nhà khoa học hiện cũng đang nghiên cứu chứng rụng lông, làm cho chuột không còn sợi lông nào trên mình, sau khi sinh ra được 10 ngày. Họ đã tìm nguyên nhân, từ đó đã phát minh loại thuốc điều trị chứng rụng tóc, hói đầu của con người. Hoặc trong công trình nghiên cứu chứng loạn sản sụn (achondroplasia) làm cơ thể chuột bé lại, có thể đưa đến những khám phá mới, điều trị chứng lùn và làm tăng chiều cao cho con người. Các nhà khoa học còn dùng chuột để nghiên cứu chứng run tay chân, các khuyết tật làm mù mắt khi mới sinh ra, các bệnh tim mạch và cả bệnh AIDS...

thí nghiệm Jackson không đưa ra ý kiến gì, nhưng Bác sĩ Andrew Rowan, giám đốc “Trung tâm giữ gìn trật tự súc vật và sinh hoạt công cộng” cho rằng: Có thể và cũng cần triển khai các phương pháp khác để thay thế dần. Nhưng hiện nay không dùng đến chuột, các công trình nghiên cứu về miễn dịch và nhất là bệnh Alzheimer, sẽ gặp nhiều khó khăn. Trong thế kỷ 21, các nhà khoa học vẫn đang tiếp tục nhờ đến loài chuột xấu xí này để nghiên cứu y học phục vụ loài người./.

N.T.T

MỪNG ĐẢNG TRÒN 90

NGUYỄN THỊNH

Đảng ta trong sáng vô ngần
 Chín mươi năm tuổi đã gần thập niên
 Trải qua kháng chiến triền miên
 Vững tay chèo lái, hai miền về chung

Đất nước thống nhất tròng phùng
 Xây nên xã hội với cùng ước mơ
 Dân giàu, nước mạnh nên thơ
 Đó là di nguyện Bác mơ thuở nào

Cũng là cương lĩnh ngày nào
 Đồng chí Trần Phú gửi vào luận cương
 Từ trong kháng chiến kiên cường
 Dân tin, Đảng vững phi thường chiến công

Toàn Dân, toàn Đảng một lòng
 Sánh vai cường quốc những mong dân giàu
 Chín mươi năm ấy đời trau
 Đảng càng vững mạnh trước sau huy hoàng.

TẾT QUÊ

LÝ THỊ MINH CHÂU

Bâng khuâng nhớ tết quê nhà
 Nhớ rau muống luộc
 Nhớ cà dầm tương
 Nhớ cô hàng xóm dễ thương
 Nhớ mùi hoa bưởi
 Nhớ hương hoa lài
 Nhớ mẹ gồng gánh nặng vai
 Bánh chưng gói cả hình hài của quê

Một sợi lạt một đời tre
 Mặn mòi hạt muối
 Cay xè hạt tiêu
 Lá dong cuốn mếp dỗi chiều
 Dẻo thơm xôi nếp ấp iu thịt thà
 Bùi ngậy hạt đậu xanh cà
 Biết bao công sức mẹ cha cấy trồng
 Rạ rơm cho ngọn lửa hồng
 Mồ hôi đổi vại nước sông ngọt ngào

Đêm quê vằng vặc ánh sao
 Bên nồi bánh tết xông xáo chuyện trò
 Giao thừa xếp lại âu lo
 Hân hoan câu chúc
 Tròn vo tiếng cười.

Những năm Tý

Tuổi Tý và nhiều sự kiện lớn

NGUYỄN TẤN TUẤN

Năm Canh Tý (40), hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, trả thù nhà, đánh đuổi Thái thú Tô Định chạy về Tàu.

Năm Giáp Tý (544) Lý Bôn lên ngôi hoàng đế, đặt quốc hiệu nước Việt Nam là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức.

Năm Nhâm Tý (1252) Vua Chiêm Thành đem quân sang quấy đánh chiếm vùng biển nước ta. Vua Trần Thái Tông ngự giá thân chinh mang quân đánh đuổi quân đệp loạn và chiến thắng khải hoàn.

Năm Mậu Tý (1228) Việt Nam có trận đại thắng trên sông Bạch Đằng, bắt sống tướng giặc Tàu Ô Mã Nhi, làm sụp đổ giấc mộng xâm lược của phương Bắc.

Năm Mậu Tý (1648) Trịnh - Nguyễn phân tranh, quân Trịnh bị đại bại.

Năm Nhâm Tý (1792), Vua Quang Trung băng hà, con là Quang Toản lên ngôi lấy hiệu là Cảnh Thịnh.

Năm Canh Tý (1840), Vua Minh mạng, vị vua lừng lẫy nhất của Triều Nguyễn qua đời.

Năm Mậu Tý (1888), Vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt và đày sang Algérie.

Năm Nhâm Tý (1912): Việt Nam Quang phục hội được thành lập với tôn chỉ đánh đổ thực dân Pháp, khôi phục nước Việt Nam.

Năm Giáp Tý (1924): Phạm Hồng Thái mưu sát viên toàn quyền của chính quyền thực dân Pháp Méclan ở Sa Diện - Quảng Châu (Trung Quốc).

Năm Bính Tý (1936): Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp vào tháng 7, để định ra đường lối và phương pháp đấu tranh mới, đưa phong trào cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

Năm Canh Tý (1960), Phong trào Đồng khởi bắt đầu từ Bến Tre lan rộng khắp miền Nam. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời với chính sách: Độc lập - Dân chủ - Hòa bình - Trung lập, lãnh đạo nhân dân miền Nam chống lại chế độ Mỹ - Diệm, tạo tiền đề cho hòa bình thống nhất nước nhà.

Năm Nhâm Tý (1972): Quân giải phóng tổ chức tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam, đập tan tuyến phòng ngự của Việt Nam Cộng hòa ở tỉnh Quảng Trị, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị và nhiều nơi khác. Cuối năm đó, tiếp tục có trận Điện Biên Phủ trên không, đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm, buộc chúng phải ký Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

Năm Bính Tý (1996): Đại hội VIII của Đảng (tháng 7-1996) đồng ý tuyên bố: Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

N.T.T

KÍNH MỜI CỘNG TÁC

ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - SỐ 2/2020

Đặc san Khoa học và Công nghệ Quảng Trị số 2.2020 dự kiến xuất bản vào tháng 5.2020 với nội dung tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm 2020. Chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ XIII của Đảng, Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5, ngày Sở hữu trí tuệ 26/4... Tuyên truyền các hoạt động và thành tựu KH&CN trong tỉnh, trong nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động liên quan khác,... Giới thiệu, quảng cáo các thành tựu hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trân trọng kính mời các cộng tác viên tham gia gửi bài viết, hình ảnh và các thông tin liên quan đến nội dung trên (Số chữ trong bài khoảng 5.000 từ trở lại).

Liên hệ gửi về địa chỉ: Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN, Đường Điện Biên Phủ, Đông Lương, TP. Đông Hà, Quảng Trị

Điện thoại: 0233 3857 030; E-mail: dacsan.khcn.kt@gmail.com

Trân trọng cảm ơn!

BBT ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



DAVICS

CÔNG TY TNHH DAVICS

Địa chỉ: Đường K2, KCN Nam Đông Hà, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0916691246 - 0917770686

Chúc Mừng Năm Mới

2020

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

- ✓ Nghiên cứu/Chế tạo máy CNC plasma-gỗ-lazer, cánh tay robot
- ✓ Chế tạo dây chuyền sản xuất tự động theo đơn đặt hàng
- ✓ Gia công cơ khí An toàn giao thông, cổng cửa sắt mỹ thuật
- ✓ Lắp đặt, bảo trì mái pin năng lượng mặt trời

